|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2024* |

**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU, Ý KIẾN GÓP Ý**

**ĐỐI VỚI HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT KH&CN (SỬA ĐỔI)**

**1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Chương trình công tác của Chính phủ năm 2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, xây dựng hồ sơ trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN) (sửa đổi). Ngày 27/3/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 1026/BKHCN-PC gửi lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách.

**2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến**

2.1. Tổng số các cơ quan gửi đi lấy ý kiến: 120 cơ quan, gồm: 24 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 63 UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, 33 doanh nghiệp, tổ chức hội, hiệp hội, liên đoàn.

2.2. Tổng số ý kiến nhận được: Đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được 74 văn bản góp ý hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi), gồm:

- 24/24 ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương (Bộ: Tư pháp; Tài chính; Nội vụ; Ngoại giao; Quốc phòng; Công an; Văn hóa, Thể thao, Du lịch; Thông tin và Truyền thông; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Xây dựng; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động, Thương binh và Xã hội; Thanh tra Chính phủ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy ban Dân tộc; Tòa án nhân dân Tối cao; Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; Đại học Quốc gia Hà Nội).

- 07/33 doanh nghiệp, tổ chức hội, hiệp hội, liên đoàn (Hội Doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam; Tập đoàn My Lan; Tổng Công ty Điện lực Việt Nam; Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tập đoàn Viettel; Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam).

- 45/63 ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, phố trực thuộc Trung ương (Bắc Ninh, Bình Định, Bình Dương, Cần Thơ, Hưng Yên, Lạng Sơn, Long An, Nghệ An, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Sóc Trăng, Thái Bình, Thái nguyên, Thanh Hóa, Vĩnh Long, Yên Bái, Quảng Nam, Bình Dương, Tiền Giang, Đắk Lắk, Trà Vinh, Huế, Lâm Đồng, Phú Yên, Hà Nội, Đồng Nai, Tuyên Quang, Cà Mau, Hà Nam, Bắc Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Thuận, Đồng Tháp, Gia Lai, Hà Giang, Khánh Hòa, Kon Tum, Lai Châu, Lào Cai, Quảng Bình, Sơn La, Tây Ninh, Vĩnh Phúc).

Trong tổng số 74 ý kiến đã nhận được, có 19 ý kiến nhất trí hoàn toàn với dự thảo, bao gồm: 03 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 01 doanh nghiệp; 15 tỉnh, thành phố.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ thể góp ý** | | **Nội dung góp ý** | **Nội dung tiếp thu,**  **giải trình** |
| I. Góp ý chung (tổng thể hồ sơ) | | | | |
|  | **Bắc Ninh** | | - Nghiên cứu, bổ sung các quy định tạo thuận lợi cho việc thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo tại địa phương, qua đó tham gia vào mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc gia, tạo sự gắn kết, tăng cường hợp tác chặt chẽ giữa các tổ chức có cùng chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp giữa nhà nước - nhà khoa học - nhà trường - nhà doanh nghiệp | Tiếp thu |
| - Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện nội dung dự thảo theo một số định hướng trọng tâm được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tại công văn số 690/TTg ngày 30/7/2023 về việc sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST. | Tiếp thu |
|  | **Bình Phước** | | Bộ KH&CN xây dựng các quy chế, quy định mẫu về hoạt động cho vay; tài trợ, hỗ trợ để Quỹ Phát triển khoa học công nghệ các địa phương có cơ sở xây dựng các văn bản. | Bộ KH&CN tiếp thu và xây dựng quy định cụ thể trong các văn bản hướng dẫn Luật |
|  | **Quảng Nam** | | Đề nghị không dùng thuật ngữ “chấp nhận rủi ro” trong hoạt động nghiên cứu khoa học bởi vì bản chất của nghiên cứu khoa học là tìm ra cái mới và nếu không thành công thì đó cũng là kết quả của nghiên cứu. Nên không thể gọi là rủi ro được. | Quan điểm “chấp nhận rủi ro” trong nghiên cứu khoa học được quy định tại Kết luận 69-KL/TW và Nghị quyết số 100/2023/QH15. Đây cũng là một thông lệ trong hoạt động KH&CN quốc tế. Bộ KH&CN sẽ nghiên cứu, thể chế hóa quan điểm này thành các nội dung cụ thể trong trong Luật KH&CN. |
| Cần có quy định nguyên tắc xử lý các kết quả nghiên cứu khoa học không thành công một cách cụ thể. | Tiếp thu. Nghiên cứu, bổ sung quy định nguyên tắc xử lý các nghiên cứu không đi đến kết quả đã định trước hoặc có kết quả không như dự kiến ban đầu. |
| Cần có quy định việc giao quyền ứng dụng hoặc thương mại hóa các kết quả nghiên cứu một cách cụ thể tùy theo mục tiêu của kết quả cho từng đối tượng ví dụ cho các cơ quan quản lý nhà nước, cho doanh nghiệp,… | Tiếp thu, sửa đổi các nhiệm vụ KH&CN gắn với kết quả và ứng dụng cụ thể. |
| Đối với việc chuyển giao kết quả để các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thương mại hóa cần thay đổi quy định về cơ chế tài chính từ việc định giá thu tiền một lần như hiện nay chuyển sang hình thức thu từ kết quả thương mại hóa của doanh nghiệp. | Nội dung này đang được nghiên cứu, sửa đổi tại Nghị định hướng dẫn Điều 105 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sửa đổi phương thức định giá kết quả KH&CN theo chi phí bỏ ra để thực hiện nhiệm vụ KH&CN). |
| Cần có quy định về nội dung quản lý, nguồn lực, nguồn kinh phí thực hiện hoạt động KH&CN cấp huyện một cách rõ ràng cụ thể, tránh tình trạng mâu thuẫn với Luật Ngân sách nhà nước như hiện nay. | Điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định: “Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu KH&CN. Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã được chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ”.  Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp thu để hoàn thiện trong quá trình xây dựng Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. |
|  | **Cần Thơ** | | - Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản: chỉ sử dụng từ viết tắt khi cần thiết và phải giải thích nội dung của từ ngữ đó tại lần xuất hiện đầu tiên trong văn bản; điều chỉnh thống nhất viết hoa sau dấu chấm phẩy (;), dấu hai chấm (:), viết hoa chữ “Nhân dân” phải phù hợp với quy định của Hiến pháp | Tiếp thu. |
| - Nghiên cứu trình văn bản hợp nhất Luật để thuận tiện trong áp dụng | Luật sẽ được sửa đổi toàn diện nên sau khi được Quốc hội thông qua không phải hợp nhất Luật. |
|  | **Vĩnh Long** | | Đề nghị trong Luật KH&CN (sửa đổi) cần bổ sung quy định cụ thể hơn việc cấp kinh phí, sử dụng và thanh quyết toán tài chính đối với nhiệm vụ KH&CN | Tiếp thu. |
| Để tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, do đó cần bổ sung cơ chế linh hoạt hơn trong việc xác định nhiệm vụ do doanh nghiệp đề xuất đặt hàng. | Tiếp thu. Luật dự kiến có 1 Chương quy định về hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp. |
|  | **Bộ Công Thương,**  **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,**  **tỉnh Bình Dương,**  **tỉnh Nghệ An** | | Đề nghị đánh giá, đề xuất ban hành “Luật KH,CN&ĐMST”.  Đề nghị xem xét trình cấp có thẩm quyền xây dựng Luật KH,CN&ĐMST thay thế cho Luật KH&CN hiện nay. Do theo nội dung đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi) và đề cương dự thảo Luật, hiện các nội dung được sửa đổi, bổ sung chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 4 số điều được xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung); đồng thời phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật được mở rộng, bổ sung. | Tiếp thu. |
|  | **Bình Dương** | | Hiện nay các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, vườn ươm doanh nghiệp… được các tổ chức, doanh nghiệp, viện/trường quan tâm thành lập và phát triển. Để kịp thời quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ chính sách cho các trung tâm, vườn ươm nêu trên, cơ quan soạn thảo cần xem xét quy định rõ trong Luật sửa đổi. | Tiếp thu. |
| Xem xét đưa nội dung chỉ số đổi mới sáng tạo (PII). | Tiếp thu. |
|
|  | **Trà Vinh** | | Trang 1: Dòng thứ 7 từ trên xuống (Luật KH&CN…) | Tiếp thu, rà soát các văn bản và dự thảo hồ sơ Luật để hoàn thiện. Tuy nhiên, để có cơ chế, chính sách vượt trội cho phát triển KH,CN&ĐMST thì cần có một số nội dung đột phá trong Luật KH&CN (sửa đổi). |
| Trang 1: Sửa từ CHƯƠNG |
| Trang 20: Dòng thứ 9 từ trên xuống (thêm cụm từ: dịch bệnh, thảm họa, sau cụm từ: thiên tai; |
| Trang 24: Dòng thứ 8 từ trên xuống: Sửa từ dụng, sau từ: ứng; |
| Đề nghị điều chỉnh các Chương cho đầy đủ, đúng thứ tự. |
| Đề nghị cơ quan soạn thảo bám sát quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019, Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 khi sửa đổi, bổ sung các chính sách trong Luật KH&CN (sửa đổi). |
|  | **Bộ Tư pháp** | | Các chính sách còn chung chung chưa cụ thể nên chưa thể đánh giá được đầy đủ tính thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật. Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật rà soát các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật đảm bảo tính hợp hiến, phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.  Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật để xuất 15 chính sách. Về cơ bản, các chính sách đã được đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, đánh giá tác động chính sách đối với chính sách còn rất sơ sài, chủ yếu mang tính định tính mà chưa định lượng được tác động của các chính sách. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá định lượng đảm bảo chi tiết hơn và khách quan, minh bạch. | Tiếp thu để bổ sung các số liệu đánh giá. Tuy nhiên, một số nội dung không có tác động trực tiếp mà là ảnh hưởng lâu dài đến phát triển kinh tế - xã hội thì sẽ không thể đánh giá định lượng. Đồng thời, Luật KH&CN sửa đổi cũng sẽ đề xuất các chỉ tiêu cụ thể để đánh giá đối với chương trình, nhiệm vụ, tổ chức KH&CN. Qua đó, đánh giá được hiệu quả đầu tư và tác động của KH,CN&ĐMST đối với phát triển kinh tế - xã hội. |
| Tên gọi một số chính sách chưa thể rõ định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP mà chỉ là mục tiêu của chính sách, như: *hoàn thiện quy định để thúc đẩy hội nhập quốc tế về KH&CN và đổi mới sáng tạo (chính sách 15); Hoàn thiện quy định về cá nhân hoạt động KH&CN (chính sách 2); Hoàn thiện quy định về chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (chính sách 8).* Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xác định tên gọi chính sách phù hợp. | Tiếp thu, chỉnh sửa tên gọi chính sách cho phù hợp với nội dung chính sách. |
| Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật có thể đang bị lẫn lộn giữa mục tiêu và giải pháp chính sách, như: *cập nhật các đối tượng, bổ sung các cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST (Chính sách 6); Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế (Chính sách 7)...; tên gọi và mục tiêu, giải pháp của Chính sách 9 (Tăng cường kết nối, nâng cao hiệu quả của dự án ĐMST) chưa có sự liên kết với nhau.* Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật làm rõ nguyên nhân, bất cập của pháp luật hiện hành, yêu cầu thực tiễn để xác định đúng và đầy đủ, hợp lý, khả thi để giải quyết vấn đề và đề xuất giải pháp phù hợp. | Tiếp thu. |
| Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật rà soát nội dung, giải pháp của các chính sách đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các chính sách và trong đề nghị xây dựng Luật với các Luật liên quan. | Tiếp thu. |
| **Chính sách 1: Mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật KH&CN**  *Đề nghị không đưa phạm vi điều chỉnh là một chính sách, phạm vi điều chỉnh phụ thuộc vào nội dung các chính sách đề xuất*. Vì vậy, vấn đề này đưa vào phần phạm vi điều chỉnh tại Tờ trình Chính phủ.  - Bên cạnh đó, mục 1.2 trang 13 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách nêu giải pháp đổi tên Luật để mở rộng phạm vi điều chỉnh sang hoạt động ĐMST; bổ sung chính sách thúc đẩy ứng dụng và đổi mới công nghệ, ĐMST vào phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng tại Luật. Hiện nay, Luật Chuyển giao công nghệ đã có quy định về biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ (mục I chương IV Luật đã có quy định thúc đẩy ứng dụng, đổi mới công nghệ). Việc bổ sung biện pháp thúc đẩy ứng dụng, đổi mới công nghệ có thể sẽ dẫn đến trùng lắp về phạm vi điều chỉnh giữa hai Luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc về việc bổ sung chính sách thúc đẩy ứng dụng và đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo. | - Tiếp thu.  - Bộ KH&CN giải trình như sau: Luật Chuyển giao công nghệ đã có quy định biện pháp thúc đẩy ứng dụng, đổi mới công nghệ. Tuy nhiên, mới tập trung vào một số quy định liên quan đến mua kết quả nghiên cứu, phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&CN và trong thực tiễn các quy định nêu trên vẫn chưa đi vào cuộc sống.  Hoạt động ĐMST không chỉ có nội hàm là ứng dụng, đổi mới công nghệ mà còn bao gồm tổng thể nhiều biện pháp để thúc đẩy liên kết giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và hoạt động dịch vụ KH&CN (ứng dụng công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng…) nhằm đưa kết quả nghiên cứu và phát triển trở thành sản phẩm, hàng hóa có giá trị kinh tế. Do vậy, Luật KH&CN cần mở rộng phạm vi để thúc đẩy sự phát triển của hệ thống ĐMST quốc gia, hệ thống ĐMST vùng, doanh nghiệp. |
| **Chính sách 2: Hoàn thiện quy định chung về hoạt động KH,CN&ĐMST**  Tên Chính sách không thể hiện được định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định mà chỉ là giải pháp cần thực hiện. Vì vậy, đề nghị không đưa ra chính sách này mà có thể nghiên cứu lồng ghép vào các chính sách cụ thể. | Tiếp thu. |
| **Chính sách 3: Thúc đẩy chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST**  - Cơ quan chủ trì lập đề nghị đề xuất giải pháp: Nhà nước đảm bảo nguồn kinh phí chi từ ngân sách nhà nước để đảm bảo sự vận hành theo chức năng của các tổ chức nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập, bảo đảm quyền tự chủ toàn diện của các tổ chức này, trên cơ sở kết quả đánh giá hoạt động được thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ KH&CN.  Tuy nhiên, mục III.6 Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đưa ra giải pháp *“Hoàn thiện pháp luật về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở mức độ tự chủ về tài chính, tăng cường phân cấp và tăng tính chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công lập”*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở chính trị của đề xuất nêu trên. | Tiếp thu. Hoạt động KH,CN&ĐMST được thực hiện chủ yếu ở tổ chức KH&CN, đặc biệt là các tổ chức KH&CN công lập hoạt động trong các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, các lĩnh vực duy trì tiềm lực KH&CN quốc gia không mang lại lợi ích kinh tế trong thời gian ngắn, kết quả chưa thể ứng dụng để thương mại hóa ngay. Tuy nhiên, các tổ chức này có vai trò quan trọng trong nuôi dưỡng tiềm lực KH&CN quốc gia và tạo ra các kết quả nghiên cứu là tiền đề để triển khai tiếp các hướng nghiên cứu ứng dụng. Chính vì vậy, việc đầu tư kinh phí để duy trì, nâng cao tiềm lực cho các tổ chức KH&CN công lập là hết sức cần thiết. Bộ KH&CN sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định liên quan đến đầu tư, tài chính và hoạt động để nâng cao hiệu quả của KH&CN công lập. |
| - Giải pháp “làm rõ khái niệm tổ chức KH&CN công lập, tổ chức KH&CN ngoài công lập để có chế định phù hợp cho 02 loại hình tổ chức này. Chỉ quy định đăng ký hoạt động đối với tổ chức KH&CN” chưa rõ nội dung. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ giải pháp nêu trên. | - Tiếp thu. Đối với tổ chức KH&CN công lập, bên cạnh các quyền và nghĩa vụ chung của các tổ chức KH&CN sẽ có những quy định chặt chẽ hơn về thẩm quyền thành lập, quyền và nghĩa vụ, cơ chế tự chủ, tuân thủ quy hoạch để bảo đảm hiệu quả hoạt động của tổ chức KH&CN công lập. |
| **Chính sách 4: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST**  Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật đưa ra giải pháp *“Hình thành các cơ sở đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý có uy tín và năng lực ở trong nước để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý KH&CN”*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh làm rõ cách thực hiện giải pháp nêu trên có đảm bảo phù hợp với các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW. | Tiếp thu. Hoàn thiện theo hướng nâng cao năng lực cho các cơ sở đào tạo đã có, không bổ sung cơ sở đào tạo để phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW. |
| Tại trang 26 Báo cáo đánh giá tác động chính sách nêu hạn chế bất cập của chính sách là *“chưa có quy định đặc thù về ~~cơ chế tiền lương~~, nâng ngạch bậc, chuyển đổi năm công tác đối với nhân lực KH&CN mà vẫn theo quy định chung áp dụng đối với công chức, viên chức trong hệ thống quản lý nhà nước nên các chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa thực sự thu hút, hấp dẫn nguồn nhân lực chất lượng cao”*. Tuy nhiên, nội dung, giải pháp chính sách chưa có nội dung giải quyết vấn đề này. Hiện nay, Chính phủ đang báo cáo Bộ Chính trị về cơ chế tiền lương để thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng cân nhắc không đưa nội dung này vào bất cập của chính sách này. | - Tiếp thu, bỏ nội dung liên quan đến chế độ tiền lương vì sẽ thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Hoàn thiện giải pháp để giải quyết bất cập về chuyển đổi năm công tác. |
| **Chính sách 5: Tạo điều kiện thuận lợi về đầu tư, tài chính cho KH,CN&ĐMST**  - Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất giải pháp *“Bổ sung quy định về thuế, mua sắm công tại Luật nhằm khuyến khích, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ KHCN&ĐMST. Sửa đổi, bổ sung quy định về đấu thầu, quản lý sử dụng tài sản công phù hợp với đặc thù của hoạt động KH,CN&ĐMST”* mà không nêu cụ thể nội dung của giải pháp. Đề nghị làm rõ tính phù hợp của giải pháp nêu trên với chủ trương *“hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, bảo đảm tính trung lập của thuế, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, điều tiết thu nhập hợp lý”* tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.  Bên cạnh đó, Điều 54 Đề cương dự thảo Luật có nội dung bổ sung thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị cho nghiên cứu và phát triển. Khoản 21 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu đã quy định miễn thuế đối với “*hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được…sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ…”.* Ngoài ra, đề xuất của cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật liên quan đến một số Điều ước quốc tế, cam kết quốc tế như: FTA thế hệ mới như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu (VN-EAEU FTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh EU (EVAFTA) *quy định về các biện pháp liên quan đến ưu đãi thuế quan.* Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị cân nhắc nội dung ưu đãi thuế trong Chính sách này. *Hiện nay, Bộ Tài chính đang nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các Luật về thuế. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị phối hợp Bộ Tài chính để nghiên cứu, bổ sung tại các Luật về thuế cho phù hợp.* | - Nghiên cứu để hoàn thiện cho phù hợp. Bộ KH&CN đề xuất các chính sách ưu đãi với hoạt động KH,CN&ĐMST và sẽ phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đề xuất các quy định trong các liên quan về thuế, đầu tư, đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm bảo đảm tính khả thi.  - Tiếp thu, bỏ quy định này. |
| - Trang 19 dự thảo Tờ trình nêu giải pháp “Giao quyền sử dụng kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cho tổ chức chủ trì để phối hợp với doanh nghiệp hoàn thiện ý tưởng, thương mại hóa kết quả”. Tuy nhiên, khoản 4 Điều 105 Luật Quản lý sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung năm 2023) đã quy định: *“Giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ để phát huy kết quả của nhiệm vụ hoặc sử dụng tài sản để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ...”.* Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị làm rõ việc tiếp tục đề xuất giải pháp nêu trên tại đề nghị xây dựng luật này. | - Tiếp thu, bổ sung nội dung này trong báo cáo đánh giá tác động chính sách. |
| - Điều 49 dự thảo Đề cương Luật quy định *“Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia hình thành từ nguồn vốn được cấp ban đầu, vốn cấp bổ sung hàng năm từ ngân sách nhà nước dành cho KH&CN, kết quả hoạt động của quỹ…”*. Đồng thời, Chính sách 5 đề nghị bỏ các quy định về cho vay, bảo lãnh vốn vay như vậy, nhiệm vụ của Quỹ hiện chỉ còn hoạt động tài trợ, cấp kinh phí cho việc thực hiện nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; tài trợ, cấp kinh phí cho nhiệm vụ KH&CN đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ KH&CN tiềm năng, hỗ trợ nhà khoa học trẻ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực KH&CN quốc gia. Khoản 11 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước quy định *“Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước”*. Vì vậy, đề nghị làm rõ mô hình hoạt động của Quỹ như thế nào? có đảm bảo tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước hay không? | Trong quá trình xây dựng Nghị định 19/2021/NĐ-CP sửa đổi , bổ sung Nghị định 23/2014/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia, Chính phủ đã xác định:  - Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia là cơ quan tài trợ nghiên cứu khoa học theo mô hình phổ biến tại các quốc gia phát triển, không phải Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Hoạt động của Quỹ không độc lập với ngân sách nhà nước. Khoản 6 Điều 1 Nghị định 19/2021/NĐ-CP quy định ngân sách hoạt động của Quỹ bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn ngoài ngân sách nhà nước, trong đó “*kinh phí tài trợ, hỗ trợ và chi hoạt động quản lý của Quỹ được bố trí từ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ*” (nguồn ngân sách nhà nước).  - Tài trợ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ KH&CN đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ KH&CN tiềm năng, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực KH&CN quốc gia của Quỹ theo cơ chế đề xuất từ dưới lên là không trùng với nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước. |
| **Chính sách 7: Phát triển thông tin KH,CN&ĐMST**  Vấn đề bất cập nêu tại trang 44 Báo cáo đánh giá tác động chính sách nêu bất cập “*Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế”.* Hiện nay, đối với chỉ tiêu thống kê quốc gia có Danh mục ban hành kèm theo Luật Thống kê. Theo đó lĩnh vực KH&CN có 7 chỉ tiêu thống kê quốc gia. Đối với chỉ tiêu thống kê các bộ, ngành Luật Thống kê giao các Bộ, ngành xây dựng, ban hành chỉ tiêu thống kê bộ, ngành. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST là chỉ tiêu thống kê nào? | **Luật thống kê 2015** đã quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia trong ngành KH&CN có 07 chỉ tiêu. Tuynhiên **Luật sửa đổi, bổ sung** một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022 đã bỏ chỉ tiêu “*Chỉ số đổi mới công nghệ và thiết bị*”, do vậy hiện còn 6 chỉ tiêu.  Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật thống kê 2015 “3*. Chỉ tiêu thống kê phản ánh đặc điểm về quy mô, tốc độ phát triển, cơ cấu, trình độ phổ biến, quan hệ tỷ lệ của bộ phận hoặc toàn bộ hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.*”. Như vậy, các chỉ tiêu thống kê được xây dựng để phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn Luật quy định cụ thể việc xây dựng, phương pháp thu thập các chỉ tiêu thống kê. Vì vậy, nội dung quy định “*Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế*” tại Luật KH&CN là căn cứ để Bộ KH&CN nghiên cứu đề xuất hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMSTphù hợp với tình hình thực tiễn trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ. Nên tùy thuộc vào tình hình thực tiễn, Bộ KH&CN sẽ đề xuất cụ thể các chỉ tiêu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý. |
| **Chính sách 8: Hoàn thiện quy định về chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**  Nội dung mục tiêu và giải pháp của chính sách có sự trùng lặp. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ, bám sát vướng mắc, bất cập trong quản lý các chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, làm rõ nguyên nhân của những bất cập đó để đề xuất mục tiêu, giải pháp chính sách phù hợp. Bên cạnh đó, đề nghị nghiên cứu lại tên chính sách cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). | Tiếp thu, rà soát nội dung để làm rõ các mục tiêu và giải pháp của chính sách. |
| **Chính sách 10: Thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp**  Trang 25 dự thảo Tờ trình nêu giải pháp *“Hoàn thiện quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia NATIF để thực hiện có hiệu quả cơ chế tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay đối với mọi loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”*. Tuy nhiên, hiện nay Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia được quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ. Trong đó đã quy định nhiệm vụ của Quỹ này. Vì vậy, đề nghị cân nhắc quy định sửa đổi, bổ sung quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tại Luật Chuyển giao công nghệ.  - Bên cạnh đó, Điều 53 dự thảo Đề cương Luật quy định nhiệm vụ ~~“tài trợ, cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN”~~ có thể trùng với nhiệm vụ của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ.  - Ngoài ra, dự thảo Đề cương quy định một số nhiệm vụ như “*Tôn vinh, trao giải, truyền thông cho doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo”, Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực KH&CN và đổi mới sáng tạo”.* Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị làm rõ nội dung hỗ trợ nâng cao năng lực KH&CN và đổi mới sáng tạo gồm những nội dung gì. Bên cạnh đó, theo quy định hiện nay Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước *nên cân nhắc tính khả thi của các nhiệm vụ bổ sung nêu trên vì có thể* *gây ra rủi ro được đo bằng giá trị tổn thất làm giảm vốn điều lệ.* | Hiện nay tại Điều 38 của Luật chuyển giao công nghệ đã quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia nhưng không quy định cụ thể mô hình tổ chức hoạt động của Quỹ (Quỹ đang hoạt động theo mô hình hỗn hợp vừa là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ KHCN vừa hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên nắm giữ 100% vốn điều lệ). Hiện nay chưa có quy định chung để thống nhất việc quản lý các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách dẫn đến tình trạng khung pháp lý thiếu đồng bộ, không đáp ứng triệt để được yêu cầu và thực tiễn hoạt động của Quỹ. Vì vậy, trong quá trình triển khai hoạt động Quỹ gặp nhiều khó khăn về tổ chức, nguồn vốn…Do vậy cần phải thay thế Điều 38 trong Luật Chuyển giao công nghệ trong Luật KH&CN (sửa đổi) để đảm bảo đồng bộ về quản lý nhà nước đối với hoạt động khoa học và công nghệ và Chính phủ cần quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia. |
| **Chính sách 11: Thúc đẩy thương mại hóa kết quả KH&CN và phát triển thị trường công nghệ**  Hiện nay, Luật Chuyển giao công nghệ đã có quy định về thương mại hóa kết quả KH&CN, phát triển thị trường công nghệ (Điều 36), quy định về việc phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN (Điều 43). Bên cạnh đó, Luật Quản lý sử dụng tài sản công quy định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Điều 105). Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa làm rõ được các hạn chế, bất cập của các quy định liên quan tại Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Quản lý sử dụng tài sản công để có cơ sở đề xuất chính sách tại dự án Luật này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh làm rõ hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành để đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp tránh trùng lắp, chồng chéo, mâu thuẫn giữa các luật. | Tiếp thu. |
| **Chính sách 12: Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (KNST)**  Mục 12.2 trang 17 dự thảo Tờ trình có nêu về giải pháp bổ sung quy định hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực bộ máy và con người và kinh phí triển khai nội dung hoạt động cho các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Hiện nay, Điều 43 Luật Chuyển giao công nghệ có quy định về trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ (là tổ chức trung gian của thị trường KH&CN). Đề nghị làm rõ chức năng, nhiệm vụ trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo để tránh thành lập các trung tâm có cùng chức năng, nhiệm vụ. Bên cạnh đó, đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý cho phép các trung tâm sử dụng nguồn tài chính hợp pháp để thí điểm đầu tư, cùng đầu tư vốn mồi cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tiềm năng, hoặc góp vốn vào các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. | Tiếp thu. |
| Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện đề nghị xây dựng Luật để đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 69-QĐ/TW ngay 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi pham (trong đó có yêu cầu không được chỉ đạo ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ” – điểm d khoản 2 Điều 9); (ii) Thông báo Kết luận số 30-TB/BCĐTW, ngày 15/01/2023 của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, tiêu cực tại Phiên họp thứ 23 ngày 12/01/2023 của Ban Chỉ đạo: “... Khẩn trương rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật liên quan... và các vấn đề cụ thể mà các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã kiến nghị, đề xuất”; (iii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”- Mục 3); (iv) Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 ngày 30/8/2023 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XY (yêu cầu: “Tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc kiểm soát quyền lực phòng chống tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật” - Mục 2.1); (v) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ... | Tiếp thu. |
|  | **Bộ Tài chính** | | Kinh nghiệm xây dựng một số Luật chuyên ngành gần đây (Luật Quy hoạch, Luật Bảo vệ môi trường, ...) khi triển khai thực hiện gặp rất nhiều vướng mắc do chồng lấn với quy định của các Luật chuyên ngành khác, thậm chí đã xảy ra trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải ban hành Nghị quyết về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch. Do vậy, dự thảo Luật KH&CN sửa đổi đưa ra khá nhiều quy định chồng lấn với quy định pháp luật chuyên ngành về tài chính - NSNN hiện hành là không phù hợp. Về nguyên tắc, các nội dung vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai Luật KH&CN 2013 liên quan đến các quy định thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành về tài chính NSNN sẽ nêu ở phần đánh giá và kiến nghị để sắp tới khi sửa đổi, bổ sung Luật NSNN sẽ nghiên cứu tiếp thu để trình cấp có thẩm quyền sửa đồng bộ, không nên vì một số vướng mắc nhất định mà xây dựng Luật KH&CN sửa đổi theo hướng Luật chuyên ngành này sửa Luật chuyên ngành khác. | Tiếp thu, rà soát nội dung đề xuất sửa đổi trong các Luật chuyên ngành về đầu tư tài chính, ngân sách. |
|  | **Bộ GDĐT** | | Hợp tác quốc tế về KHCN là nhiệm vụ quan trọng nhằm phát triển di sản KHCN trong nước và cập nhật tiến bộ KHCN của nước ngoài. Do vậy, ngoài nhiệm vụ Nghị định thư do Bộ KHCN chủ trì quản lý, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KHCN giao cho các bộ, ngành quản lý để nhằm hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu của bộ ngành đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong KHCN và đổi mới sáng tạo. | Tiếp thu, bổ sung vào trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh nội dung quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN |
| Đề nghị bổ sung quy định cụ thể các công cụ đánh giá hiệu quả hoạt động của các nhiệm vụ KH&CN các cấp, trong đó có đánh giá hiệu quả hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh. | Tiếp thu, hồ sơ Luật đã bổ sung đánh giá tổ chức, đánh giá chương trình, nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: nguyên tắc, tiêu chí, phương pháp, chủ thể đánh giá để triển khai khi xây dựng Luật |
|  | **Bộ NNPTNT** | | - Điểm a, b, khoản Điều 26 và khoản 2, Điều 27 quy định Bộ KHCN có trách nhiệm “tổng hợp đề xuất đặt hàng, tổ chức lấy ý kiến tư vấn về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và công bố công khai và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia” là không phù hợp. Thực tế triển khai cho thấy các Chương trình KHCN cấp quốc gia giao cho các Bộ, ngành quản lý phải do Lãnh đạo các Bộ, ngành xem xét phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện. Vì vậy, đề nghị chỉnh sửa các quy định của Điều này theo hướng Bộ KH&CN chỉ tổng hợp; phân cấp quản lý các Chương trình KH&CN cấp quốc gia thuộc lĩnh vực chuyên ngành cho các Bộ, ngành quản lý đảm bảo chất lượng, hiệu quả, sát thực tiễn; phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện những nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia do Bộ được giao quản lý thực hiện. | Tiếp thu và hoàn thiện theo hướng:  Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất xây dựng các Chương trình KH&CN cấp quốc gia của các bộ, ngành; xem xét sự phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST từng giai đoạn và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình KH&CN cấp quốc gia và giao cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực quản lý, phê duyệt nhiệm vụ và giao đơn vị chuyên môn trực thuộc ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ |
| - Trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong Luật KH&CN chưa rõ, gây mẫu thuẫn: Cụ thể, tại khoản 1, Điều 40, quy định: “Đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, Bộ rưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả …” Nhưng tại Điều 44 lại nêu trách nhiệm thuộc về Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước. | Tiếp thu và hoàn thiện theo hướng: chia thành 2 loại nhiệm vụ: nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng và nhiệm vụ do tổ chức, cá nhân đề xuất trên cơ sở định hướng của Nhà nước. Trên cơ sở đó hoàn thiện quy định về triển khai ứng dụng cho phù hợp |
|  | **Bộ KH&ĐT** | | Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN), đổi mới sáng tạo; có chính sách ưu đãi đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH&CN, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp theo hướng mở rộng hoạt động của quỹ, như cho phép đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; đầu tư phát triển công nghệ hydrogen xanh, sản xuất chip bán dẫn, đầu tư vào các mô hình kinh doanh xanh, tuần hoàn, bao trům,... nhằm triển khai các chủ trương, định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước, đồng thời bám sát xu thế phát triển kinh tế, KH&CN trên thế giới. | Tiếp thu. |
|  | **Bộ Nội vụ** | | Bộ Nội vụ có Công văn số 889/BNV-PC ngày 10/3/2022, Công văn số 4062/BNV-PC ngày 28/7/2023, Công văn số 6101/BNV-PC ngày 19/10/2023 trả lời Công văn số 377/BKHCN-PC ngày 25/02/2022, Công văn số 2124/BKHCNPC ngày 06/7/2023 và Công văn số 3383/BKHCN-PC ngày 29/9/2023 của Bộ KH&CN. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ để hoàn chỉnh dự thảo Hồ sơ dự án Luật | Bộ KH&CN đã nghiên cứu, tiếp thu hồ sơ đề nghị xây dựng Luật |
|  | **Bộ Công Thương** | | Về việc đề nghị sửa đổi Luật KH&CN năm 2023, Bộ Công Thương đã gửi Bộ KH&CN (KH&CN) 03 văn bản, gồm: số 2845/BCT-KHCN ngày 26 tháng 5 năm 2022; số 5484/BCT-KHCN ngày 15/8/2023; số 7891/BCT-KHCN ngày 08/11/2023, trong đó đã nêu cụ thể tỉnh hình triển khai, vướng mắc tồn tại và đề xuất, kiến nghị các nội dung cần hoàn thiện đối với Luật KH&CN năm 2013. Đồng thời, tại buổi họp thẩm định Hồ sơ đề nghị xây dụng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN do Bộ Tư pháp chủ trì, Bộ Công Thương tiếp tục có ý kiến về việc hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở tiếp thu, giải trình các kiến nghị, đề xuất của Bộ Công Thương.  Cụ thể, các nội dung đã được Bộ Công Thương đề cập liên quan tới việc: (1) Giải quyết những chồng chéo, vướng mắc giữa Luật KH&CN với các Luật có liên quan: Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý tài sản công, Luật Đấu thầu,... (2) Cơ chế tài chính và cơ cấu phân bổ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN cho thực hiện nhiệm vụ KH&CN; (3) Cơ chế tài chính đầu tư cho KH&CN của doanh nghiệp; (4) Phân công trách nhiệm của Bộ KH&CN với các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở phân định, phân loại các nhiệm vụ KH&CN; (5) Xử lý tài sản hình thành từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách: (6) Quy trình và quy định về xây dựng, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN còn nặng về hành chính: (7) Quy định sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN còn phức tạp, chưa thể triển khai khoản tới sản phẩm cuối cùng...  Bộ Công Thương đề nghị Bộ KH&CN tiếp tục rà soát, giải trình cụ thể đối với ý kiến của Bộ Công Thương cũng như ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, đơn vị đã gửi ý kiến. Bảng tổng hợp kết quả tiếp thu ý kiến (được gửi kèm theo tại văn bản số 1026/BKHCN-PC) chưa phản ánh đầy đủ ý kiến góp ý, kiến nghị của các đơn vị. | Tiếp thu |
| Về Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi) đề nghị rà soát để bổ sung đầy đủ các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu |
|  | **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch** | | Cân nhắc gộp Quỹ phát triển KH&CN (Điều 49) và Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (Điều 53) thành một Quỹ, đồng thời quy định bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (quy định cụ thể mô hình, tổ chức và hoạt động, nguồn thu tài trợ). | Bảo lưu vì 2 Quỹ có chức năng, nhiệm vụ khác nhau. Quỹ phát triển KH&CN quốc gia chủ yếu tài trợ cho nghiên cứu cơ bản và các hoạt động nhằm nâng cao tiềm lực KH&CN quốc gia.  Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia có chức năng cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn và hỗ trợ vốn (gọi chung là hỗ trợ tài chính) cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ. mới công nghệ. |
| Rà soát nội dung các điều để tránh việc trùng lặp như: Điều 65 quy định lặp lại nội dung về “bổ sung quy định giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp …”; Điều 68 và Điều 71 cùng quy định về nội dung “quy định về trình tự, thủ tục, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh đề tài khoa học” | Tiếp thu |
|  | **Viện Hàn lâm KHXH VN** | | - Về quan điểm xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi): xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, từ quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, cần sửa đổi toàn diện Luật KH&CN với nhiều quan điểm đổi mới mạnh mẽ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển Đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới. Do vậy, cần đánh giá về nhu cầu xây dựng Luật KH&CN mới thay vì đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi). Luật KH&CN mới cần thể hiện được các quan điểm, chủ trương mới quan trọng của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN. Nếu chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều Luật KH&CN hiện hành thì khó có thể quán triệt và thực hiện tốt chủ trương coi “phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu", khó có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ KH&CN. Bên cạnh đó, Luật mới cũng cần thể hiện chủ trương chú trọng đầu tư đúng tầm cho nghiên cứu cơ bản; xây dựng cơ chế mới về đầu tư rủi ro cho KH&CN nhằm thúc đẩy sự phát triển của KH,CN&ĐMST. Cụ thể như sau:  - Thứ nhất, cần sửa đổi toàn diện Luật KH&CN với nhiều chính sách mới nhằm thể hiện được vai trò của phát triển KH&CN - như ghi nhận tại Điều 62 Hiến pháp năm 2013: “Phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu KH&CN...”. Hiến pháp 2013 khẳng định “KH&CN giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước” (Điều 37).  - Tờ trình Đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi) đưa ra 15 chính sách trong đó có nhiều chính sách nhằm thực hiện chủ trương phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu. Việc ghi nhận 15 chính sách trên với phương án sửa đổi, bổ sung một số điều Luật KH&CN hiện hành sẽ có nhiều khó khăn, khó có thể đảm bảo tính hệ thống.  Ví dụ: Theo Tờ trình, chủ trương Nhà nước ưu tiên đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu KH&CN được thể hiện trong Chính sách 5 (Tạo điều kiện thuận lợi về đầu tư, tài chính cho KH,CN&ĐMST) với mục tiêu “Ưu tiên đầu tư cho KH,CN&ĐMST đi trước một bước; có lộ trình tăng tỷ lệ chỉ từ NSNN tính trên GDP cho nghiên cứu và phát triển, phấn đấu đến năm 2030 đạt tỷ lệ thuộc nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN, tiệm cận tỷ lệ bình quân chung của các nước thuộc khối OECD”. Tuy nhiên, Đề cương Luật KH&CN (sửa đổi) vẫn kế thừa Điều 49 của Luật KH&CN hiện hành: “1. Nhà nước bảo đảm chỉ cho KH,CN&ĐMST trung bình theo giai đoạn 5 năm tương ứng với giai đoạn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm từ 2% trở lên trong tổng chỉ ngân sách nhà nước và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp KH,CN&ĐMST" trong khi đặt ra mục tiêu “phấn đấu đến năm 2030 đạt tỷ lệ thuộc nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN, tiệm cận tỷ lệ bình quân chung của các nước thuộc khối OECD” như đã nêu trong Tờ trình là không khả thi. Mức đầu tư cho KH&CN hàng năm của Việt Nam hiện nay đều thấp hơn 2%. Theo thống kê của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế thế giới OECD năm 2022 về tỷ lệ phần trăm kinh phí cho KH&CN (R&D) trên tổng thu nhập quốc dân của một số nước thì Việt Nam thuộc nhóm thấp nhất, 0,4%. Trong khu vực Đông Nam Á, Singapore và Thái Lan là những nước có tỷ lệ này đạt mức cao, đều gấp nhiều lần Việt Nam (Xem thêm Phụ lục 1). | Tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. |
| - Thứ hai, Luật KH&CN mới cần thể chế hoá quan điểm chỉ đạo ghi nhận cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ KH&CN. Cần xây dựng đồng bộ hệ thống quy định pháp luật về giới thiệu, đào tạo, thu hút, trọng dụng, đánh giá, sử dụng nhân tài KH&CN. Nhân tài cần được xem là điểm kích nổ tạo ra sự bứt phá. Nhân tài, nhất là nhân tài trong lĩnh vực KH&CN là yếu tố quan trọng nhất có thể thúc đẩy sự phát triển của KH&CN Việt Nam.  Theo Đề cương Luật KH&CN (sửa đổi), trong Chương III về nhân lực trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST chưa thể hiện được tầm quan trọng của chủ trương thu hút, trọng dụng nhân tài, một trong các nội dung của Điều 26 (Chức danh cho hoạt động KH,CN&ĐMST) là “nghiên cứu quy định đặc biệt cho các nhóm nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng: bổ sung các nội dung xác định rõ tiêu chí và các chính sách ưu đãi, trọng dụng: điều kiện làm việc, việc sử dụng cơ sở vật chất, huy động nhân lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo”. Ngoài ra, Đề cương Luật KH&CN (sửa đổi) chỉ có quy định thu hút, ưu đãi, trọng dụng người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài ở Việt Nam (Điều 34 - Nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST là người Việt ở nước ngoài, người nước ngoài ở Việt Nam); quy định về lưu chuyển nhân lực trình độ cao từ các viện nghiên cứu, trường đại học sang doanh nghiệp (Điều 79).  Nhìn chung, với cách tiếp cận hiện nay của Đề cương Luật KH&CN (sửa đổi), việc sửa đổi Điều 26 chưa thể tạo ra hành lang pháp lý cho việc thực hiện chủ trương thu hút, trọng dụng nhân tài, chưa tạo ra được các biện pháp thu hút, trọng dụng nhân tài hiệu quả, có tính khả thi. Để nâng cao chất lượng, tạo đột phá trong đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, Luật KH&CN mới cần quy định những chính sách, nội dung quan trọng như: (1) Tiêu chí xác định “nhân tài" trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ; (2) Chính sách, thể chế về đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và sử dụng nhân tài; (3) Cơ chế đánh giá, theo dõi quá trình giới thiệu, tiến cử, công nhận nhân tài phù hợp điều kiện Việt Nam bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ; Cơ chế khắc phục nếu có sai sót hoặc bất thường trong giới thiệu và tiến cử nhân tài; (4) Xây dựng thị trường nhân tài nhằm khuyến khích di chuyển tự do nhân tài trên cơ sở pháp luật, tạo ra cạnh tranh nhân tài, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Nếu giao nhiệm vụ quy định tất cả những nội dung trên cho Chính phủ thì chưa tương xứng với tầm quan trọng của chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài đối với phát triển KH&CN. | Tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. Các nội dung cụ thể sẽ được nghiên cứu, đề xuất trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. |
| - Thứ ba, Luật KH&CN mới cần ghi nhận nội dung chính sách quan tâm đầu tư đúng tầm cho nghiên cứu cơ bản. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, tập trung cho nghiên cứu cơ bản là con đường chiến lược giúp các quốc gia này củng cố, nâng cao tiềm lực, trình độ và vị thể khoa học để dẫn dắt thế giới, không chỉ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, mà còn giải quyết các vấn đề của tương lai, xuyên quốc gia, liên quan tới an toàn và an ninh của con người, môi trường và Trái đất. Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, quan tâm đầu tư cho nghiên cứu cơ bản cũng là đầu tư cho tương lai của nền KH&CN nước nhà; góp phần phát triển nguồn nhân lực trình độ cao ở tuyến đầu của tri thức, đặc biệt là bậc sau đại học; gia cố nền tảng, năng lực nghiên cứu và đội ngũ cán bộ khoa học tài năng trong các trường đại học, viện nghiên cứu, từ đó gia tăng năng lực đón đầu, hấp thụ, ứng dụng và phát triển các hướng nghiên cứu mới, các công nghệ tiên tiến của thế giới phục vụ cho các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia.  Các tài liệu trong Hồ sơ Luật KH&CN (sửa đổi) hiện nay chưa thể hiện rõ hoặc thể hiện rất mở nhạt chính sách quan tâm phát triển nghiên cứu cơ bản. Tờ trình và Đề cương Luật KH&CN (sửa đổi) hiện nay chỉ đề cập đến nghiên cứu cơ bản ở các nội dung: xác định các kết quả của nghiên cứu cơ bản (Điều 3 Giải thích từ ngữ); các kết quả của nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản không phải báo cáo ứng dụng (Điều 74 Trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN); phân cấp quản lý các chương trình nghiên cứu cơ bản (Điều 76 Quản lý Chương trình KH&CN). Điều đó là một hạn chế lớn, cần khắc phục. Ngay từ thập niên 80 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta đã sớm nhận thức về tầm quan trọng của việc cần quan tâm đầu tư cho nghiên cứu cơ bản. Từ đó đến nay, quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng trong các giai đoạn phát triển đất nước là luôn coi trọng vai trò của nghiên cứu cơ bản vì đầu tư cho lĩnh vực này là đầu tư cho nền tảng và tương lai của nền KH&CN nước nhà. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục kế thừa quan điểm chỉ đạo xuyên suốt nêu trên, tiếp tục khẳng định cần “quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu cơ bản; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ số". Chiến lược Phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 cũng xác định “cần xây dựng nền khoa học cơ bản hiện đại, chủ trọng nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng để tiến tới sáng tạo, tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở những lĩnh vực then chốt mà Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng và lợi thế".  Không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận cơ chế chú trọng nghiên cứu cơ bản, quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu cơ bản, Luật KH&CN mới cần ghi nhận vai trò của việc tăng cường đầu tư đúng tầm cho nghiên cứu cơ bản như là một nhân tố nền tảng tạo đột phá phát triển KH,CN&ĐMST vì sự phát triển bền vững đất nước. Cần có hệ thống các quy định về tài trợ nghiên cứu cơ bản; học bổng và hỗ trợ cho các nhà nghiên cứu để tiến hành nghiên cứu cơ bản, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghiên cứu cơ bản, chương trình đào tạo và phát triển nhân lực trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản... | Tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. Các nội dung cụ thể sẽ được nghiên cứu, đề xuất trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. |
| - Thứ tư, ban hành Luật KH&CN mới là phù hợp khi xây dựng cơ chế mới về đầu tư rủi ro cho KH&CN nhằm thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST.  Dự thảo Đề cương Luật KH&CN mới đề cập đến chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học nhưng chưa có quy định về đầu tư rủi ro. Đầu tư rủi ro cho KH&CN là việc cung cấp nguồn tài trợ và hỗ trợ cho các dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ mà có mức độ rủi ro cao và không chắc chắn về kết quả, bao gồm việc phát triển các công nghệ mới, nghiên cứu cơ bản trong các lĩnh vực khoa học và y học hoặc thử nghiệm các ứng dụng mới của công nghệ đã có. Trong lĩnh vực này, các dự án thường đòi hỏi nhiều nghiên cứu và thử nghiệm và kết quả cuối cùng có thể không được đảm bảo hoặc không thể dự đoán trước được. Đầu tư rủi ro cho KH&CN thường được thực hiện bởi các tổ chức tài chính như quỹ đầu tư rủi ro, các nhà đầu tư tư nhân, hoặc Chính phủ thông qua các chính sách và chương trình hỗ trợ đặc biệt. Mục tiêu của đầu tư rủi ro là khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các giải pháp mới và tiên tiến. Tuy nhiên, do tính không chắc chắn và rủi ro cao, đầu tư này thường cần phải đi kèm với các cơ chế đánh giá rủi ro và quản lý chất lượng nghiêm ngặt, cũng như các điều khoản về chia sẻ lợi ích và quyền sở hữu trí tuệ. | Do phạm vi đầu tư rủi ro không chỉ quy định trong Luật KH&CN mà còn có trong Luật Đầu tư nên Luật KH&CN chỉ đề cập một số nguyên tắc (Nhà nước chấp nhận rủi ro trong hoạt động KH&CN; miễn trách nhiệm dân sự đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN không đi đến kết quả cuối cùng mặc dù đã thực hiện đầy đủ các quy trình quy định). Các hoạt động đầu tư KH&CN không sử dụng NSNN, các chủ thể sẽ trao đổi, thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật dân sự. |
|  | **ĐHQG Hà Nội** | | Đề nghị đơn vị chủ trì dự thảo cân nhắc bổ sung một số chính sách như sau:  - Chính sách liên quan đến tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa hoặc các nguồn lực từ khối ngoài công lập đầu tư cho phát triển KHCN&ĐMST.  Lý do: Trong số các nguyên tắc sửa đổi Luật KH&CN 2013 có đề cập đến nguyên tắc quan trọng về “Rà soát hoàn thiện các quy định về tổ chức, nhân lực, tài chính, hạ tầng... cho KH,CN&ĐMST nhằm phát triển mạnh mẽ tiềm lực KH&CN theo hướng đẩy mạnh phát triển từ khối ngoài công lập”. | - Tiếp thu, bổ sung vào chính sách về đầu tư và tài chính. |
| - Chính sách tổng quan về việc phát triển KHCN&ĐMST đi đôi với tuân thủ các nguyên tắc đạo đức, bảo đảm an toàn, an ninh cho con người và xã hội, hướng tới phát triển bền vững.  Lý do: Sự phát triển của KH&CN (đặc biệt là công nghệ AI) đem lại lợi ích to lớn nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ rủi ro đòi hỏi được dự báo, phòng ngừa. | - Tiếp thu, bổ sung vào trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động KH,CN&ĐMST. |
| - Chính sách về (i) Tăng cường năng lực dự báo chiến lược về xu thế phát triển của khoa học, công nghệ; (ii) Tập trung phát triển một số tổ chức KH&CN đạt trình độ khu vực và thế giới.  Lý do: Đề cương và dự thảo đã quy định khá nhiều nội dung triển khai thực hiện các Nghị quyết, chỉ đạo của Đảng nhưng chưa có quy định về chính sách để triển khai thực hiện các nội dung trên. | - Tiếp thu, bổ sung vào chính sách về tổ chức KH&CN. |
| Đề nghị đơn vị chủ trì dự thảo cần có sự rà soát tổng thể để diễn đạt lại chính sách ở tầm vĩ mô hơn, có tính hệ thống và kết nối, tránh vụn vặt, trùng lặp:  + Thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho KH&CN và ĐMST;  + Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học kỹ thuật khác thành các đơn vị nghiên cứu mạnh (phù hợp với 1 trong những nguyên tắc đã được nêu ở mục 3 tại tr.64 của báo cáo tổng kết thực hiện Luật KH&CN);  + Phát triển và sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng KH,CN&ĐMST;  + Đẩy mạnh hoạt động KH,CN&ĐMST;  + Tích cực thúc đẩy hợp tác, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST;  + Tăng cường các hoạt động tôn vinh, phổ biến và nâng cao nhận thức về KH,CN&ĐMST. | Tiếp thu, rà soát, hoàn thiện các chính sách và nội dung từng chính sách. |
|  | **Viện Kiểm sát nhân dân tối cao** | | 1. Dự thảo Luật (Điều 13, trang 3, 4) và dự thảo Tờ trình (trang 14, 15) đưa ra nội dung “Phân biệt rõ giữa tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức có hoạt động khoa học và công nghệ nhưng không phải là chức năng chủ yếu". Tuy nhiên dự thảo Luật và dự thảo Tờ trình chưa có những chính sách cụ thể thúc đẩy chất lượng và hiệu quả hoạt động đối với nhóm các tổ chức có hoạt động khoa học và công nghệ. Đề nghị rà soát, bổ sung. | Tiếp thu, hoàn thiện nội dung theo hướng làm rõ tổ chức nghiên cứu phát triển và tổ chức dịch vụ KH&CN để kế thừa các quy định của Luật KH&CN 2013. |
| 2. Theo quy định tại Điều 25 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ và các hình thức khác. Tuy nhiên, Dự thảo Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) chỉ có các quy định điều chỉnh chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Chương VIII), dự án đổi mới sáng tạo (Chương IX). Đề nghị nghiên cứu, bồ sung quy định về các hình thức khác đã được quy định tại Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ (chẳng hạn như Đề án,...) để bảo đảm đầy đủ, phủ hợp với thực tiễn. | Tiếp thu, Bộ Khoa học và Công nghệ đã giữ lại quy định về nhiệm vụ KH&CN do có tính bao trùm. Đồng thời, các loại hình nhiệm vụ cụ thể sẽ được quy định tại Nghị định quy định chi tiết Luật. |
| Về hồ sơ dự thảo luật: Dự thảo Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) có nội dung mang tính thuyết minh, giải thích về các nội dung dự dung dự kiến sửa đổi, do đó, cần sửa tên thành “Thuyết minh dự thảo Luật”. Đồng thời, cần bổ sung 01 bản Dự thảo Luật (sửa đổi) với các điều luật quy định cụ thể, mang tính quy phạm để tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu, góp ý. | Tiếp thu, bản dự kiến Đề cương chi tiết đã được bổ sung các nội dung theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. |
|  | **Hiệp hội doanh nghiệp Cơ khí VN** | | Khi xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển các ngành kinh tế của Đất nước cần nghiên cứu để lồng ghép các nội dung, mục tiêu KH&CN cần đạt được và có cơ chế ưu đãi, lộ trình cụ thể để ưu tiên phát triển các sản phẩm KH&CN cho các dây chuyển thiết bị liên quan. Có như vậy, sau một số dự án đầu tiên, các doanh nghiệp Việt Nam mới có thể tự thực hiện được các dự án tương tự, giúp cho việc đầu tư các dự án tương tự trong tương lai ở trong nước sẽ tăng tính tự chủ, giảm nhập siêu và tránh bị o ép giá tử các nhà thầu nước ngoài. Ví dụ như Quy hoạch phát triển điện 8, Quy hoạch phát triển than và khoáng sản, Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng. ... Điều này cần được thể hiện trong Luật KH&CN (sửa đổi). | - Nghiên cứu, tiếp thu trong nguyên tắc chung. |
| Quá trình đề xuất, phê duyệt, tuyển chọn và ký hợp đồng thực hiện các đề tài KH&CN kéo dài, dẫn đến việc thực hiện các đề tài KH&CN mất tính thời sự, không còn đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, thậm chí mất tính khả thi do tiến độ các dự án áp dụng kết quả đề tài nhanh hơn tiến độ đề tài. Do vậy, cần có cơ chế lập kế hoạch, đề xuất, phê duyệt, tuyển chọn các đề tài nhanh, linh hoạt hơn để đáp ứng các nhu cầu đột xuất, cấp bách của thực tiễn. | Tiếp thu và đang nghiên cứu quy định 02 loại hình nhiệm vụ KH&CN, đơn giản hóa quy trình thủ tục triển khai để rút ngắn thời gian triển khai nghiên cứu và ứng dụng kết quả |
| Thực tế, hầu hết các đề tàI, dự án KH&CN cấp nhà nước không thể thanh toán phần lương chuyên gia nước ngoài do thiếu định mức tiền lương để thuê chuyên gia nước ngoài tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN (ví dụ các đề tài thuộc dự án Giản khoan Tam đảo 3, Nhiệt điện 600 MW...). Thông thường chi phí lương chuyên gia nước ngoài do NSNN hỗ trợ chỉ chiếm không quá 10% giá trị lương của hạng mục tương ứng được thanh toán từ vốn đối ứng. Do vậy cần xây dựng các quy định cụ thể. khả thi để thuê các chuyên gia nước ngoài tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN (như có thể cho phần lương chuyên gia này được thanh toán theo chi phí lương chuyên gia của dự án đã được đấu thầu theo quy định). | Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC và Thông tư số 02./2023/TT-BKHCN |
| Do các quy định về vốn đối ứng và có cam kết địa chỉ ứng dụng khi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nên khi đề xuất đề tài rất khó để được phê duyệt thực hiện (các doanh nghiệp không sẵn sàng cam kết áp dụng sản phẩm đề tài và cung cấp vốn đối ứng ở giai đoạn chưa biết rõ về sản phẩm: mặt khác do các quy định của Luật Đấu thầu nên nếu doanh nghiệp cam kết vốn đối ứng sẽ không đúng quy định của Luật Đấu thầu). Do vậy, cần xem xét lại các quy định về vốn đối ứng và cam kết sử dụng sản phẩm khi tuyển chọn các nhiệm vụ KH&CN để phù hợp với Luật Đấu thầu. Nên chăng quy định sản phẩm đầu cuối, có nghĩa là chỉ nghiệm thu sản phẩm khi đã được ứng dụng thành công. | Tiếp thu. |
| Do các quy định pháp luật về xử lý tài sản hình thành sau khi thực hiện các đề tài sử dụng NSNN chưa đầy đủ, khả thi nên các doanh nghiệp lo ngại các thủ tục phức tạp, rườm rà để được áp dụng kết quả của các đề tài nghiên cứu triển khai. Do vậy, cần ban hành các hướng dẫn phù hợp, khả thi về xử lý tài sản hình thành sau khi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN để khuyến khích các nhà khoa học, các tổ chức KH&CN và doanh nghiệp tham gia thực các nhiệm vụ KH&CN | Nghiên cứu tiếp thu và có đề xuất phù hợp để đưa vào trong quá trình sửa đổi các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công. |
|  | **Viettel** | | Về chính sách thuế đối với doanh nghiệp có hoạt động KH&CN  - Đề nghị bổ sung các quy định ưu đãi về thuế đối với các doanh nghiệp có hoạt động KH&CN (ví dụ: ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần lợi nhuận thu được từ việc thương mại hóa kết quả hoạt động KH&CN). Lý do: Hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp có đầu tư cho hoạt động KH&CN, có đóng góp quan trọng vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, sự phát triển KH&CN của đất nước nhưng khó đáp ứng các tiêu chí để được công nhận là doanh nghiệp KH&CN và hưởng chính sách ưu đãi về thuế (Điều 6 Nghị định 13/2019/NĐ-CP quy định một trong các điều kiện để được công nhận là doanh nghiệp KH&CN là: Có doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu). Như vậy, nếu chỉ quy định cơ chế ưu đãi thuế cho doanh nghiệp KH&CN thì sẽ không khuyến khích được các doanh nghiệp đẩy mạnh các hoạt động KH&CN. | Nghiên cứu tiếp thu và có đề xuất phù hợp để đưa vào trong quá trình sửa đổi các quy định của pháp luật về thuế. Đồng thời, nghiên cứu sửa đổi tiêu chí về doanh nghiệp KH&CN theo hướng được hưởng ưu đãi trên tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm KH&CN |
| Về chính sách thuế đối với doanh nghiệp có hoạt động công nghiệp công nghệ cao:  - Bổ sung chính sách ưu đãi về thuế phù hợp với thực tế hoạt động của các doanh nghiệp có hoạt động công nghiệp công nghệ cao. Cụ thể, các doanh nghiệp có hoạt động công nghiệp công nghệ cao được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo các mức độ ưu đãi khác nhau, không nhất thiết phải có doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao đạt ít nhất 70% như quy định hiện hành để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao. Lý do: Điều 64 Luật KH&CN năm 2013 quy định về các trường hợp được hưởng chính sách ưu đãi về thuế trong đó có doanh nghiệp công nghệ cao. Tuy nhiên, theo Luật Công nghệ cao, các doanh nghiệp muốn được xác định là doanh nghiệp công nghệ cao thì “Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuẩn hàng năm". Việc đánh giá theo tiêu chí như trên khiến các doanh nghiệp như Viettel cho dù có đóng góp lớn cho sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ cao cũng không thể được công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao và không được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế đối với hoạt động công nghiệp công nghệ cao. Do đó không khuyến khích doanh nghiệp phát triển lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao. | Nghiên cứu tiếp thu để khi sửa đổi Luật Công nghệ cao. |
| Về trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp  - Bổ sung quy định: Đối với các doanh nghiệp quốc phòng an ninh là cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp được trích lập Quỹ phát triển KH&CN đến 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Lý do: Dự thảo hồ sơ quy định mức trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp quốc phòng an ninh là cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, việc trích đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp có thể đảm bảo hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, để nghiên cứu vũ khí trang bị kỹ thuật công nghệ cao thuộc các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ Bộ Quốc phòng giao, cần nguồn vốn lớn, thời gian dài thì việc trích tối đa 10% thu nhập tỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ không đảm bảo nguồn vốn. | Bảo lưu vì quy định trích lập tối đa đang được quy định trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. |
| - Về quyền tự chủ của doanh nghiệp trong quản lý, sử dụng Quỹ phát triển KH&CN  - Bổ sung quy định doanh nghiệp nhà nước được tự chủ xác định các định mức chỉ tiêu theo Quy chế hoạt động khoa học, công nghệ của doanh nghiệp. Lý do: Nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp trong sử dụng Quỹ phát triển KH&CN, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ của doanh nghiệp. | Nội dung này sẽ được nghiên cứu, hoàn thiện vì có liên quan đến Luật NSNN. |
| - Về công nhận nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp tương đương với nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh: Bổ sung quy định về các tiêu chí công nhận nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp tương đương với nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh. Lý do: Thực tế hiện nay nhiều nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp được đầu tư kinh phí lớn, tạo ra kết quả nghiên cứu có giá trị đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, song các cán bộ nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp chưa được đánh giá, xếp loại, khen thưởng như các cán bộ nghiên cứu nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh. | Nghiên cứu, tiếp thu vào nội dung Luật. |
| - Về trách nhiệm trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN: bổ sung quy định miễn trách nhiệm dân sự, hình sự đối với các cán bộ nghiên cứu trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học. Lý do: Thực tế cho thấy trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gặp rất nhiều rủi ro, nhất là các lĩnh vực có tính phức tạp về kỹ thuật, công nghệ, hạn chế chuyển giao, bí mật nhà nước, nguồn cung vật tư, linh kiên, máy móc phục vụ nghiên cứu bị ảnh hưởng nhiều bởi yếu tổ chính trị Các cán bộ nghiên cứu đối diện với sự thúc ép về thời gian, ứng dụng đầu ra sản phẩm hoặc do các yếu tố khách quan. Nhiều trường hợp kết quả nghiên cứu có thể không thành công hoặc rẽ sang hướng khác. | Hiện nay dự thảo Luật đã có quy định về miễn trách nhiệm dân sự. Việc miễn trách nhiệm hình sự sẽ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự. |
| - Về sử dụng chung hạ tầng KH&CN: bổ sung quy định: Nhà nước có chính sách sử dụng chung hạ tầng KH&CN, cho phép các tổ chức cá nhân có đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu đăng ký sử dụng. Lý do: Việc quy định chính sách sử dụng chung hạ tầng KH&CN giúp tránh lãng phí, thất thoát tài sản nhà nước. Đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ được tiếp cận với hạ tầng KH&CN trong nghiên cứu. | Tiếp thu. |
|  | **Bộ Thông tin và Truyền thông** | | Xem xét bổ sung bản đánh giá tác động đối với từng thủ tục hành chính dự kiến quy định tại dự thảo Luật nhằm đánh giá tác động của thủ tục hành chính trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách; | Tiếp thu |
|  | **Bộ Ngoại giao** | | Đề nghị cân nhắc, cụ thể hóa nội dung giải pháp đối với Chính sách 15 về Hoàn thiện quy định để thúc đẩy hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST | Tiếp thu. Nội dung hội nhập quốc tế là giải pháp và sẽ được bổ sung vào các chính sách liên quan đến tổ chức, nhân lực và đầu tư, tài chính. |
|  | **Bộ Tài nguyên và Môi trường** | | Nhất trí với sự cần thiết xây dựng và ban hành Luật KH&CN (sửa đổi). Đề nghị Quý Bộ tiếp tục hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Tiếp thu |
| II. Đối với dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách | | | | |
|  | **Bộ Quốc phòng** | | **15 chính sách mới cần nghiên cứu sâu sắc hơn, tạo hành lang pháp lý thuận lợi và đồng bộ để tác động một cách tích cực, hiệu lực và hiệu quả** tới các hoạt động: Nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ theo cách tiếp cận toàn diện, tiên tiến; thúc đẩy cả ba chức năng tạo ra tri thức, ứng dụng tri thức và truyền bá tri thức mạnh mẽ hơn trong đời sống xã hội và đóng góp cho nhân loại; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn cho quốc gia, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân; đưa KH,CN&ĐMST thực sự trở thành động lực để hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước | Tiếp thu, hoàn thiện số lượng chính sách và nội dung chính sách cho phù hợp. |
|  | **Bộ Tư pháp** | | Như đã phân tích, Báo cáo đánh giá tác động chính sách còn sơ sài. Đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật đánh giá đầy đủ, chi tiết hơn tác động của chính sách theo đúng các nội dung quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Theo đó, cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật cần làm rõ vấn đề bất cập, nội hàm từng chính sách, nghiên cứu cụ thể các giải pháp giải quyết vấn đề trong từng chính sách, phân tích ưu, nhược điểm từng giải pháp để đảm bảo tính khách quan trong việc lựa chọn phương án phù hợp. Mỗi chính sách đề nghị cần phải đảm bảo đủ 05 nội dung chính, gồm: (1) Xác định vẫn đề bất cập; (ii) Mục tiêu giải quyết vấn đề; (iii) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề; (iv) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan, và (v) Kiến nghị giải pháp lựa chọn. Việc đánh giá tác động chính sách cần dựa trên các khía cạnh đánh giá tác động về kinh tế, về xã hội, về giới, về thủ tục hành chính, về hệ thống pháp luật.  Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật rà soát dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách đảm bảo đúng mẫu Báo cáo đánh giá tác động chính sách (mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). | Tiếp thu, bổ sung các thông tin, số liệu và lập luận trong Báo cáo đánh giá tác động chính sách. |
|  | **Ủy ban Dân tộc,**  **Bộ Tài nguyên và Môi trường** | | Đề nghị phân tích, đánh giá cụ thể theo hướng “Nêu rõ: vấn đề cần giải quyết; mục tiêu của chính sách; giải pháp để thực hiện chính sách; tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do của việc lựa chọn; đánh giá tác động thủ tục hành chính, tác động về giới (nếu có)". | Tiếp thu. Những chính sách có số liệu, thủ tục hành chính sẽ hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động chính sách, bổ sung số liệu và đánh giá tác động thủ tục hành chính. |
| Cần bổ sung thêm các số liệu từ các Chương trình KH&CN quốc gia trong các ngành, lĩnh vực do các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý vào các phương án dự kiến lựa chọn trong dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. | Tiếp thu. Theo quy định tại Luật KH&CN 2013, Bộ KH&CN quản lý các Chương trình KH&CN quốc gia. |
|  | **Bộ Nội vụ** | | Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) không quy định viên chức được cử sang làm việc tại doanh nghiệp, họ vẫn được giữ nguyên lương, được đưa vào quy hoạch bổ nhiệm, được bảo đảm chế độ về thi đua, khen thưởng. Do vậy, đề nghị rà soát, nghiên cứu, hoàn chỉnh **Chính sách 3** và **dự thảo Tờ trình Chính phủ** để bảo đảm tính thống nhất với quy định của Luật. | Bảo lưu và đề xuất sửa Luật Viên chức cho đồng bộ. |
|  | **Bộ Công an** | | **Đối với Chính sách 3** về thúc đẩy chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy đổi mới sáng tạo: đề nghị đánh giá tác động và bổ sung vào chính sách này đối với nội dung về các tổ chức mà trong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có chức năng nghiên cứu khoa học thì đáp ứng điều kiện là tổ chức KH&CN. Thực tế hiện nay, các trường cao đẳng, trung cấp, các tổ chức loại hình cấp cục cũng thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học theo chủ trương của Đảng, Nhà nước về khuyến khích nghiên cứu khoa học. Nhưng theo quy định, các tổ chức này không được coi là tổ chức KH&CN và không được cấp giấy chứng nhận hoạt động KH&CN. Việc sửa đổi quy định này cũng phù hợp với quy định tại Điều 11 KH&CN về điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN.  - Đề nghị đánh giá tác động và bổ sung vào chính sách này đối với nội dung về quản lý hoạt động và xử lý các tổ chức KH&CN có vi phạm hoặc có hoạt động phức tạp liên quan đến an ninh quốc gia; đặc biệt là bổ sung các quy định cụ thể về đình chỉ, tạm đình chỉ, rút giấy phép hoạt động KH&CN và quản lý việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ KH&CN. Thực tế hiện nay, có nhiều tổ chức KH&CN ngoài công lập, tổ chức KH&CN có vốn nước ngoài được thành lập nhưng không hoạt động, hoạt động không hiệu quả hoặc chỉ hoạt động trong thời gian ngắn; một số cá nhân lợi dụng danh nghĩa của tổ chức KH&CN để thực hiện các dự án, hoạt động nhạy cảm, phức tạp liên quan đến an ninh quốc gia như: Góp ý phản biện chính sách, pháp luật, nghiên cứu về "xã hội dân sự", thúc đẩy dân chủ, nhân quyền, quyền tự do hội họp, lập hội, quyền của các đối tượng yếu thế trong xã hội, trong đó, có nhiều dự án chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cho phép triển khai nhưng công tác xử lý các tổ chức này gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Một trong những nguyên nhân là do Luật KH&CN (từ Điều 9 đến Điều 18) chưa quy định về các biện pháp, chế tài xử lý đủ sức răn đe đối với các tổ chức này; đồng thời, công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức KH&CN mới chỉ dừng lại ở việc cấp giấy chứng nhận hoạt động KH&CN, chưa quy định cụ thể về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý, xử phạt, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trên lĩnh vực KH&CN trong việc thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động của các tổ chức KH&CN, đặc biệt là đối với các tổ chức ngoài công lập và tổ chức có vốn nước ngoài. Bên cạnh đó, hiện nay có một số tổ chức KH&CN, đặc biệt là tổ chức phi Chính phủ thực hiện một số hợp đồng dịch vụ KH&CN với phía nước ngoài và với quy định hiện nay của Luật KH&CN thì các loại hợp đồng này không phải xin phép các cơ quan quản lý nhà nước. Đây là một "lỗ hồng mà nếu không có biện pháp khắc phục thì các tổ chức phi chính phủ có thể "lách luật" để nhận viện trợ nước ngoài bằng cách tách các dự án ra thành các hợp đồng dịch vụ KH&CN, trốn tránh sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước.  - Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ khoa học mạnh dạn, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm đã kết luận: "Khi cán bộ... thì được xem xét miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm". Tuy nhiên, Chính sách này mới chỉ quy định về quyền được miễn trách nhiệm dân sự đối với rủi ro trong nghiên cứu khoa học. Đề nghị đánh giá tác động và bổ sung vào chính sách này đối với nội dung về miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm đối với rủi ro trong nghiên cứu khoa học theo tinh thần của Kết luận số 14-KL/TW. | **-** Theo quy định tại dự thảo Luật chỉ yêu cầu đăng ký tổ chức KH&CN. Dự thảo quy định như sau:  “Tổ chức KH&CN là tổ chức nghiên cứu và phát triển hoặc tổ chức dịch vụ KH&CN, được thành lập và cấp giấy chứng nhận tổ chức KH&CN theo quy định của Luật này. Tổ chức KH&CN được tổ chức dưới hai hình thức là pháp nhân thương mại hoặc pháp nhân phi thương mại được quy định của Bộ luật Dân sự.” |
| Việc tăng cường quản lý thông qua việc nâng cao điều kiện thành lập tổ chức KH&CN và bổ sung nghĩa vụ của tổ chức KH&CN và tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức KH&CN.  - Vấn đề này cần được nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng trước khi thực hiện do nội dung này đã được quy định tại Điều 25 Bộ Luật Hình sự. |
| **- Đối với Chính sách 13** về đánh giá chương trình, đề tài, đánh giá tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy đổi mới sáng tạo: đề nghị đánh giá tác động và bổ sung vào chính sách này đối với nội dung về tiêu chí cụ thể để đánh giá, phân loại các tổ chức KH&CN để có định hướng đầu tư cho các tổ chức KH&CN hoạt động chất lượng, hiệu quả và kiên quyết xử lý, giải thể các tổ chức KH&CN hoạt động không hiệu quả hoặc có dấu hiệu phức tạp liên quan đến an ninh, lợi ích quốc gia của Việt Nam. | - Tiếp thu  - Hoàn thiện quy định về đánh giá tổ chức KH&CN để nâng cao hiệu quả hoạt động và thu hồi giấy chứng nhận tổ chức KH&CN đối với các tổ chức có vi phạm và xử lý theo các quy định pháp luật liên quan |
| - Đề nghị Bộ KH&CN phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an trong quá trình xây dựng các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh kinh tế trong quá trình thực hiện các hoạt động KH&CN. | Tiếp thu |
|  | **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch** | | **Đề nghị gộp Chính sách 1 và Chính sách 2** thành một chính sách quy định về hoàn thiện các quy định chung về hoạt động KH,CN&ĐMST. Nội dung của chính sách quy định những vấn đề như phạm vi điều chỉnh (có mở rộng); đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nhiệm vụ của hoạt hoạt động KH,CN&ĐMST, các nguyên tắc,... | Tiếp thu |
| **Chính sách 6** Phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST**, Chính sách 7** Phát triển thông tin hạ tầng thông tin KH,CN&ĐMST: **Đề nghị gộp 2 chính sách này** thành một chính sách quy định về phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST, trong đó bao gồm quy định việc đầu tư cho hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin KH,CN&ĐMST. | Tiếp thu |
| - Luật Đa dạng sinh học năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2018 giải thích khái niệm “hệ sinh thái” như sau: *“Hệ sinh thái là quần xã sinh vật và các yếu tố phi sinh vật của một khu vực địa lý nhất định, có tác động qua lại và trao đổi vật chất với nhau”.* Với ý nghĩa như vậy, việc xây dựng một chính sách với tên gọi Phát triển hệ sinh thái sáng tạo bao gồm các nội dung: quy định đối tượng, thành phần, tổ chức, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo công nghệ (hỗ trợ kinh phí, cung cấp không gian số,...). Tuy nhiên, những nội dung này đã được thể hiện tại các chính sách tạo điều kiện thuận lợi về đầu tư tài chính cho hoạt động KH,CN&ĐMST (Chính sách 5), chính sách phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST (chính sách 6), chính sách thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp (Chính sách 10),...Đề nghị cân nhắc sự cần thiết quy định chính sách này khi các chính sách khác có nội dung tương tự. | Tiếp thu và rà soát các chính sách để tránh trùng lắp về nội dung. Tuy nhiên, một nội dung có thể nằm ở nhiều chính sách đồng bộ để thúc đẩy hệ sinh thái ĐMST và khởi nghiệp sáng tạo. |
|  | **ĐHQG Hà Nội** | | Về chính sách đầu tư KH&CN theo cơ chế đặt hàng  - Đề nghị sửa đổi quy định về quyền của cá nhân hoạt động KHCN&ĐMST (tại Điều 27 dự thảo đề cương Luật) theo hướng sửa đổi khoản 4 Điều 20 Luật KH&CN năm 2013 như sau: cá nhân hoạt động KH&CN có quyền thành lập doanh nghiệp KH&CN, tổ chức KH&CN hoạt động trong các lĩnh vực KH&CN mà pháp luật không cấm (Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục các lĩnh vực KH&CN cấm cá nhân nghiên cứu).  Lý do: Nếu chỉ cho phép khoa học nghiên cứu những lĩnh vực đã biết (mà không thể cho phép nghiên cứu khoa học thuộc những lĩnh vực sẽ biết) sẽ kìm hãm sự phát triển của khoa học. Do đó, thay vì quy định những lĩnh vực cho phép nghiên cứu thì pháp luật về KH&CN nên quy định cấm nghiên cứu trong một số lĩnh vực (ví dụ cấm nghiên cứu công nghệ sinh sản vô tính, cấm cá nhân nghiên cứu công nghệ vũ khí, cấm cá nhân nghiên cứu công nghệ tổng hợp, bán tổng hợp ra các chất hướng tâm thần, chất gây nghiện…). | Tiếp thu. |
| - Về quy định đặt hàng nhiệm vụ: ĐHQGHN đề nghị Luật sửa đổi theo hướng Nhà nước chỉ đặt hàng những nhiệm vụ có tính dẫn dắt, nhiệm vụ chiến lược, những nhiệm vụ có tính lõi.  Lý do: Theo chính sách đặt hàng, các kết quả nghiên cứu chỉ cung cấp cho đơn vị đặt hàng. Trên thực tế, các nhiệm vụ nghiên cứu thường được giao cho các viện nghiên cứu thuộc các cơ quan, tổ chức gắn với cơ quan quản lý… khiến cho tri thức khó lan tỏa vì các viện đó chỉ làm theo đặt hàng, theo cấp trên chỉ đạo và sản phẩm chỉ giao cho cấp trên. Nếu chuyển dịch về chính sách, bỏ cơ chế giao nhiệm vụ cho các viện mà cạnh tranh tự do, chuyển dịch trọng tâm sang các trường đại học và trao quyền tự chủ nhiều hơn liên quan đến cơ chế quản lý đề tài, nghiệm thu… thì mức độ lan tỏa tri thức cao hơn. | - Tiếp thu |
|  |  | | Về đặc thù vai trò trụ cột nghiên cứu đào tạo của 02 ĐHQG theo Nghị quyết số 45-NQ/TW 2023  - **Chính sách 2 Quy định chung về hoạt động KH,CN&ĐMST**, ĐHQGHN đề nghị:  + Cần có chính sách đặc biệt đối với vai trò của 2 ĐHQG trong thực hiện nhiệm vụ quốc gia trong triển khai và tổ chức nghiên cứu cơ bản, công nghệ lõi. Có chính sách ưu tiên đầu tư đối với hoạt động nghiên cứu của ĐHQG để phát huy vai trò của ĐHQG với nhiệm vụ là trung tâm đào tạo, nghiên cứu hàng đầu.  + Cần có điều luật làm rõ vị trí, quyền hạn của cơ sở giáo dục có chức năng nghiên cứu khoa học. Trong đó cần đặc biệt chú ý đến cơ chế xác lập, quản lý đề tài, nhiệm vụ khoa học và cơ chế chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu.  - **Chính sách 3 - Thúc đẩy chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN,** tổ chức thúc đẩy ĐMST, ĐHQGHN đề nghị cơ quan chủ trì dự thảo cân nhắc để không quy định theo hướng trường đại học không phải là tổ chức KH&CH mà là tổ chức giáo dục có chức năng nghiên cứu.  Lý do: Điều này có thể gây ra một số mâu thuẫn hay khoảng trống trong các điều luật khác. Ví dụ như các trường đại học có là đối tượng đánh giá tổ chức KH&CN hay không? Các quyền lợi và trách nhiệm của trường đại học có tương đương với tổ chức KH&CN thông thường không?  Nên công nhận các cơ sở giáo dục đại học đương nhiên là tổ chức KH&CN.  Lý do: Bản chất hoạt động của trường đại học, trường cao đẳng tuy hiện nay dễ nhìn thấy nhất là đào tạo nhưng hoạt động KHCN&ĐMST là hoạt động cơ bản đúng chức năng vốn có của các tổ chức này (chứ không chỉ là thêm vào để hỗ trợ chức năng đào tạo). | Tiếp thu. |
|  |  | | Về cơ chế thí điểm doanh nghiệp Spin-off  \* Phạm vi của Luật KH&CN nên đặt trọng tâm vào doanh nghiệp nghiên cứu - phân biệt doanh nghiệp nghiên cứu, chứ không phải doanh nghiệp thường.  Lý do: Để tránh trùng lặp với các nội dung đã được quy định theo pháp luật khác như Luật đầu tư, Luật Doanh nghiệp. | Tiếp thu |
| **- Chính sách 4: Phát triển nguồn nhân nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST**, ĐHQGHN đề nghị đơn vị chủ trì cân nhắc:  - Có cơ chế đặc thù cho phép nhà khoa học là viên chức được làm chủ doanh nghiệp khởi nghiệp/spin off trong ít nhất là 3 năm đầu thành lập, đủ đến khi doanh nghiệp tìm được chỗ đứng trên thị trường.  Lý do: Tạo động lực cho các nhà khoa học trong triển khai hoạt động ĐMST, tạo môi trường để doanh nghiệp startup/spin-off tồn tại, cạnh tranh trên thị trường. | - Nghiên cứu thêm vì còn điều chỉnh bởi Luật Viên chức. Hiện nay Luật mới chỉ bổ sung quy định cho phép cá nhân tổ chức KH&CN được phép tham gia điều hành doanh nghiệp được tổ chức thành lập từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. |
| - Nghiên cứu có chính sách khuyến khích việc làm việc của giảng viên, nhà khoa học trong các doanh nghiệp phù hợp theo chu kỳ (ví dụ: 6 tháng trong vòng 5 năm).  Lý do: Đảm bảo tính theo kịp thực tiễn của giảng viên, nhà khoa học với thực tiễn sản xuất kinh doanh; đồng thời giúp cho doanh nghiệp có khả năng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH,CNĐMST. | - Tiếp thu, đã có trong chính sách về nhân lực KH&CN. |
| - Có cơ chế cho phép các tổ chức công lập được chủ động sử dụng tài sản công để góp vốn hay cho thuê theo giá thị trường vào doanh nghiệp khởi nghiệp/spin-off trong 3 năm đầu hoạt động.  Lý do: Để khuyến khích việc thành lập các doanh nghiệp này và hỗ trợ doanh nghiệp tồn tại trên thị trường. | Nội dung này cần rà soát phù hợp với Luật Quản lý và sử dụng tài sản công. |
| - Cân nhắc việc trao thêm quyền cho cơ sở giáo dục đại học được thành lập các viện, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và phát triển KH&CN và thúc đẩy ĐMST, trong đó, các trung tâm, viện này vận hành như một doanh nghiệp KH&CN (có thể vừa tổ chức nghiên cứu, vừa cung ứng dịch vụ KH&CN, vừa sản xuất thử, vừa chuyển giao vừa thương mại hóa sản phẩm, có thể liên kết, hợp tác với các công ty... để phát triển sản phẩm).  Lý do: Điều này vừa tránh được quy định cấm hiện nay liên quan đến quản lý doanh nghiệp là viên chức vừa cũng giúp cho các cơ sở nghiên cứu công lập có thể vận hành như doanh nghiệp đặc thù nhưng vẫn không phải là doanh nghiệp vận hành theo luật doanh nghiệp. Điều này càng phù hợp hơn trong bối cảnh tự chủ đại học, bảo đảm cơ hội phát triển KH&CN cho các cơ sở giáo dục đại học công lập phù hợp với ý nghĩa của tự chủ đại học. | - Nghiên cứu tiếp thu vì còn phải phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp và giáo dục đại học. |
| Về sở hữu trí tuệ, định giá, chuyển giao..., theo hướng tăng cường thu hẹp khoảng cách "thung lũng chết" để đưa sản phẩm công nghệ ra thị trường, đời sống xã hội  \* Về quyền của các chủ thể  - Cần xây dựng quy chế pháp lý đầy đủ, thống nhất về đăng ký quyền sở hữu cho bên tạo ra sản phẩm, coi đó là một tài sản/quyền tài sản được bảo hộ, có thể chuyển giao cho chủ thể khác thông qua các giao dịch dân sự.  Lý do: Hiện nay, một phần của vấn đề đã được xử lý tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022, tuy nhiên, vẫn chưa có quy định để xử lý trong khoảng thời gian từ khi nộp đơn đăng ký đến thời điểm được cấp văn bằng bảo hộ (quy trình hơn 18 tháng) và cũng chưa có quy định xử lý các trường hợp không được cấp văn bằng bảo hộ. Đây cũng là những hạn chế ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu KH&CN và việc quản lý, khai thác có hiệu quả tài sản hình thành từ các nhiệm vụ KH&CN.  - Đảm bảo các quyền của bên nhận chuyển nhượng, chuyển giao trong khai thác, sử dụng.  Lý do: Nhằm phòng tránh phát sinh các tranh chấp.  - Xác định rõ quyền của từng chủ thể đối với kết quả/sản phẩm KH&CN khi thương mại hóa trong trường hợp có sự tham gia hay đầu tư tài chính của nhiều chủ thể vào quá trình tạo ra sản phẩm. Cần phân biệt giữa nhiệm vụ nghiên cứu theo đặt hàng và sử dụng nguồn NSNN hay doanh nghiệp; ngân sách trung ương hay địa phương để có cơ chế, cách thức phân chia quyền thụ hưởng cho phù hợp.  Lý do: Đây là vấn đề hiện đang có vướng mắc, nguyên nhân từ sự không thống nhất trong các quy định pháp luật về việc phân chia quyền lợi, xử lý tài sản hình thành từ kết quả nghiên cứu sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước sau khi thương mại hóa thành công. Luật Quản lý và sử dụng tài sản công quy định đề tài sử dụng kinh phí Nhà nước phải hoàn trả lại Nhà nước theo tỷ lệ kinh phí đóng góp. Luật KH&CN quy định nhà khoa học được hưởng quyền lợi tối thiểu 30%. Còn Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi thì quy định tỷ lệ này ở tối thiểu 20%.  - Nhà nước cần giao quyền sở hữu trí tuệ của các kết quả nghiên cứu sử dụng NSNN cho cơ quan chủ trì nghiên cứu.  Lý do: Nhằm đẩy mạnh thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và mở rộng phạm vi lan tỏa tri thức. | - Nội dung này cần rà soát để phù hợp với Luật Quản lý và sử dụng tài sản công.  - Điều 43 Luật KH&CN. Nghị định 70/2018/NĐ-CP và Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN quy định về tỷ lệ phân chia lợi nhuận sau thuế.  - Tiếp thu.  - Nghiên cứu tiếp thu. |
| \* Về định giá sản phẩm khoa học công nghệ:  - Hoàn thiện các quy định pháp luật về định giá sản phẩm của KH&CN, các đối tượng của sở hữu trí tuệ làm cơ sở/căn cứ cho các bên xác định giá trị của giao dịch trong quá trình chuyển giao, chuyển nhượng, góp vốn, liên doanh, liên kết... Đối với loại tài sản đặc thù này, pháp luật phải xác định rõ những vấn đề sau: Ai là người định giá? Định giá theo nguyên tắc nào? Trách nhiệm của người định giá khi định giá sai (điều này đặc biệt quan trọng khi các bên sử dụng kết quả KH&CN để góp vốn thành lập doanh nghiệp, làm tài sản bảo đảm trong các giao dịch...gây thiệt hại cho các bên thứ ba)?  - Nghiên cứu việc chuyển giao công nghệ dựa trên cơ chế licencing thu lợi nhuận theo cổ tức hay % doanh thu mà không cần thẩm định giá (tức là để thị trường tự xác định giá cả của sản phẩm). Dựa theo kết quả kinh doanh 05 năm có thể đàm phán để mua bán đứt sản phẩm dựa trên kết quả kinh doanh. | - Tiếp thu, rà soát để đề xuất sửa đổi các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.  (*Điều 43 Luật KH&CN và Điều 136a Luật Sở hữu trí tuệ có phạm vi điều chỉnh khác nhau (tham khảo kinh nghiệm quốc tế việc các chủ thể đầu tư, tham gia các nhiệm vụ KH&CN thỏa thuận về cách thức phân chia quyền và nghĩa vụ của các bên: trong trường hợp khi một dự án được thực hiện bởi nhiều tổ chức thì các tổ chức cùng xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện theo thỏa thuận chung (Điều 38, Luật Đổi mới sáng tạo của Serbia).* |
| \* Về tăng cường thương mại hóa sản phẩm công nghệ:  - Cần bổ sung các nguyên tắc cơ bản của thương mại hóa kết quả KH&CN. Ví dụ:  + Tính minh bạch trong giữa những chủ thể tham gia trong quá trình thương mại hóa; đảm bảo quyền và lợi ích của những người tham gia ...  + Khuyến khích thương mại hóa kết quả hoạt động KH&CN trong các lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế;  + Các trường hợp ngoại lệ, phi thương mại hóa. Ví dụ: những lĩnh vực an ninh, quốc phòng,...  - Cần bổ sung và làm rõ chủ thể, nội dung và các phương thức, mô hình khai thác thương mại tương ứng với từng loại nhóm kết quả KH&CN (có thể phân loại theo các tiêu chí khác nhau, ví dụ: nguồn kinh phí đầu tư là Nhà nước, tư nhân hoặc hỗn hợp; cá nhân hay tổ chức; trong nước hay nước ngoài,...).  - Bổ sung quy định về phân chia lợi ích từ hoạt động thương mại hóa và các nghĩa vụ liên quan đến tái đầu tư cho phát triển KH,CN&ĐMST từ lợi nhuận thu được, đặc biệt là đối với các kết quả có được từ ngân sách Nhà nước.  - Bổ sung quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện thương mại hóa (đối với các chủ thể là cơ quan có liên quan đến Nhà nước). | - Nghiên cứu tiếp thu. |
| Chính sách chấp nhận rủi ro, chính sách đầu tư mạo hiểm, chính sách đặt hàng  - Cần có những quy định đặc thù trong quản lý, tổ chức và triển khai thực hiện nhằm khuyến khích, thúc đẩy hoạt động ĐMST do tính chất rủi ro cao và áp lực về thời gian lớn của hoạt động ĐMST:  + Nên đầu tư cho các dự án loại này dưới dạng tài trợ nhiều giai đoạn: i) Có đánh giá từng giai đoạn trước khi tài trợ cho giai đoạn tiếp theo; ii) Không yêu cầu hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước nếu dự án không thành công hoặc những dự án có tính chất phục vụ cộng đồng, xã hội; iii) Nếu dự án thành công thì có thể hoàn trả lại một phần kinh phí cho NSNN dưới dạng cổ phần hoặc tỷ lệ doanh thu, hoặc hoàn trả gián tiếp thông qua các khoản thuế.  + Đề cao trách nhiệm của các hội đồng tuyển chọn, nghiệm thu nhiệm vụ KH,CN&ĐMST. Các hội đồng nên làm việc theo cơ chế hợp đồng (với mức đãi ngộ thỏa đáng), công khai và minh bạch, uy tín của hội đồng và các thành viên gắn với thành công hay thất bại của nhiệm vụ.  + Xác định rõ loại hình nhiệm vụ KH&CN được đề xuất áp dụng cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro… để tránh bị lạm dụng chính sách và thiếu minh bạch trong khâu triển khai thực hiện. | - Tiếp thu để hoàn thiện phù hợp với loại hình hoạt động ĐMST. |
| Các ý kiến khác liên quan tới hệ sinh thái đổi mới sáng tạo: khởi nghiệp, trung gian/dịch vụ hỗ trợ…  \* Về chính sách tài chính: Chính sách 5 - Tạo điều kiện thuận lợi về đầu tư, tài chính cho KH,CN&ĐMST  - Cần sửa đổi Điều 38 của Đề cương Luật theo hướng: Tăng cường thực hiện khoán chi cho các đề tài nghiên cứu khoa học, bao gồm khoán chi về nhân công lao động, sinh phẩm hóa chất, nguyên vật liệu tiêu hao, và các phần chi khác. Thực hiện quyết toán theo Hợp đồng nghiên cứu khoa học (đối với nhân công lao động) và theo Hóa đơn VAT (đối với sinh phẩm hóa chất, nguyên vật liệu tiêu hao, và các phần chi khác). Nhà khoa học được phép mua sinh phẩm hóa chất và nguyên vật liệu tiêu hao lần lượt theo từng đợt cho từng nội dung nghiên cứu (bao gồm kể cả từng nội dung nhỏ trong nội dung lớn); được mua sắm theo số lượng dựa trên nhu cầu thực tế của thí nghiệm; và được thay đổi các loại sinh phẩm hóa chất, nguyên vật liệu tiêu hao cần mua cho phù hợp với mục đích thí nghiệm, miễn không làm thay đổi tổng kinh phí phê duyệt cho mục sinh phẩm hóa chất và nguyên vật liệu tiêu hao.  Lý do: Bảo đảm sự chủ động, linh hoạt cho các nhà khoa học trong quá trình nghiên cứu; bảo đảm bản chất của nghiên cứu khoa học. | Tiếp thu |
| - Nên giữ quy định về Quỹ KH&CN của các Bộ, ngành, địa phương, có thể sửa đổi tên thành Quỹ KHCN&ĐMST cho phù hợp với tình hình thực tế. Điều chỉnh phương thức quản lý vận hành của Quỹ để đảm bảo Quỹ hoạt động đúng với mục đích, đáp ứng yêu cầu hoạt động KHCN&ĐMST của Bộ, ngành, địa phương và cả quốc gia.  Lý do: Thực tiễn, các quy định chung về tài chính cho KHCN&ĐMST, các Quỹ KHCN&ĐMST vẫn rất cần thiết để tạo ra sự linh hoạt trong tài trợ cho KHCN&ĐMST. | Tiếp thu và giải trình trong Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động chính sách |
| - Quy định về nội dung chi cho dự án ĐMST không thể áp dụng định mức ngày công như hiện nay đối với các nhiệm vụ KH&CN các cấp, mà cần dựa trên giá trị cơ hội, lợi ích và giá trị gia tăng của hoạt động ĐMST mang lại. | Tiếp thu để đề xuất quy định phù hợp với đặc thù của hoạt động ĐMST |
| \* Về các tổ chức trung gian/hỗ trợ  **Tại Chính sách 6 - Phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST**:  - Bổ sung nhóm quy định về tổ chức trung gian KH&CN bao gồm: (i) Chính sách thúc đẩy phát triển nguồn cầu và nguồn cung của thị trường KH&CN, nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp (có thể sửa đổi, bổ sung Điều 69. Xây dựng và phát triển thị trường KHCN) (ii) Chính sách phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KHCN nhằm tăng cường hoạt động xúc tiến thị trường KHCN (có thể sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 69 về Thành lập tổ chức dịch vụ KHCN, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ). (iii) Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, truyền thông và hội nhập quốc tế về thị trường KHCN (có thể sửa đổi, bổ sung Điều 48. Truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học công nghệ).  Lý do: Hiện nay, vai trò của các tổ chức trung gian, tổ chức thúc đẩy ĐMST hiện nay còn yếu và chưa khẳng định được vai trò kết nối, định giá làm cơ sở thúc đẩy các hoạt động giao dịch. | - Tiếp thu |
| - Cần bổ sung quy định, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện sản phẩm để thương mại hóa như: Hỗ trợ, tài trợ kinh phí cho doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ; đưa ra các đảm bảo pháp lý cho doanh nghiệp có thể gọi vốn từ cộng đồng một cách hiệu quả hay tổ chức thành doanh nghiệp xã hội trong trường hợp sản phẩm, công nghệ hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội, sức khỏe và môi trường.  Lý do: Các sản phẩm KH&CN hiện nay, đặc biệt là các kết quả nghiên cứu KH cơ bản của các trường đại học mới chỉ là các sản phẩm dạng “thô” chưa có khả năng áp dụng/khai thác/sử dụng ngay trong thực tiễn, do đó chưa tạo ra sự hấp dẫn đối với các doanh nghiệp. Để các sản phẩm KH&CN có tính ứng dụng trực tiếp vào hoạt động thực tiễn, hoạt động sản xuất cần có việc thử nghiệm và tiếp tục hoàn thiện bởi các tổ chức/doanh nghiệp trung gian và các hoạt động này thường luôn mang nhiều rủi ro trong đầu tư. Tuy nhiên, các chính sách, pháp luật hiện chưa thực sự chú trọng phát triển hay hỗ trợ cho sự hình thành, vạn hành của các doanh nghiệp này. | - Tiếp thu |
| - Cần có có khung pháp lý, chính sách phát triển và cơ chế quản lý nhà nước đối với mô hình hoạt động và vận hành của sàn giao dịch công nghệ; quy định về giao dịch công nghệ và các hình thức giao dịch trên thị trường công nghệ.  Lý do: Sàn giao dịch công nghệ đóng vai trò rất quan trọng trong việc kết nối giữa bên nghiên cứu với các bên sử dụng sản phẩm nghiên cứu và thực hiện các giao dịch công nghệ. Tuy nhiên, các sàn giao dịch công nghệ hiện nay tại Việt Nam chủ yếu được thành lập tại các địa phương và hiện đang hoạt động không hiệu quả, đóng vai trò chủ yếu như là một kênh giới thiệu về sản phẩm công nghệ. Trong khi đó, chưa có khung pháp lý, chính sách phát triển và cơ chế quản lý nhà nước đối với mô hình hoạt động và vận hành của sàn giao dịch công nghệ; chưa có quy định về giao dịch công nghệ và các hình thức giao dịch trên thị trường công nghệ. | - Tiếp thu |
| - Thành lập các sàn giao dịch công nghệ của các viện nghiên cứu, trường đại học lớn (theo nhóm trường, hay khu vực)  Lý do: Nhằm thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm công nghệ của các viện nghiên cứu, trường đại học. |  |
|  | **Bộ Thông tin và Truyền thông** | | Đề xuất bổ sung Chính sách 16: "Thúc đẩy các lĩnh vực khoa học công nghệ mũi nhọn trong đó có công nghệ Xanh, công nghệ Số, công nghệ An toàn thông tin" với các giải pháp cụ thể sau:  + Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn, ưu đãi thuế đặc biệt để đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) đối với công nghệ Xanh, công nghệ Số, công nghệ An toàn thông tin; đặc biệt thu hút khối doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao;  + Xây dựng các trung tâm công nghệ hoặc quy định khu vực thử nghiệm (sandbox) để thúc đẩy nghiên cứu và phát triển các công nghệ nền tảng mới. Cho phép doanh nghiệp thử nghiệm không hạn chế các sản phẩm và dịch vụ mới trong một phạm vi có kiểm soát, với quy định tạm thời để đánh giá hiệu quả và tác động;  + Mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế và trường đại học hàng đầu thế giới để chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ và xây dựng môi trường thúc đẩy sự hợp tác công tư nhằm tận dụng nguồn lực và cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển;  + Phát triển các chương trình ươm tạo start-up và cung cấp tài trợ cho các dự án có tiềm năng trong lĩnh vực công nghệ Xanh, Số, và An toàn thông tin.  Lý do đề xuất:  + Cụ thể hóa Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nội dung: “*Chú trọng các chính sách tài chính, đầu tư, đấu thầu, quản lý và sử dụng tài sản công, chuyển giao, ứng dụng KH&CN, phát triển công nghệ số, công nghệ cao, bảo hộ sở hữu trí tuệ; chính sách xã hội hoá….”;*  + Việt Nam đã cam kết đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng không vào năm 2050;  + Các công nghệ: công nghệ Số, công nghệ An toàn thông tin, công nghệ Xanh sẽ dẫn dắt phát triển KH&CN của Việt Nam trong nhiều năm tới. | Tiếp thu một phần, bổ sung vào nội dung Luật |
| Bổ sung 01 nội dung cho Chính sách 3: Hình thành tổ chức nghiên cứu xuất sắc (cơ sở giáo dục đại học, Viện nghiên cứu ...) đạt trình độ khu vực và thế giới.  Lý do đề xuất:  + Cụ thể hóa nội dung “*Tập trung phát triển một số tổ chức KH&CN đạt trình độ khu vực và thế giới;……đổi mới sáng tạo theo hướng hiện đại, tiếp cân trình độ các nước tiên tiến*” trong Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;  + Cụ thể hóa nội dung “*Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và đầu tư nguồn lực để phát triển các đại học quốc gia, đại học vùng, các trường đại học xuất sắc theo hiệp định quốc tế, các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm và các trường đại học sư phạm ngang tầm các nước tiên tiến, có đủ năng lực, điều kiện để giữ vai trò nòng cốt trong đào tạo, nghiên cứu khoa học…”* trong dự thảo Kết luận của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;  + Thúc đẩy việc phát triển các ý tưởng mới, sản phẩm, dịch vụ và giải pháp sáng tạo, góp phần vào tăng trưởng kinh tế;  + Quốc gia có các tổ chức KHCN mạnh sẽ tăng cường khả năng cạnh tranh quốc tế thông qua việc tạo ra kiến thức mới, công nghệ tiên tiến và tài sản trí tuệ. | - Tổ chức KH&CN đạt trình độ khu vực và thế giới đã được nêu trong Kết luận số 69-KL/TW và trong chiến lược phát triển KHCN & ĐMST đến năm 2030. Tổ chức KH&CN đạt trình độ khu vực và thế giới đã được đánh giá theo tiêu chuẩn của thế giới và khu vực và có tiêu chí xếp hạng. Hiện nay Việt Nam cũng đang sử dụng để xây dựng và đánh giá trình độ khu vực và thế giới của Tổ chức KH&CN của Việt Nam; Trong Tổ chức KH&CN đã có tổ chức nghiên cứu xuất sắc.  - Hiện nay, trên thế giới chưa có tiêu chí đánh giá, xếp hạng các tổ chức nghiên cứu xuất sắc. Các văn bản chính thức của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực KH&CN nói riêng cũng như các lĩnh vực khác nói chung, chưa đề cập đến tổ chức nghiên cứu xuất sắc. |
| Đề nghị bổ sung nhiệm vụ chuyển đổi số và đổi tên Chính sách 5: “Tạo điều kiện thuận lợi về đầu tư, tài chính cho KH,CN&ĐMST” thành “ Tạo điều kiện thuận lợi về đầu tư, tài chính cho KH,CN&ĐMST và Chuyển đổi số”;  + Bổ sung nhiệm vụ chuyển đổi số vào nội dung chính sách và thống nhất gắn kết cụm từ KH,CN&ĐMST và Chuyển đổi số trong nội dung của Luật KH&CN sửa đổi.  Lý do đề xuất: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 -2030 với chủ đề Chiến lược là “*Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao*”. Tên và nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 -2030 đã gắn kết ba phạm trù *khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số* chặt chẽ với nhau. | Nội dung KH,CN&ĐMST đã bao gồm nhiều lĩnh vực công nghệ mới, trong đó có chuyển đổi số. |
|  | **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** | | Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với 15 chính sách tuy nhiên nội dung đánh giá từng chính sách chưa được cụ thể, còn chung chung, nhiều chính sách có mục tiêu khá giống nhau (ví dụ chỉnh sách 4, 5, 6, 7 đều là các điều kiện bảo đảm cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; chính sách 2, 8, 9, 15 liên quan đến việc hoàn thiện chính sách pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo). Do đó, đề nghị cân nhắc giảm số lượng các chính sách để tập trung đánh giá tác động của từng chính sách được cụ thể, chỉ tiết hơn |  |
|  | **Viện Hàn lâm KHXH VN** | | - Mục 1 (Xác định vấn đề) Dự thảo Báo cáo Đánh giá tác động sẽ đầy đủ hơn nếu có thể bổ sung thông tin đánh giá mức độ mà các tổ chức và cá nhân tuân thủ Luật KH&CN và tác động của việc tuân thủ hoặc không tuân thủ đối với mục tiêu và hiệu quả của Luật. | Tiếp thu |
| - Rà soát các nội dung Chính sách mới cần ghi nhận trong Luật KH&CN (sửa đổi) nhưng chưa được đề cập trong Hồ sơ xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi) (tham khảo nội dung mục 1 Công văn này). Ví dụ:  - Xây dựng cơ chế về đầu tư rủi ro cho KH&CN; Quan tâm đầu tư đúng tầm cho nghiên cứu cơ bản; Xây dựng đồng bộ hệ thống quy định pháp luật về giới thiệu, đào tạo, thu hút, trọng dụng, đánh giá, sử dụng nhân tài KH&CN. | - Tiếp thu  - Hiện nay, Luật KH&CN mới quy đinh về chấp nhận rủi ro trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN với các điều kiện cụ thể, chặt chẽ. Quy định cơ chế đầu tư rủi ro không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật KH&CN. |
| - Rà soát, sắp xếp và nhóm thành các chính sách lớn cần sửa đổi, bổ sung để ghi nhận trong Luật KH&CN (sửa đổi). Dự thảo Báo cáo Đánh giá tác động chỉ ra 6 vấn đề tổng thể cần giải quyết, trên cơ sở đó xác định 15 nội dung chính sách cần sửa đổi, bổ sung. Bên cạnh đó, còn có một số nội dung chính sách cần xem xét, đánh giá (như trình bày tại mục 1 Công văn này) để ghi nhận trong Luật KH&CN (sửa đổi).  Để đảm bảo tỉnh khoa học, tính khái quát, Dự thảo Báo cáo Đánh giá tác động cân nhắc rà soát, sắp xếp tất cả các nội dung chính sách đó và nhóm thành các chính sách lớn cần sửa đổi, bổ sung. Số chính sách sửa đổi, bổ sung nên tương ứng với số vấn đề tổng thể cần giải quyết. | Tiếp thu |
|  | **Hà Nội** | | - Cần đánh giá kỹ hơn tính đồng bộ của Luật KH&CN (2013) với các văn bản pháp luật có liên quan như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu (liên quan đến Điều 46), Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các luật liên quan đến thuế (liên quan điều 54, 90), Luật các tổ chức tín dụng (liên quan đến điều 55), Luật Viên chức (liên quan điều 27,30,32), Luật Doanh nghiệp… làm cơ sở hiệp thương, đề xuất với các bộ liên quan sửa đổi Luật tương ứng và hoàn thiện quy định tại Chương XVII (Điều khoản thi hành). | Tiếp thu |
| - Cần đánh giá sự phù hợp việc chia các loại hình nhiệm vụ KH&CN theo Luật KH&CN 2013. Nếu đã phù hợp và việc triển khai dự án SXTN là hiệu quả thì cần giải thích vì sao lại bỏ hình thức dự án SXTN và chuyển thành dự án ĐMST trong Luật KH&CN dự kiến sửa đổi. | Dự án Luật đang phân định các nhiệm vụ theo kết quả đầu ra (nghiên cứu KH, phát triển CN; ĐMST) để có cơ chế chính sách ưu đãi phù hợp |
| - Về huy động nguồn vốn ngoài NSNN đầu tư cho KH&CN (Điều 55 Luật KH&CN 2013): còn thiếu các thông tin về việc các tổ chức, cá nhân thành lập Quỹ đã được hưởng ưu đãi gì để có các đề xuất chính sách, giải pháp cho phù hợp. Cần bổ sung thông tin về các ưu đãi mà tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho KH&CN đã được hưởng theo quy định tại khoản 3 Điều 55 Luật KH&CN 2013 (ưu đãi về thuế; tôn vinh, khen thưởng). Nếu chưa triển khai được, cần xác định nguyên nhân để có các đề xuất chính sách, giải pháp cho phù hợp. | - Luật KH&CN 2013 không quy định ưu đãi cho tổ chức, cá nhân tự thành lập Quỹ (Báo cáo về triển khai Quỹ Phát triển KH&CN của doanh nghiệp).  - Quy định trong Luật là cơ sở để đề xuất ưu đãi trong pháp luật về thuế. |
| - Cần đánh giá kỹ hơn kết quả triển khai Điều 58 của Luật KH&CN về phát triển doanh nghiệp KH&CN, vì theo báo cáo đánh giá của Bộ KH&CN, sau 10 năm triển khai, cả nước mới chỉ có 816 doanh nghiệp KH&CN được chứng nhận, chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng số doanh nghiệp KH&CN trong cả nước. Cần xác định nguyên nhân là do tiêu chí tại khoản 2 Điều 58 quá khó hay do các ưu đãi tại khoản 3 Điều 58 không triển khai được. | Tiếp thu |
| - Bổ sung thông tin về việc triển khai “Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao”. | Nội dung này đã được quy định tại Luật Công nghệ cao, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật KH&CN |
| - Bổ sung đánh giá về việc thực hiện chính sách thuế đối với hoạt động KH&CN và ĐMST (Điều 64 Luật KH&CN 2013) để làm căn cứ đề xuất ưu đãi thuế mới… Cần rà soát, tổng hợp bổ sung các quy định về hình thức, kinh phí để tổ chức ứng dụng sau khi đề tài kết thúc, các quy định liên quan đến ưu đãi thuế, tín dụng đối với các tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả NCKH và PTCN (Điều 40, Điều 44, Điều 45 Luật KH&CN 2013). | - Tiếp thu. |
| **III. Đối với dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật KH&CN năm 2013** | | | | |
|  | **Bộ Tài chính** | | Tại dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật KH&CN đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong 10 năm thi hành Luật KH&CN, bao gồm 14 lĩnh vực còn tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai Luật và đề xuất 15 nhóm chính sách dự kiến sửa đổi Luật KH&CN năm 2013, tuy nhiên, chưa thể hiện được nhóm chính sách nào (thể hiện tại Điều nào dự thảo Luật) sẽ xử lý được những tồn tại, hạn chế nào và còn các tồn tại, hạn chế nào chưa khắc phục được trong dự thảo Luật lần này. | Tiếp thu |
| Đề nghị bổ sung định nghĩa của cụm từ “công nghệ mới” tại điều về giải thích từ ngữ và bổ sung các nguyên tắc, phạm vi áp dụng “công nghệ mới” trong giai đoạn cụ thể để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện. | Tiếp thu, bổ sung khái niệm ”công nghệ mới” |
|  | **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** | | Tại mục I phần II nội dung tồn tại thứ nhất đề nghị nghiên cứu, bổ sung cụm từ “quốc phòng - an ninh" và sửa như sau: “Sau 10 năm triển khai thi hành Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, bối cảnh trong nước và quốc tế đã có nhiều thay đổi, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng – an nình. Luật được ban hành từ năm 2013 nên không thể tránh khỏi việc chưa cập nhật được những vẫn đề mới khi Khoa học và Công nghệ trong nước và thế giới phát triền quá nhanh, nhất là trong khoảng 05 năm gần đây" | Tiếp thu |
|  | **Viện Hàn lâm Khoa học**  **Xã hội Việt Nam** | | - Các đánh giá tác động của Luật KH&CN đối với kinh tế, xã hội và môi trường chưa được phản ánh rõ nét, chưa thật sự đầy đủ, nhất là các tác động đối với môi trường. Đánh giá tác động của Luật KH&CN đến môi trường không chỉ là việc quan trọng mà còn là một phần không thể thiếu trong việc đảm bảo sự phát triển toàn diện và bền vững của xã hội. KH&CN thường có tác động lớn đến môi trường thông qua việc khai thác tài nguyên, xử lý chất thải, và thay đổi cảnh quan tự nhiên. Do đó, Luật KH&CN cần phải đánh giá tác động của chúng đến môi trường để đảm bảo rằng các biện pháp được áp dụng là bền vững và không gây hại đến nguồn tài nguyên tự nhiên và bảo vệ sự đa dạng sinh học. | Bảo lưu, phạm vi điều chỉnh của Dự án Luật chỉ liên quan đến chính sách nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ |
| - Đánh giá về ứng dụng kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn sử dụng ngân sách nhà nước chưa thật rõ, chưa đầy đủ, chưa toàn diện (mục III, tiểu mục 1.1). Tác động của các nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đối với kinh tế, xã hội và môi trường được thể hiện chủ yếu thông qua việc đánh giá các yếu tố như: (i) Vai trò của khoa học xã hội và nhân văn trong đề xuất, phát triển, đánh giá hiệu quả và tính khả thi của các chính sách của quốc gia, cũng như ảnh hưởng của chúng đối với kinh tế, xã hội và môi trường; (ii) Vai trò của khoa học xã hội và nhân văn trong việc tạo ra sự thay đổi trong giá trị, niềm tin, thái độ và hành vi của cộng đồng nói chung, cũng như tác động đến các nhóm cộng đồng cụ thể; (iii) Vai trò của khoa học xã hội và nhân văn trong việc giúp cải thiện quản lý tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ và phục hồi môi trường, và tạo ra các biện pháp bảo vệ và phát triển bền vững; (iv) Vai trò của khoa học xã hội và nhân văn trong nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân các nhà khoa học và đóng góp cho uy tín các viện nghiên cứu, các trường đại học trong khu vực và quốc tế; (v) Vai trò của khoa học xã hội và nhân văn trong việc bảo tồn di sản văn hóa, cung cấp tri thức mới, thúc đẩy sự phát triển của nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao chất lượng giáo dục.. | Tiếp thu, bổ sung các kết quả trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật. |
| (3) Dự thảo Báo cáo Tổng kết thi hành Luật KH&CN sẽ toàn diện hơn, có sức thuyết phục hơn nếu có thêm số liệu so sánh trước và sau thời điểm Luật KH&CN năm 2013 có hiệu lực (từ 1/1/2014) cho thấy mối liên hệ với việc thi hành Luật KH&CN năm 2013. | Nghiên cứu để tiếp thu một số nội dung. Tuy nhiên, Luật KH&CN 2000 và Luật KH&CN 2013 ra đời trong bối cảnh kinh tế - xã hội có nhiều thay đổi và có nhiều nội dung khác nhau nên khó đánh giá cụ thể. |
|  | **Cần Thơ** | | Rà soát điều chỉnh sự trùng lặp các chính sách dự kiến sửa đổi tại Phần II. Kiến nghị sửa đổi Luật KH&CN 2013 (có 2 chính sách 8). | Tiếp thu |
|  | **Tiền Giang** | | Tại trang 67, Phụ lục “Danh mục các Phụ lục kèm theo Báo cáo tổng kết thi hành Luật KH&CN năm 2013” đề nghị bổ sung thêm “Phụ lục XIV: Khó khăn, vướng mắc trong Luật KH&CN năm 2013”. | Báo cáo Tổng kết đã có nội dung này |
|  | **Bộ Tài nguyên và Môi trường** | | Về tổ chức KH&CN: Đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến nhóm nghiên cứu mạnh, trung tâm nghiên cứu xuất sắc. | Luật KH&CN 2013 không có nội dung liên quan đến nhóm nghiên cứu mạnh, trung tâm nghiên cứu xuất sắc. |
| Phụ lục II: Đề nghị bổ sung các Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường gồm:  + Quyết định số 2466/QĐ-BTNMT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, ban hành định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, cấp cơ sở thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;  + Quyết định số 1849/QĐ-BTNMT ngày 07/7/2023 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, ban hành định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, cấp cơ sở thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;  + Quyết định số 58/QĐ-BTNMT ngày 08/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ KH&CN của Bộ Tài nguyên và Môi trường. | Tiếp thu |
|  | **Bộ Công Thương** | | Việc tổng kết, đánh giá thi hành Luật cần triển khai một cách toàn diện, bám sát từng quy định và chính sách được nêu trong Luật; đồng thời, không chỉ dừng lại việc tổng hợp các kết quả đạt được, việc đánh giá cần làm rõ được hiệu quả của từng nhóm chính sách như:  + Về chính sách đối với các tổ chức KH&CN công lập, cần làm rõ những vấn đề đang đặt ra như: với các chính sách hiện hành, hệ thống các tổ chức KH&CN công lập hiện đang ở trình độ phát triển nào, đóng góp ra sao đối với các kết quả hoạt động KH&CN; Hệ thống tổ chức KH&CN công lập có tỉnh gọn, hoạt động hiệu quả và có thực sự là công cụ thực thi các chính sách phát triển KH&CN của Nhà nước.  + Về chính sách đối với các doanh nghiệp, cần cụ thể hoá các nội dung như: trình độ công nghệ của các doanh nghiệp hiện nay đang ở đâu? Năng lực hấp thụ công nghệ ở mức độ nào? Kết quả, hiệu quả sử dụng Quỹ KH&CN của doanh nghiệp ra sao. | Tiếp thu |
| Báo cáo này cũng cần cung cấp đầy đủ luận cử để đề xuất các giải pháp, chính sách sửa đổi cụ thể trong Luật KH&CN, đặc biệt là những chính sách mới, có tính đột phá, phù hợp với thông lệ quốc tế. Do đó, bổ sung những nội dung sau:  + Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trong việc xây dựng, triển khai chính sách phát triển KH&CN, đặc biệt liên quan tới các nhóm vấn đề như: mô hình quản lý nhà nước đối với hoạt động KHCN&ĐMST; chính sách, mô hình phát triển đối với các tổ chức KH&CN công lập; chính sách phát triển, thu hút nhân tài, đào tạo nhân lực KH&CN; chính sách thúc đẩy hoạt động đổi mới KH&CN tại doanh nghiệp (đặc biệt là các cơ chế tài chính như Quỹ hay các đòn bẩy khác); phương thức quản lý, tổ chức các chương trình KH&CN...  + Đánh giá nhu cầu chính sách theo từng nhóm đối tượng chịu tác động của Luật: tổ chức KH&CN (công lập, ngoài công lập, Trường đại học); cá nhân hoạt động KH&CN; doanh nghiệp (ở cả khía cạnh là chủ thể triển khai hoạt động KH&CN, đồng thời là đối tượng tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN)...  + Đối với các quy định hiện tại của Luật KH&CN 2013, những vẫn đề cần xem xét, sửa đổi ở các Luật có liên quan để đảm bảo việc thực thi chính sách phát triển KH&CN (dựa trên tiền đề của việc rà soát, đánh giá những mâu thuẫn, không thống nhất giữa Luật KH&CN với các Luật khác).  Đây là những tiền đề quan trọng để hình thành những chính sách mới, phủ hợp với yêu cầu thực tiễn, mang tính đột phá và gắn với từng đối tượng. |  |
| Đề nghị rà soát để đảm bảo tính thống nhất giữa nội dung đề cập trong dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật và dự thảo Tờ trình, dự thảo Luật. Một số hạn chế, vướng mắc trong dự thảo Báo cáo chưa được kiến nghị các chính sách hoặc điều chỉnh, bổ sung phù hợp như: tỉnh hấp dẫn của quy định về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; về tỉnh phù hợp của việc phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN; phân bổ vẫn đầu tư còn chồng chéo, dân trái, chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn; về sự cần thiết và tỉnh phù hợp của quy định về đăng ký tổ chức KH&CN... |  |
| IV. Đối với dự thảo Tờ trình | | | | |
|  | **Bắc Ninh** | | Tại dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Luật (mục 1.2, phần IV, trang 13) và dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách (mục 1.3.2, phần II, trang 10) đều nêu giải pháp: “Đổi tên Luật để mở rộng phạm vi điều chỉnh sang hoạt động đổi mới sáng tạo…”. Tuy nhiên đề cương Luật trong hồ sơ lại không có nội dung về đổi tên Luật.  Vậy đề nghị cơ quan soạn thảo ghi rõ trong Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động chính sách là đổi tên Luật thành tên cụ thể như thế nào, đồng thời ghi rõ trong Đề cương Luật là đổi tên Luật. | Tiếp thu |
| Mặt khác, tại dự thảo Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động chính sách ghi tên Luật là Luật KH&CN (sửa đổi). Còn trong Đề cương Luật ghi là Luật Khoa học, công nghệ (sửa đổi). Đề nghị ghi cho thống nhất là Luật KH&CN (sửa đổi). | Tiếp thu |
|  | **Hà Nội** | | Cần thể hiện nhóm chính sách nào đã có trong Luật KH&CN năm 2013 và đề xuất bổ sung hoàn thiện. Nhóm chính sách nào là chính sách mới và căn cứ thực tiễn xây dựng nhóm chính sách này. Ví dụ: Tại Chương X đề xuất thúc đẩy phát triển KHCN&ĐMST trong doanh nghiệp có đưa vào 5 điều (chưa có trong Luật KH&CN năm 2013). Tuy nhiên, các chính sách này đã và đang thực hiện rải rác trong các Chương trình khác nhau theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Sở hữu Trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ, …. Vì vậy, cần đánh giá việc triển khai các chính sách này (số lượt doanh nghiệp tham gia, kinh phí được hỗ trợ, thuận lợi, khó khăn khi triển khai, …) để các điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. | Tiếp thu để hoàn thiện Báo cáo Đánh giá tác động chính sách. Tuy nhiên, Luật KH&CN 2013 không quy định phải đánh giá tác động chính sách. Các nội dung đánh giá tác động chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi) là các nội dung mới bổ sung. |
|  | **Cần Thơ** | | - Cập nhật, điều chỉnh phần căn cứ “Chương trình công tác của Chính phủ năm 2023” thành “Chương trình công tác của Chính phủ năm 2024” để phù hợp với thời điểm trình. | Đây là nhiệm vụ tại chương trình công tác của Chính phủ năm 2023, Bộ KH&CN đã báo cáo Chính phủ và tiếp tục được giao hoàn thiện. |
| - Tại Phần I, mục 1.1. Chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển KH,CN&ĐMST: lược bỏ điểm g viện dẫn “Kết luận số 50- KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư…” do hiện tại đã có Kết luận số 69-KL/TW ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và đã được trình bày tại điểm h. | Bảo lưu vì Kết luận số 50- KL/TW và Kết luận số 69-KL/TW đều có nội dung tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW. |
| - Tại Phần IV. Mục tiêu, nội dung, giải pháp của chính sách: rà soát điều chỉnh khớp với Phần II. Kiến nghị sửa đổi Luật KH&CN 2013 tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật KH&CN. | Tiếp thu |
|  | **Hưng Yên**  **Nghệ An** | | Tại mục 2 Phần I (Các bất cập, hạn chế trong quy định của Luật KH&CN 2013): đề nghị làm rõ và cụ thể hơn nội dung của mục này. Về nguyên nhân bất cập: cần nghiên cứu bổ sung làm rõ Luật KH&CN 2013 triển khai trong bối cảnh phải tuân thủ các luật liên quan khác (Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách…); các vấn đề liên quan đến những chính sách ưu tiên, đặc thù của KH&CN chưa được quy định cụ thể trong các luật này, do vậy là lực cản lớn cho hoạt động KH&CN. | Tiếp thu |
| Tại mục 3 Phần I (Yêu cầu thực tiễn cần thiết xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi): đề nghị bổ sung: để khắc phục những tồn tại và bất cập trong thực hiện Luật KH&CN 2013. | Tiếp thu |
| Tại Phần IV. Mục tiêu, nội dung, giải pháp của chính sách: có thể kết hợp 2 chính sách thành một, bởi 2 chính sách này có liên đới với nhau và sẽ giảm được vấn đề trùng lặp. Nội dung chính sách 10: cần nghiên cứu ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp đã đầu tư ứng dụng KH&CN có hiệu quả (hỗ trợ sau đầu tư). | Tiếp thu |
|  | **Bộ Tài chính** | | Tại dự kiến đề cương chi tiết dự thảo Luật KH&CN quy định Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp như hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới sáng tạo... Tại điểm 1 mục V dự thảo Tờ trình Chính phủ liệt kê các khoản chi dự kiến cho việc thi hành Luật sau khi được thông qua (kinh phí xây dựng văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, kinh phí tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật; chi cho hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST...) được bảo đảm bởi nguồn chi NSNN dành cho KH&CN hằng năm, tuy nhiên, chưa đánh giá cụ thể nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nêu trên. Do đó, đề nghị Bộ Khoa hoc và Công nghệ bổ sung đánh giá cụ thể về nguồn tài chính đối với chính sách này để Bộ Tài chính có cơ sở đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu |
|  | **Bộ Công Thương** | | Việc bổ sung nội dung "Đổi mới sáng tạo" là một thay đổi lớn, dẫn tới rất nhiều điều chỉnh trong Luật KH&CN (sửa đổi). Bộ Công Thương đề nghị nghiên cứu và bổ sung các nội dung sau:  Bổ sung trong **Tờ trình** nội dung làm rõ: (1) Khái niệm và bản chất của hoạt động ĐMST; (2) Phân biệt và mối quan hệ (nếu có) giữa KH,CN&ĐST.  - Trên cơ sở nội dung bổ sung ở trên, bổ sung việc phân định giữa hoạt động KH&CN với hoạt động ĐMST, nhiệm vụ KH&CN với nhiệm vụ (dự án) ĐMST; tổ chức KH&CN với tổ chức thúc đẩy ĐMST: chính sách thúc đẩy KH&CN với chính sách thúc đẩy ĐMST. Đơn vị chủ trì cần luận giải khi nào, trong trường hợp nào hai hoạt động này là độc lập, tách rời (trong dự thảo Luật có nhiều chính sách, quy định riêng có cho từng hoạt động hoặc đối tượng thực hiện các hoạt động này), khi nào và trong trường hợp nào thì hai hoạt động này có thể xem xét một cách đồng thời.  - Cần trả lời được các câu hỏi như: đâu là những chính sách đặc thù, riêng có để tác động tới các hoạt động và đối tượng triển khai hoạt động KH&CN và hoạt động ĐMST. Một tổ chức KH&CN có được thực hiện các nhiệm vụ về ĐMST không? Nếu một tổ chức ĐMST muốn triển khai các hoạt động KH&CN thì có bị hạn chế bởi điều kiện nào không?...  Đây là những vấn đề đơn vị chủ trì soạn thảo cần làm rõ và thuyết phục cơ quan có thẩm quyền trước khi đưa ra những quy định điều chỉnh, bổ sung trong dự thảo Luật; các quy định trong Luật phải đảm bảo tính toàn diện, khoa học và khả thi trong quá trình áp dụng. | - Tiếp thu |
| Về quan điểm tiếp cận trong việc sửa đổi Luật KH&CN, đề nghị:  - Thứ nhất: chuyển mạnh từ tập trung vào quản lý sang tạo ra hành lang để phát triển, khuyến khích, huy động sự tham gia, đóng góp của tất cả các cá nhân, tổ chức, thành phần trong xã hội, đưa nước ta trở thành một quốc gia phát triển dựa trên KH,CN&ĐMST, hạn chế các quy định chỉ phục vụ mục tiêu quản lý, gây cản trở cho việc triển khai các hoạt động KH,CN&ĐMST; về bản chất, đây vẫn là nhu cầu và yêu cầu nội tại của tất cả các tổ chức, nền sản xuất và toàn xã hội.  - Thứ hai: Thống nhất với quan điểm trong dự tháo Tờ trình về việc tập trung vào đối tượng là doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh triển khai các hoạt động KHCN&DMST gắn với doanh nghiệp. Quan điểm này cần được quán triệt và thể hiện một cách rõ nét trong các chính sách mới của Luật KH&CN sửa đổi như: đổi mới cơ chế tài chính và đầu tư cho KH&CN, ĐMST của doanh nghiệp, hình thành nhóm chính sách cho đối tượng là doanh nghiệp; ưu tiên nguồn đầu tư của nhà nước để triển khai các chương trình KH&CN nghiên cứu ứng dụng, các chương trình hỗ trợ về ĐMST của DN; ưu tiên phát triển hệ thống các tổ chức KH&CN công lập ứng dụng cho các ngành, lĩnh vực... | Tiếp thu |
|  | **Bộ Tư pháp** | | Mục III. 1 trang 11 dự thảo **Tờ trình** đề nghị xây dựng Luật nêu phạm vi điều chỉnh luật bổ sung hoạt động ĐMST. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh tại **dự thảo Đề cương** có thay đổi so với Luật hiện hành ngoài việc bổ sung hoạt động ĐMST như bỏ “quy định về tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ phạm vi điều chỉnh tại Tờ trình. | Tiếp thu |
| Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung thêm nội dung các cam kết trong các Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trong lĩnh vực KH&CN trong phần I (sự cần thiết ban hành văn bản) và thêm phần nội dung các chính sách tại phần IV (Mục tiêu, nội dung, giải pháp của chính sách) theo đúng **Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục IV** ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu |
|  | **Bộ KH&ĐT** | | Tại Mục 1.2 của dự thảo Tờ trình, Bộ Khoa học và Công nghệ có nêu "trong quá trình 10 năm thực thi, đã có nhiều đạo luật chuyên ngành lần lượt ra đời và điều chỉnh các lĩnh vực/các giai đoạn khác nhau trong chu trình nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ (Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ), hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học (Luật Giáo dục đại học) và một phần hoạt động khởi nghiệp sáng tạo (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa). Trong đó, nhiều quy định chưa đồng bộ trong nội dung Luật Khoa học và Công nghệ 2013".  Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu phương án xây dựng Luật Khoa học và công nghệ (sửa đổi) đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật, làm rõ phạm vi điều chỉnh và mối liên hệ của Luật này với Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Giáo dục đại học, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các luật liên quan khác. | Tiếp thu, về cơ bản Luật KH&CN sẽ quy định phù hợp với hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, một số nội dung sẽ có những cơ chế đặc thù để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST (ví dụ: cử viên chức tham gia điều hành doanh nghiệp do viện nghiên cứu, trường đại học thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu) |
| Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ giải trình việc tiếp thu các ý kiến kết luận của Thường trực Chính phủ tại văn bản số 48/TB-VPCP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thường trực Chính phủ về các Dự án: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ; Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi); Luật Công chứng (sửa đổi) và các Đề nghị xây dựng: Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (sửa đổi); Luật thi hành án dân sự (sửa đổi); Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi); Luật khoa học công nghệ (sửa đổi), Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi), đặc biệt là nội dung "Đề nghị xây dựng Luật phải thể hiện rõ nguyên tắc, chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước giữa cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phòng, chống các hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này". | Tiếp thu |
| - Để làm rõ hơn sự cần thiết ban hành Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi), tại mục I của 1 dự thảo Tờ trình, đề nghị cụ thể hóa những bất cập về chủ trương chính sách, việc tổ chức thực hiện trong thực tế và bối cảnh mới hiện nay tác động đến các hoạt động khoa học và công nghệ gắn với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển của AI, bigdata và các ngành công nghiệp mới. | Tiếp thu. Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các bất cập trong quy định của Luật KH&CN 2013 và tình hình thực tiễn để ban hành Luật KH&CN (sửa đổi). |
| - Tại mục II.1 (Mục đích xây dựng Luật), xem xét bổ sung làm rõ ý việc xây dựng Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) nhằm khắc phục những hạn chế tồn tại và giải quyết những vấn đề mới tác động tới các hoạt động KH&CN hiện nay và trong thời gian tới; đồng thời đề xuất các cơ chế đột phá nhằm thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của KH&CN.  Dự thảo Tờ trình đề cập một số kết quả đạt được trong phát triển khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 chưa điều chỉnh tới lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo và đổi mới sáng tạo. Do đó đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát lại các kết quả đạt được liên quan trực tiếp tới phạm vi điều chỉnh và tác động của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. Bên cạnh đó, việc đánh giá hạn chế của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 cần đề cập thực tế hiện nay Luật này chưa có các quy định pháp lý điều điều chỉnh về lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo và đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp nói chung, làm hạn chế các hoạt động phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp. | Tiếp thu |
| - Đối với Chính sách 1 (mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Khoa học và công nghệ):  + Phạm vi của Luật Khoa học và Công nghệ bao hàm khoa học và công nghệ sẽ có sự chồng lấn phần "công nghệ" với Luật Công nghệ cao và Luật Công nghệ thông tin. Do vậy, đề nghị rà soát và cân nhắc gộp các nội dung liên quan đến “công nghệ" tại hai Luật nêu trên và đưa vào Luật Khoa học và Công nghệ. | Nghiên cứu tiếp thu và rà soát trong quá trình xây dựng Luật để bảm đảm Luật KH&CN là luật gốc, quy định các nguyên tắc hoạt động KH,CN&ĐMST làm cơ sở triển khai trong các Luật liên quan. |
| + Đề xuất xây dựng Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) bổ sung đối tượng điều chỉnh “Đổi mới sáng tạo" và bổ sung các thuật ngữ mới như: Hệ thống đối mới sáng tạo (ĐMST), hệ thống ĐMST quốc gia; hệ thống ĐMST vùng; hệ thống ĐMST doanh nghiệp; hoạt động ĐMST, dự án ĐMST, hoạt động ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết cơ chế quản lý, ưu đãi, hỗ trợ tương ứng với nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hiện nay có nhiều định nghĩa khác nhau về đổi mới sáng tạo. Theo các định nghĩa này, kỹ thuật và công nghệ chỉ là một trong các giải pháp của đổi mới sáng tạo, ngoài ra còn có các giải pháp quản lý. Nhiều hoạt động đổi mới sáng tạo không xuất phát từ hoạt động nghiên cứu và phát triển, mà do kết quả của hoạt động thực tiễn trong sản xuất và đời sống tạo ra những tri thức và ý tưởng mới. Như vậy, đổi mới sáng tạo có phạm vì rất rộng, liên quan tới nhiều ngành và lĩnh vực.  Dự thảo Tờ trình chưa giải trình rõ sự cần thiết mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với hoạt động đổi mới sáng tạo, cũng như chưa đề xuất nội hàm của đổi mới sáng tạo để có cơ sở quy định các nội dung có liên quan.  Do vậy, đề nghị bổ sung giải trình cụ thể về sự cần thiết, mối quan hệ giữa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, làm rõ nội hàm, dự kiến các quy định về đổi mới sáng tạo, bổ sung đầy đủ những vấn đề liên quan đến ĐMST, các hoạt động, hình thức, chính sách ưu đãi, ưu tiên cho phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế và rà soát quy định có liên quan. | Tiếp thu, hoàn thiện các khái niệm, thuật ngữ về chủ thể, hoạt động ĐMST, KNST để tạo hành lang pháp lý chung cho hoạt động này được triển khai trong thực tiễn, trong đó có cập nhật các thành tố mới của hệ thống ĐMST quốc gia, vùng, doanh nghiệp. |
| - Đối với Chính sách 3 (Thúc đẩy chất lượng và hiệu quả hoạt động của tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST) Đề nghị làm rõ thực trạng, bất cập của chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN trong thời gian qua để từ đó có chính sách phù hợp. Đề nghị bổ sung quy định về thành lập tổ chức thúc đẩy ĐMST. | Tiếp thu. |
| - Đối với Chính sách 5 (Tạo điều kiện thuận lợi về đầu tư, tài chính cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo):  + Dự thảo Tờ trình đề xuất các giải pháp về đầu tư, tài chính phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như bổ sung quy định phê duyệt tổng kinh phí dị dự kiến, bổ sung quy định về thuế, mua sắm công, sửa đổi, bổ sung quy định về đấu thầu, quản lý sử dụng tài sản công phù hợp với đặc thù, bổ sung quy định về đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN. Tuy nhiên, Đề xuất xây dựng Luật chưa dự kiến quy định cụ thể về các nội dung nêu trên. Do vậy, đề nghị nghiên cứu, làm rõ quy định này, đồng thời rà soát, đánh giá cụ thể tác động để tránh trùng lập và trái với các quy định liên quan của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu và các quy định liên quan.  Trường hợp đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định đặc thù khác với luật hiện hành thì đề nghị có giải trình cụ thể về sự cần thiết, đánh giá tác động và tính khả thi khi triển khai thực hiện. | Tiếp thu. |
| + Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, thất bại trong nghiên cứu khoa học, quy định tổ chức chủ trì và cả nhân chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải hoàn trả ngân sách nhà nước kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cả nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng (trang 18 của Tờ trình). Đề nghị làm rõ nội hàm của các cơ chế đặc thù này để có cơ sở nghiên cứu, xem xét, đồng thời nêu rõ trách nhiệm của các bên liên quan. Việc không phải hoàn trả ngân sách nhà nước nêu trên cần phải được xác định cụ thể tiêu chí tránh trường hợp lợi dụng làm thất thoát ngân sách nhà nước. | Tiếp thu và sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện trong quá trình xây dựng Luật. |
| + Về việc bổ sung quy định về mua sắm công: Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu đã được Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 02 năm 2024. Do đó, trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu các quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023 và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP để tránh mâu thuẫn, chồng chéo. Ngoài ra, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu năm 2023, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mùa sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về KH&CN. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, quy định nội dung về hàng hóa, dịch vụ đòi hỏi kỹ thuật cao trong dự thảo Luật. | Tiếp thu, bỏ quy định này trong hồ sơ Luật |
| + Về quỹ phát triển khoa học và công nghệ bộ ngành và địa phương: Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất 02 phương án lựa chọn. Tuy nhiên, tại dự thảo Tờ trình và dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chưa đánh giá tác động của từng giải pháp, chưa đánh giá cụ thể tác động tích cực, tiêu cực của từng phương án, giải pháp; chi phí, lợi ích của các giải pháp; chưa so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; chưa làm rõ phương án lựa chọn giải pháp của Bộ Khoa học và Công nghệ và lý do của việc lựa chọn. Do vậy, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ bổ sung nội dung trên để đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện và phù hợp với các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu, bổ sung thông tin và giải pháp theo hướng giao cho các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở điều kiện để thành lập hoặc không thành lập quỹ. Đồng thời, bố sung quy định giao Chính phủ quy định về việc giải thể quỹ phát triển KH&CN của bộ, ngành, tỉnh, thành phố. |
| + Về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp: Trong thực tế triển khai, việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), đặc biệt là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty quy mô lớn còn có một số bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp (trích Quỹ lớn nhưng không sử dụng được). Do đó, đề nghị bổ sung phân tích về hoạt động Quỹ này trong thời gian qua (cơ chế trích lập và sử dụng Quỹ của DNNN, nguyên nhân của việc không sử dụng được Quỹ). Đồng thời, cần nghiên cứu, đưa ra các định hướng về việc sử dụng Quỹ tại một số tập đoàn, ngân hàng, doanh nghiệp có vốn nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân lớn có khả năng đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo hướng cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ Quỹ cho một số hoạt động khoa học công nghệ nhất định của doanh nghiệp, sử dụng quỹ này để đầu tư cho hoạt động ĐMST, đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (KNST) hoặc các quỹ đầu tư cho KNST | Đối với Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, ngày 51/5/2022, Bộ trường Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.  Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.  Trong các ý kiến góp ý của doanh nghiệp cho hồ sơ Luật, không có nhiều nội dung liên quan đến vướng mắc trong sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Thay vào đó, các doanh nghiệp đề xuất được tự chủ trong chi tiêu theo Quy chế của doanh nghiệp (Viettel).  Tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ bổ sung một số nội dung chi của Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, trong đó có hoạt động ĐMST, KNST. |
| + Về quy định sử dụng kinh phí theo quy định của nhà tài trợ: Đề nghị rà soát các quy định của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam. Nếu có những vấn đề bất cập liên quan về KHCN&ĐMST tại Nghị định số 114/2021/NĐ-CP và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp và kiến nghị sửa đổi nội dung tương ứng tại các Nghị định nêu trên, tránh việc quy định chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu và bỏ quy định này. |
| - Về hoàn thiện quy định về khoán chi: Thực tế khi triển khai cơ chế khoán chỉ, các nhiệm vụ KH&CN chủ yếu thực hiện theo phương thức khoản chỉ từng phần, cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng rất ít được triển khai. Mặc dù Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT/BKHCN- BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoản chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã đơn giản thủ tục kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước, nhưng trách nhiệm kiểm soát chi lại giao cho các đơn vị quản lý kinh phí thuộc các Bộ, ngành và các tổ chức chủ trì; nhà khoa học vẫn phải hoàn thiện các chứng từ thực thanh, thực chỉ hợp pháp cho các nội dung thanh toán; vẫn phải thực hiện các thủ tục liên quan đến đầu thầu mua sắm; vẫn phải chịu trách nhiệm trước nhà nước về việc sử dụng ngân sách. Do vậy, xem xét xây dựng các quy định nhằm giải quyết những khó khăn vướng mắc nêu trên. | Tiếp thu và sửa đổi như sau: Sửa đổi quy định chỉ cho phép áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng với nhiệm vụ có tính rủi ro không cao. |
| - Đối với Chính sách 12 (Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo): Hiện nay, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đã có quy định về DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; các quy định về đầu tư cho cơ sở ươm tạo, kỹ thuật, khu làm việc chung... Do đó, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát đảm bảo phân định rõ khái niệm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại dự thảo Luật này và khái niệm khởi nghiệp sáng tạo tại Luật Hỗ trợ DNNVV và chỉ quy định những nội dung mới chưa có tại các văn bản Luật hiện hành. Tại phần giải pháp, đề nghị nghiên cứu bổ sung các khái niệm về hệ sinh thải khởi nghiệp sáng tạo, mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo. | Tiếp thu. |
|  | **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** | | Tại mục I (Sự cần thiết ban hành), đề nghị cân nhắc nghiên cứu, bổ sung thêm thông tin tình hình bối cảnh quốc tế ảnh hưởng đến sự phát triển khoa học và công nghệ trong nước để cùng cố thêm sự cần thiết phải sửa đổi Luật Khoa học và Công nghệ | Tiếp thu. |
|  | **Viện Hàn lâm Khoa học**  **Xã hội Việt Nam** | | - Tại trang 2 mục 1 (Sự cần thiết), Tờ trình có thể đánh giá toàn diện hơn về những đóng góp của KH&CN vào phát triển kinh tế, xã hội và môi trường đất nước khi bổ sung thêm các thông tin về đóng góp đổi với giáo dục, đào tạo, qua đó phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trình độ cao, xây dựng uy tín (xếp hạng) của các trường Đại học, Viện nghiên cứu của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. | Tiếp thu. |
| - Tại trang 3 mục 1 (Sự cần thiết), Tờ trình có nhận định "Luật được ban hành từ năm 2013 nên không thể tránh khỏi việc chưa cập nhật được những vấn đề mới khi KH&CN trong nước và thế giới phát triển quá nhanh, nhất là trong khoảng 5 năm gần đây". Tờ trình nên chỉ rõ những vấn đề mới cần cập nhật nhằm cung cấp thông tin có tính định hướng cho việc đề xuất các nội dung chính sách mới của Luật KH&CN. Từ kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới, Luật KH&CN thường cần cập nhật gồm những vẫn đề mới như: quản lý dữ liệu và bảo vệ quyền riêng tư, đặc biệt là khi liên quan đến dữ liệu nhân khẩu học và y tế; các chính sách và cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo, bao gồm cả việc hỗ trợ tài chính và pháp lý cho các doanh nghiệp khởi nghiệp và các nhà nghiên cứu đổi mới; phản ánh các quy định và tiêu chuẩn mới về bảo vệ môi trường và an ninh thông tin trong quá trình phát triển và ứng dụng công nghệ... | Tiếp thu, nghiên cứu để hoàn thiện |
| (3) Nên rà soát, sắp xếp lại các nội dung đang được trình bày tại mục III tiểu mục 2 (Đối tượng áp dụng) đảm bảo tính khoa học. Hiện nay, các nội dung ở mục này không chỉ đề cập đến đối tượng áp dụng mà còn đề cập đến các định hướng, mục đích điều chỉnh của Luật KH&CN (sửa đổi) lần này. | Tiếp thu |
| (4) Mục V (Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc ban hành văn bản sau khi được thông qua và vấn đề cần xin ý kiến Chính phủ) nên bổ sung nội dung về yêu cầu rà soát các văn bản pháp luật liên quan khi ban hành Luật KH&CN (sửa đổi) nhằm đảm bảo tính thống nhất, tính khả thi. | Tiếp thu |
| (5) Về các chính sách, các góp ý cụ thể được thể hiện trong góp ý đối với Dự thảo đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi) (Xem Phụ lục 2).  Tuy nhiên, Ban Soạn thảo có thể cân nhắc thêm về một số khía cạnh sau: Số lượng nội dung chính sách hiện nay được nêu trong Tờ trình gồm 15 nội dung chính sách cần xem xét sửa đổi, bổ sung. Nên gộp các nội dung chính sách thành các chính sách lớn, có tính khái quát. Không nên để quá nhiều nội dung chính sách nhỏ.  Ban Soạn thảo cân nhắc nghiên cứu, đánh giá nhu cầu có cơ chế về đầu tư rủi ro cho khoa học, công nghệ; quan tâm đầu tư đúng tầm cho nghiên cứu cơ bản và xây dựng đồng bộ hệ thống quy định pháp luật về giới thiệu, đào tạo, thu hút, trọng dụng, đánh giá, sử dụng nhân tài KH&CN để bổ sung hệ thống chính sách của Luật KH&CN. | Tiếp thu |
|  | **Ủy ban Dân tộc** | | Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý, bổ sung làm rõ các nội dung về sự cần thiết ban hành luật; mục đích, quan điểm xây dựng luật; đối tượng, phạm vi điều chỉnh; mục tiêu, nội dung của chính sách trong dự thảo luật, các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do của việc lựa chọn; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành luật | Tiếp thu |
| Đề nghị bổ sung các nội dung quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, pháp điển thành nội dung trong Luật để tổ chức thực hiện lâu dài: “Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc”. | Nghiên cứu tiếp thu cho phù hợp với tổng thể chung. |
| Về bố cục Tờ trình: đề nghị bố cục theo đúng quy định tại Mẫu số 03, Phụ lục số V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Tiếp thu |
|  | **Bộ Thông tin và Truyền thông** | | Bất cập 1: Hiện nay quy trình từ đề xuất chủ trương đến khi phê duyệt nhiệm vụ còn mất khá nhiều thời gian, đặc biệt đối với các vấn đề nghiên cứu về công nghệ số (thay đổi nhanh chóng) làm mất tính thời sự của vấn đề đề xuất.  Đề xuất giải pháp: Bổ sung các quy định để giảm thời gian xét duyệt các đề xuất KH&CN đặc thù (thay đổi nhanh chóng), có các quy trình rút gọn và quy định thời gian xét duyệt nhiệm vụ. | Tiếp thu |
| Bất cập 2: Chế độ đãi ngộ cho các nhà khoa học hiện nay chưa có chính sách thỏa đáng để đãi ngộ và trọng dụng cán bộ khoa học, chưa thu hút được giới trẻ vào ngành khoa học, đồng nghĩa với việc các cơ quan nghiên cứu ít tuyển dụng được người tài. Nếu không có giải pháp, các cơ sở KH&CN sẽ thiếu hụt trầm trọng đội ngũ cán bộ khoa học trẻ có trình độ, đồng thời xảy ra tình trạng “chảy máu chất xám” từ khu vực nhà nước ra doanh nghiệp, ra nước ngoài.  Đề xuất giải pháp: Cần có chính sách, cơ chế đặc thù về thu hút, tuyển dụng, trả lương và các chế độ đãi ngộ cho các nhà khoa học xuất sắc vào làm việc trong các tổ chức KHCN. | Tiếp thu, bổ sung các cơ chế, chính sách để thu hút nhà khoa học trẻ tài năng. |
| Bất cập 3: Cơ chế tài chính cho hoạt động xây dựng dự toán kinh phí, thanh toán, công tác lập dự toán và thanh quyết toán đề tài KHCN còn phức tạp, chưa phù hợp với chuyên môn các nhà khoa học, mất nhiều thời gian, công sức của các nhà khoa học.  Đề xuất giải pháp: Nghiên cứu xây dựng quy định, cơ chế cho phép khi đề tài KHCN được hội đồng nghiệm thu thông qua thì mặc định kinh phí được thanh toán cho chủ trì và các thành viên tham gia thực hiện đề tài mà không yêu cầu nhiều thủ tục tài chính phức tạp; Việc phân bổ các hạng mục chi tiết nên được phân cấp, phân quyền đến các đơn vị chịu trách nhiệm triển khai; Có thể phân loại nghiên cứu và ra các quy định khung về ngày công tối đa, số chuyên gia tối đa để thực hiện nghiên cứu với các nhóm sản phẩm nghiên cứu (tham khảo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT); Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, sản phẩm phải được một cơ quan, đơn vị, tổ chức uy tín trong nước đăng tải (chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng như sản phẩm nghiên cứu của Quỹ Nafosted). | Tiếp thu, nghiên cứu đơn giản hóa quy trình triển khai nhiệm vụ KH&CN và đề xuất sửa đổi các nội dung liên quan trong Luật NSNN. |
| Bất cập 4: Hợp tác hỗ trợ của doanh nghiệp với các trường đại học dành cho hoạt động KH&CN chưa trở thành xu thế phổ biến. Đề xuất giải pháp: Xem xét bổ sung yêu cầu các doanh nghiệp sử dụng quỹ KHCN của doanh nghiệp ưu tiên cho các hợp tác và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu tại các trường đại học để giải quyết trực tiếp các bài toán, nhu cầu của doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho xã hội | Tiếp thu, bổ sung quy định nhà nước khuyến khích liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp |
| Bất cập 5: Hiện nay cơ chế thu hút các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, kinh doanh viễn thông để phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây theo hướng bền vững, hiện đại; hình thành hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân chưa được hấp dẫn.  Đề xuất giải pháp: để hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động nghiên cứu KH&CN trong lĩnh vực viễn thông, đề nghị xem xét quy định cơ chế ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp có đầu tư, nghiên cứu và phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng phổ cập, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây. | Nhất trí với ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông. Tuy nhiên, nội dung này không quy định chi tiết trong Luật KH&CN mà quy định theo hướng hoàn thiện chính sách để thúc đẩy tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư cho KH,CN&ĐMST. |
|  | **Bộ Tài nguyên và Môi trường** | | - Bổ sung và đánh giá các thành tựu theo các chỉ tiêu thống kê của Bộ KH&CN, bao gồm cả đào tạo, hỗ trợ đào tạo sau đại học. | Tiếp thu, bổ sung số liệu từ Sách KH&CN Việt Nam |
| Yêu cầu thực tiễn cần thiết xây dựng Luật KH&CN: đề nghị bổ sung vào mục “Thứ tư, trên thực tế, đã xuất hiện nhiều khoảng trống pháp luật, nổi bật là”:  + Vấn đề đánh giá và kiểm nghiệm sản phẩm KH&CN. Các quy định hiện nay chưa có/hoặc chưa quy định cụ thể về sử dụng kinh phí cho thuê chuyên gia, đơn vị đánh giá độc lập đối với các sản phẩm là kết quả thử nghiệm”;  + Góp vốn của doanh nghiệp và vai trò của doanh nghiệp trong góp vốn trong nghiên cứu KH&CN;  + Các quy định bảo vệ các nhà khoa học trong việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN khi có rủi ro ngoài ý muốn;  + Cơ sở nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu mạnh và các tiêu chí để lựa chọn. | - Đã có quy định về Hội đồng, chuyên gia đánh giá độc lập, đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN.  - Thực hiện theo Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ giữa các bên.  - Tiếp thu, bổ sung quy định.  - Nghiên cứu, tiếp thu. |
| Quan điểm xây dựng Luật: bổ sung đối tượng là “trọng dụng, thu hút và bảo vệ nhân lực tham gia KH&CN trong và ngoài nước”, doanh nghiệp. | Tiếp thu |
| Mục tiêu, nội dung của các chính sách:  + Chính sách 1: bổ sung các giải pháp thực hiện;  + Chính sách 2: bổ sung và làm rõ cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước;  + Chính sách 3: bổ sung nội dung tổ chức nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu mạnh, quy định về đơn vị;  + Chính sách 4: bổ sung giải pháp thu hút nhân lực từ nước ngoài vào Việt Nam. | Tiếp thu |
|  | **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch** | | Đề nghị xây dựng dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020:  - Phần II: đề nghị bỏ nội dung “quá trình xây dựng văn bản”, chỉ quy định mục đích, quan điểm xây dựng văn bản. | Tiếp thu |
| - Phần IV: mỗi chính sách phải thể hiện được 3 nội dung mục tiêu của chính sách, nội dung của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn và lý do lựa chọn. Các chính sách của dự thảo Tờ trình chỉ thể hiện 2 nội dung (mục tiêu giải quyết vấn đề và giải pháp) chưa đáp ứng được yêu cầu của một Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản | Tiếp thu, rà soát. |
| V. Đối với dự thảo Đề cương Luật KH&CN (sửa đổi) | | | | |
| **V.1 Góp ý chung** | | | | |
|  | **Nghệ An** | | - Cần làm rõ thêm khái niệm: các loại hình tài sản hình thành sau khi kết thúc nhiệm vụ đưa vào đánh giá bàn giao hoặc thu hồi. | Nội dung này được quy định và quản lý tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công |
| - Cần có quy định về chính sách khuyến khích hỗ trợ sau đầu tư nghiên cứu ứng dụng KH&CN, đặc biệt là các nhiệm vụ do doanh nghiệp chủ trì. | Nghiên cứu tiếp thu |
| - Các quy định về tổ chức KH&CN công lập chưa thể hiện khả năng tự chủ của tổ chức, hiệu quả hoạt động còn chưa tương xứng. | Tiếp thu hoàn thiện |
| - Quy định về các chức danh về KH&CN cũng như các định mức ngày công trong các loại hình nhiệm vụ KH&CN chưa đầy đủ và phù hợp với thực tiễn, khiến việc triển khai tại các địa phương gặp nhiều khó khăn. | Tiếp thu để hoàn thiện tại văn bản hướng dẫn Luật |
| - Quy định về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN chưa đầy đủ, cần bổ sung sửa đổi phù hợp hơn. | Tiếp thu |
| - Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp khó triển khai do chưa phù hợp với thực tiễn và chưa thống nhất với quy định của pháp luật liên quan; cần sửa đổi, bổ sung để thuận lợi trong triển khai và hấp dẫn hơn đối với doanh nghiệp. | Tiếp thu |
| Bố cục của dự thảo Luật có 17 Chương, đang không có Chương II, có 02 Chương III, không có Chương IV, đề nghị:  + Sửa: “Chương III. TỔ CHỨC KH&CN VÀ TỔ CHỨC THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO” thành: “Chương II. TỔ CHỨC KH&CN VÀ TỔ CHỨC THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO”;  + Từ Chương V đến Chương XVII: sửa số thứ tự các Chương (Chương V thành Chương IV, Chương VI thành Chương V…). Sau khi sửa, bố cục của dự thảo Luật còn 16 Chương. | Tiếp thu |
|  | **Hưng Yên** | | - Cần làm rõ đây là định hướng sửa đổi Luật KH&CN là dự thảo Luật KH&CN (sửa đổi). | Theo quy định, ở giai đoạn lập Đề nghị xây dựng Luật thì có dự thảo Đề cương Luật |
| - Cần làm rõ thêm khái niệm: các loại hình tài sản hình thành sau khi khi kết thúc nhiệm vụ đưa vào đánh giá bàn giao hoặc thu hồi. | Nội dung này được quy định và quản lý tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công |
|  | **Cần Thơ** | | - Điều chỉnh lỗi đánh số chương (không có Chương II, có 2 Chương III, không có Chương IV) | Tiếp thu |
| - Điều chỉnh thống nhất sử dụng từ ngữ, thay từ “xét chọn” thành “xét giao” | Tiếp thu |
|  | **Tiền Giang** | | Đề nghị xem lại cách trình bày thể thức văn bản phần “Chương” và “Mục”. | Tiếp thu |
|  | **Hà Nội** | | - Xem xét bổ sung trong Luật quy định cụ thể về các loại hình tổ chức KH&CN công lập chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm ở các cấp độ tự chủ khác nhau và thu nhập, tiền lương của nguồn nhân lực KH&CN ở các loại hình tổ chức KH&CN công lập có mức độ tự chủ khác nhau. | Tiếp thu, xây dựng nguyên tắc trong Luật và quy định cụ thể trong văn bản hướng dẫn Luật. Tuy nhiên, tiền lương không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật KH&CN. |
| - Bổ sung các quy định về cơ chế khoán chi, quản lý tài sản hình thành của các nhiệm vụ KH&CN, nới rộng điều kiện của cơ chế khoán đến sản phẩm cuối cùng; tăng tự chủ và trách nhiệm của đơn vị chủ trì để gỡ khó cho hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ; quy định về đánh giá, định giá tài sản là kết quả của nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN. | Tiếp thu, bổ sung quy định về cơ chế khoán chi. Đối với quy định về tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN, Bộ sẽ nghiên cứu để đề xuất bổ sung trong Luật Quản lý và sử dụng tài sản công. |
| - Bổ sung quy định về giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ KH&CN, làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân ứng dụng sau khi kết thúc nhiệm vụ để phù hợp với quy định dự kiến tại Điều 74 về báo cáo việc ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN. | - Nội dung này đã được quy định tại Điều 85 Dự thảo Đề cương.  - Nghiên cứu sửa đổi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công liên quan đến các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được nộp đơn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ trong thời gian chờ xem xét để cấp văn bằng bảo hộ/hoặc bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ thì được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. |
|  | **Thái Bình** | | Đề nghị Ban soạn thảo xem xét quy định rõ về tiêu chuẩn, điều kiện, trình độ của nhân lực KH,CN&ĐMST (điều này liên quan khi thực hiện thống kê về nhân lực KH&CN). | Hiện nay Luật đang mở rộng nhân lực KH&CN ra nhiều đối tưởng bao gồm cả các đối tượng là nhà sáng chế không chuyên nên tiêu chuẩn chỉ phù hợp với khu vực công lập. |
|  | **Phú Yên** | | Liên quan đến hoạt động ĐMST: năm 2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) trên phạm vi toàn quốc, tuy nhiên tại đề cương chi tiết dự thảo Luật KH&CN sửa đổi chưa đề cập nội dung này. | Tiếp thu |
|  | **Bình Dương** | | Về đề cương dự thảo Luật, đề nghị trình bày theo Mẫu số 08 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP | Tiếp thu |
|  | **Đắk Lắk** | | Đối với tài sản hình thành từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN, cần bổ sung dự thảo Luật KH&CN tiếp tục giao cho đơn vị chủ trì quản lý và hoàn thiện, khuyến khích bàn giao kết quả cho nhiều đơn vị sử dụng để tăng tính hiệu quả. | Tiếp thu, nghiên cứu đề xuất sửa đổi trong Luật quản lý, sử dụng tài sản công |
|  | **Ủy ban Dân tộc** | | Đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu pháp điển quy định về “Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc" trong Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 vào dự thảo. | Tiếp thu đối với nội dung nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật KH&CN. |
| Đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu bổ sung quy định về cơ chế, chính sách đặc thù nhằm khuyến khích, ưu tiên các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, chuyển giao KH&CN đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số để phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng. | Nghiên cứu tiếp thu |
| Về Quỹ KH&CN: đề nghị chỉnh lý, bổ sung các quy định trong Luật liên quan đến thành lập Quỹ phát triển KH&CN, trong đó quy định rõ: Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ... không có nguồn thu tài chính từ hoạt động KH&CN thì có chính sách cấp bù từ NSNN để triển khai các hoạt động KH&CN theo quy định | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | **Bộ Công an** | | Một số điều của dự thảo đề cương chưa có nội dung hoặc nội dung còn sơ sài, như tại các điều: 16, 22, 23, 25, 28, 33, 34, 40, 84. Đề nghị rà soát, bổ sung cho đầy đủ | Tiếp thu |
| Đề nghị bổ sung quy định nhằm đồng bộ về cơ chế tài chính đối với trường hợp cá nhân độc lập hoạt động KH&CN, tự nghiên cứu, tự ký hợp đồng KH&CN với đơn vị quản lý, tránh mâu thuẫn với quy định về kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thông qua quỹ KH&CN hoặc tài khoản dự toán của các tổ chức. Ngoài ra, cũng cần cá thể hóa trách nhiệm của cá nhân độc lập, chủ trì nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp không phối hợp với các tổ chức có tư cách pháp nhân chủ trì nhiệm vụ. | Rà soát để đồng bộ. Đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN cần thực hiện thông qua tổ chức để đánh giá năng lực của tổ chức chủ trì. Đối với nhiệm vụ không sử dụng NSNN, các bên liên quan có quyền ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng dân sự và chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự. |
|  | **Bộ KH&ĐT** | | 2.3. Một số nội dung xem xét bổ sung tại dự thảo Luật:  + Bổ sung quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đổi với các kết quả nghiên cứu mới, đột phá...  + Bổ sung định hướng xây dựng hệ thống thông tin khoa học công nghệ quốc gia theo nguyên tắc mở, tăng cường tiếp cận thông tin theo cách phù hợp cho từng đối tượng để tối đa hóa lợi ích của tri thức khoa học công nghệ (chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp, người dân các ngành nghề, học sinh/sinh viên...).  Tiếp tục rà soát và hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính trong hoạt động khoa học công nghệ theo hướng giảm thiểu tối đa gánh nặng về chi phí và thời gian tuân thủ, tạo điều kiện tập trung tối đa nguồn lực cho công tác nghiên cứu; chế độ đãi ngộ và khuyến khích đối với lực lượng nghiên cứu khoa học công nghệ trong các cơ sở công lập, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ nghiên cứu chính sách. |  |
|  | **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** | | Đề nghị kết cấu lại các chương trong Đề cương theo từng nhóm vấn đề, không nên kết cấu theo từng chính sách dẫn đến việc có quá nhiều chương, có chương có rất nhiều Điều (ví dụ Chương I, II, III...) nhưng có chương lại chỉ có 2- 3 Điều (ví dụ Chương VI, VII, IX, XV). | Tiếp thu |
|  | **Lạng Sơn** | | sử dụng thống nhất "Nhân lực trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST", "Cá nhân hoạt động KH,CN&ĐMST" và "Nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST" để đảm bảo tính đồng nhất, minh bạch | Tiếp thu |
|  | **EVN** | | đề nghị xem xét có thể tách hoạt động ĐMST và lĩnh vực KH&CN do có thể xem đây là 02 giai đoạn khác nhau (nghiên cứu và áp dụng) nên cần có cơ chế, chính sách riêng biệt, vì vậy không nên gộp vào chung tại các điều | Hoạt động KH,CN&ĐMST là một chuỗi hoạt động có sự liên quan, gắn kết với nhau và sự tách bạch không rõ nét nên khó quy định một cách rõ ràng các giai đoạn. |
| Đề xuất xem xét bổ sung lĩnh vực hoạt động sáng kiến vào luật KH&CN: hiện nay hoạt động sáng kiến chỉ tuân theo nghị định 13/2012NĐ-CP và không có luật tương ứng | Tiếp thu |
| Bổ sung điều về cơ chế rủi ro trong hoạt động ĐMST: tương tự Điều 11 của Đề cương về cơ chế rủi ro trong nghiên cứu và phát triển công nghệ. | Do tính chất linh hoạt của hoạt động ĐMST nên rất khó xác định mức độ rủi ro. Thông lệ quốc tế chỉ chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu, phát triển. |
| Bổ sung nội dung về chi Quỹ phát triển KH&CN các cấp, hiện nay trong đề cương mới chỉ có nội dung về trích Quỹ phát triển KH&CN. | Tiếp thu |
|  | **Bộ Thông tin và Truyền thông** | | Đề nghị bổ sung một số khái niệm liên quan đến khởi nghiệp sáng tạo như “Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”, “Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo” và “Cổng thông tin khởi nghiệp sáng tạo quốc gia” cho phù hợp với nội dung Tờ trình. | Tiếp thu |
| Đề xuất sửa thuật ngữ “Các trường đại học, viện nghiên cứu... tự ban hành quy định về liêm chính trong hoạt động KH,CN&ĐMST” thành “Các trường đại học, viện nghiên cứu... tự ban hành quy định về liêm chính trong hoạt động KH,CN&ĐMST theo hướng dẫn của Bộ KH&CN”; | Bảo lưu, Luật KH&CN quy định nguyên tắc và trách nhiệm. Việc triển khai, giám sát cụ thể thuộc về các viện nghiên cứu, trường đại học. |
| Đề xuất sửa thuật ngữ “Tổ chức KH&CN công lập là tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập...” thành “Tổ chức KH&CN công lập là đơn vị sự nghiệp công lập...” cho phù hợp với quy định hiện hành về đơn vị sự nghiệp công lập; | Tiếp thu |
| **V.2. Góp ý cụ thể chương, điều** | | | | |
| **TT** | **Điều, khoản** | **Chủ thể góp ý** | **Nội dung góp ý** | **Nội dung tiếp thu,**  **giải trình** |
|  | Chương I | **Tập đoàn Dầu khí** | Cần xem xét bổ sung quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật đối với KH&CN trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. | Bảo lưu vì nội dung quốc phòng, an ninh cũng nằm trong phạm vi điều chỉnh của Luật |
| Cần nghiên cứu, rà soát để có quy định phù hợp về khái niệm “tổ chức có hoạt động KH&CN” nhằm phân biệt với “tổ chức KH&CN” để tránh tình trạng lợi dụng để hoạt động sai mục đích. | Tiếp thu |
| Bổ sung quy định về cơ chế thử nghiệm (sand-box) trong KHCN & ĐMST. | Tiếp thu |
|  | Điều 3. Giải thích từ ngữ | **Cần Thơ** | Bổ sung cụm từ “nghiên cứu KH&CN”, do tại điểm c khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 quy định “Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu KH&CN”. | Nghiên cứu tiếp thu |
| **Hưng Yên** | Tại gạch đầu dòng thứ 3 của Điều 3, đề nghị bổ sung thêm, nội dung:  “+ Kết quả nghiên cứu ứng dụng là các quy trình kỹ thuật (trồng, canh tác, phòng trừ sâu bệnh; chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh, …) trong sản xuất nông nghiệp (không nghiên cứu ra giống cây trồng vật, nuôi mới); các giải giải pháp phục vụ công tác quản lý nhà nước.” | Nghiên cứu tiếp thu |
| **Hà Nội** | Dự thảo Luật có bổ sung giải thích một số khái niệm mới. Tuy nhiên, chưa thực sự đầy đủ. Cần bổ sung và giải thích rõ một số khái niệm sau: Cơ quan chủ quản của tổ chức KH&CN (đề cập tại Điều 19); nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; Dự án ĐMST (đề cập tại Điều 36, 39, 77, 78); Khởi nghiệp sáng tạo công nghệ (đề cập tại Điều 96); Khoa học mở (đề cập tại Điều 117); Đổi mới sáng tạo mở; Tổ chức thúc đẩy ĐMST (đề cập tại Điều 23, 24, 25); Doanh nghiệp KNST; Doanh nghiệp trực thuộc tổ chức KH&CN; doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn (đề cập tại Điều 56); Cố vấn/Tư vấn về KHCN&ĐMST. | Tiếp thu, bổ sung một số thuật ngữ được quy định chi tiết trong Luật |
| Xem lại giải thích kết quả nghiên cứu ứng dụng là “các mô hình, bằng sáng chế” cho với phù hợp với từng lĩnh vực nghiên cứu. | Tiếp thu |
| **Lạng Sơn** | - Hiện nay, khái niệm nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. Đề nghị xem xét bổ sung khái niệm này để thống nhất cách hiểu và áp dụng trong thực tế. | Tiếp thu |
| - Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét đưa quy định về khái niệm "Tổ chức thúc đẩy đổi mới sáng tạo" tại Điều 23 lên Điều 3 để bố cục văn bản thống nhất. | Tiếp thu |
| **Nghệ An** | đề nghị bổ sung các thuật ngữ: “Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”; “Chương trình KH&CN”. | Nghiên cứu tiếp thu |
| **Thái Bình** | Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung tại Điều 3. Giải thích từ ngữ về hoạt động tài trợ thực hiện đề tài KH&CN và đề nghị quy định được giao (không quy định ưu tiên giao) kết quả thực hiện nhiệm vụ để đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và tiến hành thương mại hóa. | Tiếp thu để sửa đổi trong chính sách về nhiệm vụ, quản lý tài chính |
| **Trà Vinh** | Tại khái niệm “Tổ chức KHCN công lập” xem xét bổ sung cụm từ:….. cung cấp dịch vụ công, dịch vụ sự nghiệp kinh doanh khác (mua bán, sản xuất, tư vấn,...)… Lý do: vì hiện nay thực tế các tổ chức KHCN công lập để có thể tự chủ thì phải triển khai đồng thời nhiều hoạt động để tạo nguồn thu nhằm đảm bảo tự chủ kinh phí. | Chỉ quy định các hoạt động gắn trực tiếp với hoạt động KH&CN |
| **Bộ GDĐT** | đề nghị bổ sung thuật ngữ nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhóm nghiên cứu mạnh | Tiếp thu |
| **Bộ Công Thương** | đề nghị bổ sung làm rõ các khái niệm cơ bản, cốt lõi của Luật như đã đề cập ở trên như hoạt động KH&CN, hoạt động ĐMST, tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST, hệ thống ĐMST, hệ thống ĐMST quốc gia, dự án ĐMST. | Tiếp thu |
| **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** | Đề nghị bổ sung nội hàm, khái niệm tài sản hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; nhiệm vụ KH&CN và các loại hình nhiệm vụ KH&CN. | Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng Luật. |
| **ĐHQG Hà Nội** | \* Cần quy định rõ về dự án đổi mới sáng tạo, tiêu chí phân loại một dự án ĐMST; phân biệt dự án ĐMST với nhiệm vụ KHCN… theo hướng coi dự án ĐMST là một quá trình xuyên suốt từ nghiên cứu ứng dụng đến nghiên cứu triển khai rồi đưa sản phẩm ra thị trường.  Lý do: Dự án ĐMST trong dự thảo đề cương Luật được định vị như một dự án nghiên cứu triển khai trong một chuỗi nghiên cứu truyền thống, bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu triển khai. Cách tiếp cận như vậy không phản ánh hết được bản chất của ĐMST khi mà yếu tố cốt lõi của ĐMST là ý tưởng đột phá và sản phẩm mới lại nằm ở giai đoạn nghiên cứu ứng dụng và một phần ở nghiên cứu cơ bản. Yếu tố thị trường cũng chưa được nhấn mạnh trong định nghĩa dự án ĐMST hiện nay | Tiếp thu |
| \* Cân nhắc việc sử dụng một số thuật ngữ/cụm từ sau:  - Cụm từ “nghiên cứu và phát triển”: nên sửa thành “ nghiên cứu và triển khai”.  Lý do: Để có sự phù hợp với các nghiên cứu trong nước và nước ngoài được công bố; có sự thống nhất về cách hiểu với pháp luật về KH&CN của một số quốc gia.  - Các thuật ngữ “đề tài khoa học”, “dự án khoa học”, “nhiệm vụ khoa học”, “nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo”.  Lý do: Các thuật ngữ này đang dùng chồng chéo nhau, dẫn đến khó hiểu khi đọc Luật.  - Thuật ngữ “nhiệm vụ”.  Lý do: Nhằm tránh hành chính hóa một hành động có tính sáng tạo, tìm tòi cái mới.  - Đối với thuật ngữ “thị trường KH&CN” và thuật ngữ “thị trường công nghệ” hiện đang có những ý kiến khác nhau trong việc sử dụng, trong đó:  + Ý kiến thứ nhất: không sử dụng thuật ngữ “thị trường KH&CN”, thống nhất sử dụng “thị trường công nghệ”.  Lý do: khoa học không phải hàng hóa nhưng công nghệ có thể là hàng hóa.  + Ý kiến thứ hai: không sử dụng thuật ngữ “thị trường công nghệ”, thống nhất sử dụng “thị trường KH&CN”.  Lý do: trong các văn kiện Đại hội Đảng đều khẳng định thị trường KH&CN là một thị trường trong hệ thống thị trường của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Do đó, ĐHQGHN đề nghị đơn vị chủ trì dự thảo có sự rà soát và cân nhắc kỹ việc sử dụng một trong hai thuật ngữ trên trong đề cương Luật | - Nghiên cứu tiếp thu  - Tiếp thu  - Tiếp thu  - Nghiên cứu tiếp thu |
| \* Đề nghị Luật hóa một số khái niệm:  - Khái niệm nhà khoa học. Lý do: Khái niệm này được sử dụng một cách phổ thông; có sự tương đồng một phần lớn với khái niệm pháp lý về cá nhân hoạt động KH&CN trong thực tiễn sử dụng.  - Các khái niệm như “Nghiên cứu và triển khai”, “Đổi mới sáng tạo”, “Hoạt động đổi mới sáng tạo”, “Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia”, “Hệ thống đổi mới sáng tạo vùng”, “Hệ thống đổi mới sáng tạo doanh nghiệp”, “Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”, “Ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”, “Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo”, “Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”, “Dự án khởi nghiệp sáng tạo”, “Thương mại hóa kết quả KHCN”. Lý do: Bảo đảm việc sử dụng các khái niệm một cách chính xác và thống nhất. | - Luật chỉ quy định tiêu chí một số đối tượng để được hưởng ưu đãi.  - Tiếp thu. |
| Đồng thời, ĐHQGHN cũng cung cấp một số khái niệm để cơ quan chủ trì dự thảo tham khảo, cân nhắc như sau:  - “Triển khai thực nghiệm”: Triển khai thực nghiệm là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu ứng dụng để chế tác sản phẩm ở dạng mẫu (Prototype), làm Pilot để tạo công nghệ và sản xuất thử ở Loạt số 0." Các thuật ngữ: Prototype, Pilot, Loạt số 0 cần được định nghĩa tại văn bản quy phạm pháp luật dưới luật.  - “Sản xuất thử nghiệm”: Sản xuất thử nghiệm là hoạt động tạo công nghệ và sản xuất thử ở Loạt số 0 nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.  - “Khởi nghiệp sáng tạo”: Khởi nghiệp sáng tạo là việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng nhằm tạo ra sản phẩm mới, công nghệ mới.  - “Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”: Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là tổ chức có tên riêng, có trụ sở giao dịch được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật để thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng nhằm tạo ra sản phẩm mới, công nghệ mới.  - “Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo”: Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo là hệ thống tương tác, bao gồm các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các tổ chức/cá nhân khác, các yếu tố hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. | Tiếp thu |
|  | Điều 5. Nguyên tắc hoạt động KH,CN&ĐMST | **Cần Thơ**  **Lạng Sơn** | Rà soát, điều chỉnh tránh trùng lặp trong quy định nguyên tắc chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học Với Điều 11. | Điều 5 chỉ quy định nguyên tắc chung và được cụ thể hóa tại Điều 11 |
|  | Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo | **Bộ Công Thương** | đề nghị bổ sung lực lượng KH&CN chiến lược, quan trọng nhất là các tổ chức KH&CN nghiên cứu ứng dụng. Điều này phù hợp với quan điểm tiếp cận của Luật KH&CN sửa đổi như đã đề cập ở trên, trong đó, ưu tiên hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thương mại hoá các kết quả hoạt động KH&CN; gần hoạt động KH&CN với doanh nghiệp. Ngoài ra, với trình độ và khả năng hấp thụ công nghệ của các ngành sản xuất hiện tại cũng như trong giai đoạn tới, các công cụ chính sách của Nhà nước cần tập trung vào việc năng cấp công nghệ cho các doanh nghiệp. | Tiếp thu. Hồ sơ Luật đang hoàn thiện theo hướng nâng cao năng lực của các tổ chức KH&CN công lập, trong đó có tổ chức nghiên cứu ứng dụng. |
| **Bộ KH&ĐT** | Tại Điều 6, xem xét nghiên cứu bổ sung các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với việc đào tạo, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao liên quan đến những lĩnh vực mới như công nghiệp bán dẫn, chíp điện tử, chíp bán dẫn, AI,.. | Nghiên cứu tiếp thu vì trong chính sách phát triển nhân lực và quy định chung là nhân lực trong các lĩnh vực ưu tiên. |
|  | Điều 7. Kết quả của hoạt động KH,CN&ĐMST | **Hà Nội** | Chưa rõ định hướng, cần bổ sung. | Tiếp thu. |
|  | Điều 9. Ngày khoa học và công nghệ | **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** | Đề nghị xem xét đổi tên điều này thành "Ngày khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam" để phù hợp với đối tượng áp dụng của Luật mới được mở rộng. | Giữ nguyên vì đã có Ngày ĐMST thế giới. Việt Nam tham gia hưởng ứng. |
|  | Điều 10. Về các hành vi bị cấm | **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** | Đề nghị bổ sung nội dung về “đổi mới sáng tạo" (ĐMST) vì các nội dung kế thừa Điều 8 Luật KH&CN chỉ có nội dung liên quan đến hoạt động KH&CN mà chưa có nội dung về "đổi mới sáng tạo" theo phạm vì điều chỉnh và đối tượng áp dụng mới được mở rộng trong Luật, bổ sung các hành vi vi phạm đạo đức nghiên cứu, liêm chính trong hoạt động KH,CN&DMST. | Tiêp thu |
|  | Điều 11. Rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ | **Cần Thơ**  **Lạng Sơn** | Rà soát, điều chỉnh tránh trùng lặp trong quy định nguyên tắc chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học với Điều 5. | Điều 5 chỉ quy định nguyên tắc chung và được cụ thể hóa tại Điều 11 |
|  | Điều 12. Đạo đức nghiên cứu, liêm chính trong hoạt động KH,CN&ĐMST | **Tiền Giang** | Tại Điều 12 Đề cương Luật KH&CN (sửa đổi) “Đạo đức nghiên cứu, liêm chính trong hoạt động KH,CN&ĐMST”. Nội dung này có đề xuất “Các trường đại học, viện nghiên cứu.. tự ban hành quy định về liêm chính trong hoạt động KH,CN&ĐMST). Để tạo điều kiện thuận lợi và thống nhất trong tổ chức thực hiện, đề nghị Luật KH&CN (sửa đổi) quy định “Bộ KH&CN quy định chi tiết Điều này” để làm cơ sở cho các tổ chức KH&CN, tổ chức có hoạt động KH&CN tổ chức thực hiện. | Bảo lưu. Nội dung này phù hợp với thông lệ quốc tế |
| **Đồng Nai** | Tại gạch đầu hàng thứ hai Điều 12: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung cụm từ “tổ chức khoa học và công nghệ" sau cụm từ "Các trường đại học, viện nghiên cứu" | Các trường đại học, viện nghiên cứu chính là tổ chức KH&CN. |
|  | CHƯƠNG II. TỔ CHỨC KH&CN VÀ TỔ CHỨC THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO | **Tập đoàn Dầu khí** | - Cần làm rõ tổ chức KH&CN thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty để có cơ chế quản lý phù hợp.  - Cần nghiên cứu, rà soát để có quy định phù hợp về khái niệm “tổ chức có hoạt động KH&CN” nhằm phân biệt với “tổ chức KH&CN” để tránh tình trạng lợi dụng để hoạt động sai mục đích.  - Bổ sung cơ chế thử nghiệm (sand-box) trong KH,CN&ĐMST | - Tiếp thu  - Tiếp thu  - Tiếp thu |
|  | Điều 13. Hình thức và phân loại tổ chức KH&CN | **Thanh Hóa** | Đề nghị xem xét bổ sung quy định cụ thể để các trường đại học thực hiện việc thành lập các tổ KH&CN trực thuộc, đảm bảo không bị vướng mắc, chồng chéo giữa các quy định hiện hành của pháp luật. | Tiếp thu |
| Hà Nội | - Rà soát và định nghĩa lại các khái niệm tổ chức KH&CN, tổ chức KH&CN công lập, tổ chức KH&CN ngoài công lập cho phù hợp với thực tiễn. Với định nghĩa như trong dự thảo thì đang bị thiếu hàng trăm các tổ chức KH&CN do các tổ chức chính trị-xã hội (như Liên hiệp các hội KH&KT Việt Nam, Liên hiệp KH&KT các tỉnh thành phố) thành lập và đang hoạt động; các tổ chức KH&CN có hoạt động chính là dịch vụ KH&CN (Ví dụ: Các trung tâm phân tích, kiểm định, hiệu chuẩn, chứng nhận).  - Nếu chỉ quy định đăng ký hoạt động với “tổ chức KH&CN” thì xử lý thế nào với Giấy chứng nhận đã cấp cho các tổ chức có hoạt động KH&CN mà không được coi là “tổ chức KH&CN” theo dự thảo Luật KH&CN (sửa đổi).  - Cần làm rõ mục đích quy định đăng ký hoạt động KH&CN thì mới xác định được đối tượng cần đăng ký.  - Tổ chức thúc đẩy ĐMST có phải đăng ký hoạt động KH&CN không.  - Nếu xác định “trường đại học không phải là tổ chức KH&CN mà là tổ chức giáo dục có chức năng nghiên cứu” thì các viện, trung tâm do trường đại học thành lập ra có phải đăng ký hoạt động KH&CN không. Đề nghị làm rõ khái niệm “các tổ chức có mục tiêu kinh doanh” đề cập tại Điều 13 là các tổ chức nào. | - Tiếp thu  - Tiếp thu, quy định tại điều khoản chuyển tiếp  - Tiếp thu.  - Tiếp thu, sửa thành tổ chức dịch vụ KH&CN và không quy định phải đăng ký.  - Tiếp thu. |
| **Lâm Đồng** | Đề nghị chỉnh sửa lại thành “Tổ chức KH&CN ngoài công lập là tổ chức KH&CN không do cơ quan nhà nước thành lập thực hiện chức năng nghiên cứu, phát triển trong lĩnh vực KH&CN” | Tiếp thu trên cơ sở quy định tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP và thực tiễn. |
| **Bộ GDĐT** | Điều 13. Hình thức và phân loại tổ chức khoa học và công nghệ có quy định mới “Điều chỉnh quy định theo hướng trường đại học không phải là tổ chức KHCN mà là tổ chức giáo dục có chức năng nghiên cứu. Tách cơ sở GDĐH, các tổ chức có mục tiêu kinh doanh ra khỏi nhóm tổ chức KHCN. Phân biệt rõ giữa tổ hức KHCN … Chỉ quy định đăng ký hoạt động với tổ chức KHCN”:  - Luật KHCN 2013 đã triển khai hơn 10 năm qua, các cơ sở giáo dục đại học cũng đã trở thành tổ chức KHCN, có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức KHCN. Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 13 của dự thảo Đề cương sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của các cơ sở giáo dục đại học.  - Đào tạo và nghiên cứu khoa học là 02 trụ cột chính của cơ sở giáo dục đại học. Các cơ sở giáo dục đại học vừa đóng vai trò lớn trong phát triển nguồn nhân lực vừa có nhiệm vụ phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, Luật Giáo dục đại học quy định căn cứ vào năng lực và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở giáo dục đại học xác định mục tiêu phát triển, định hướng hoạt động như sau: (i) Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; (ii) Cơ cơ giáo dục đại học định hướng ứng dụng. Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng của cơ sở giáo dục đại học, bên cạnh nhiệm vụ đào tạo. Nếu cơ sở giáo dục không phải là tổ chức khoa học công nghệ thì nhiệm vụ chính chỉ là đào tạo, đây là nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai hoạt động KHCN. Vì vậy việc cơ sở giáo dục đại học là tổ chức KHCN sẽ tạo thuận lợi trong việc tổ chức hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo.  - Đề nghị giữ nguyên quy định cơ sở giáo dục đại học là tổ chức KHCN. Ngoài ra, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo tổ chức khảo sát ở các cơ sở giáo dục 2 đại học để có thêm căn cứ nội dung này và các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh khác. | Tiếp thu, đã bổ sung 01 điều trong Chương tổ chức KH&CN để quy định về hoạt động KH&CN trong cơ sở giáo dục. Ngoài ra, trong các chính sách về tổ chức, nhân lực, doanh nghiệp đều có quy định liên quan đến trường đại học. |
| **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** | Đề nghị cân nhắc kỹ quy định việc bỏ quy định trường đại học không phải là tổ chức KH&CN mà là tổ chức giáo dục có chức năng nghiên cứu, rà soát với các quy định tại các điều khoản khác cho thống nhất (một số điều khoản vẫn quy định lực lượng KH&CN, các chức danh nghiên cứu trong các trường đại học, cao đẳng và việc liên thông, trao đổi nhân lực giữa các viện trường-doanh nghiệp (Điều 6, 26, 27, 30, 32...); cần quy định rõ về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN cho các tổ chức giáo dục (trường đại học, cao đẳng) để đủ điều kiện tham gia tuyến chọn nhiệm vụ KH&CN các cấp. | Tiếp thu, bổ sung 1 điều quy định về hoạt động KH&CN của cơ sở giáo dục đại hoc |
| **Bộ Công Thương** | - Đề nghị rà soát kỹ quy định về phân loại tổ chức KH&CN để đảm bảo tính chính xác và phù hợp với thực tiễn, quy định hiện tại trong dự thảo về phân loại tổ chức KH&CN (chung), tổ chức KH&CN công lập, tổ chức KH&CN ngoài công lập không có sự thống nhất, logic và phản ánh đúng thực tế hoạt động của các tổ chức. | - Tiếp thu |
| Đề nghị làm rõ sự cần thiết của việc yêu cầu các tổ chức KH&CN thực hiện đăng ký. Từ phía cơ quan quản lý nhà nước, điều này phục vụ mục tiêu quân lý nào? Nhà nước có hình thành những chính sách, độc quyền riêng có đối với đối tượng này so với các tổ chức khác có hoạt động KHATN không? Từ phía các tổ chức, sẽ có những loại hoạt động KH&CN mà chỉ có tổ chức KH&CN có đăng ký hoạt động được thực hiện trong khi các tổ chức thông thường khác không được thực hiện không?  Tại dự thảo Báo cáo đánh giá thì hành Luật đã nêu rõ quy định đăng ký hoạt động KH&CN hiện đang ngăn cản sự phát triển, thu hút nguồn lực của xã hội cho hoạt động KH&CN. Việc tiếp tục mở rộng mô hình đăng ký hiện nay cho tất cả các tổ chức là không cần thiết và không đáp ứng được yêu cầu cất giảm thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các tổ chức tham gia hoạt động KH&CN, cản trở sự phát triển. | - Tiếp thu |
|  | Điều 15. Cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập | **Bình Định** | Tại khoản 2, Điều 15 thêm vào kinh phí hỗ trợ hàng năm được cấp bổ sung từ nguồn NSNN | Nội dung này thực hiện theo quy định về tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập |
| **Đồng Nai** | Tại gạch đầu hàng thứ nhất Điều 15: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung cụm từ “giao nhiệm vụ” sau cụm từ “đặt hàng, đấu thầu" |  |
| **Thanh Hóa** | Đề nghị xem xét, sửa đổi theo hướng: NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao và kinh phí được NSNN hỗ trợ theo mức độ tự chủ tài chính (thay vì tự chủ toàn diện về tài chính), đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương và các quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 35, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. | Nghiên cứu quy định trong Nghị định quy định về cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập |
| **Bộ NNPTNT** | - Điều 15 (theo Đề cương). Cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Làm rõ khoảng thời gian đánh giá định kỳ kết quả và hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; bổ sung hình thức đánh giá tổ chức khoa học công nghệ thông qua tổ chức độc lập hay thông qua Hội đồng. | Tiếp thu. |
| **Bộ Công Thương** | - Đề nghị nghiên cứu để sửa đổi quy định này theo hướng quy định một nhóm các chính sách phát triển đối với tổ chức KH&CN công lập. Việc chỉ quy định về cơ chế tự chủ đối với các tổ chức KH&CN công lập là chưa đầy đủ. Cần coi các tổ chức KH&CN công lập là công cụ thực thi chính sách về KH&CN của Nhà nước để có chính sách phù hợp trong Luật KH&CN. Từ kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy, dù khác nhau về quy mô, trình độ phát triển, thể chế kinh tế - chính trị tuy nhiên đều tập trung đầu tư phát triển các tổ chức KH&CN công lập để duy trì khả năng và lợi thế cạnh tranh của quốc gia. Mô hình quản lý, tổ chức và định hướng hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập phụ thuộc chủ yêu trình độ của nên sản xuất trong nước và ưu tiên của từng quốc gia trong các giai đoạn phát triển.  + Những chính sách cần có để phát triển tổ chức KH&CN công lập như trao quyền tự chủ nhiều hơn cho các tổ chức KH&CN về tổ chức – bộ máy, tài chính, tài sản,...; duy trì đầu tư tới ngưỡng để đảm bảo năng lực có tính dẫn dắt về mặt KH&CN, từ đó quay trở lại hỗ trợ, dẫn dắt hoạt động KH&CN của các doanh nghiệp; chính sách đãi ngộ, phát triển nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao; cơ chế phân bổ ngân sách dựa trên hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động của từng tổ chức thay vì phân bổ v.v.. Đề nghị nghiên cứu kinh nghiệm từ mô hình thành công của một số nước để kiến nghị chính sách phù hợp.  + Đối với chính sách về tự chủ của tổ chức KH&CN công lập: thay vì hướng tới mục tiêu giảm gánh nặng ngân sách và sự phụ thuộc của các tổ chức này thì cần hướng tới việc sử dụng hiệu quả đầu tư của nhà nước. | - Tiếp thu |
|  | Điều 16. Điều kiện thành lập, đăng ký tổ chức KH&CN | **Hưng Yên**  **Nghệ An** | Nội dung của Điều 16 là bỏ quy định đăng ký tổ chức KH&CN. Vì vậy đề nghị sửa đổi lại tên điều luật là: “Điều kiện thành lập tổ chức KH&CN”. | Tiếp thu |
| **Hà Nội** | Quy định (“bỏ quy định đăng ký tổ chức KH&CN”) tại điều 16 (“bỏ quy định đăng ký tổ chức KH&CN”) đang mâu thuẫn với quy định tại Điều 13 (“chỉ quy định đăng ký hoạt động với tổ chức KH&CN”). | Tiếp thu |
| **Đắk Lắk** | Thống nhất giữ nguyên theo nội dung tại Điều 11 Luật KH&CN được thể hiện tại Điều 16 dự thảo Luật KH&CN (sửa đổi). | Tiếp thu |
|  | Điều 17. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức KH&CN | **Hà Nội** | Đề nghị bổ sung nhóm tổ chức KH&CN thuộc các tổ chức chính trị - xã hội (Liên hiệp các hội KH&KT, …) (kế thừa điểm h khoản 1 Điều 12 Luật KH&CN năm 2013). | Tiếp thu |
|  | Điều 18. Quyền của tổ chức KH&CN | **Hà Nội** | Để quy định “tổ chức KH&CN được cử cá nhân trong tổ chức KH&CN tham gia điều hành doanh nghiệp trực thuộc tổ chức KH&CN” có tính khả thi thì cần làm rõ khái niệm “doanh nghiệp trực thuộc tổ chức KH&CN” bởi theo quy định hiện hành doanh nghiệp đăng ký và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong khi Luật Doanh nghiệp cũng chưa có khái niệm về “doanh nghiệp trực thuộc tổ chức KH&CN”. | Tiếp thu |
| **Bộ NNPTNT** | - Điều 18 (theo Đề cương). Quyền của tổ chức khoa học và công nghệ: Bổ sung quyền được góp vốn bằng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc quyền sở hữu của tổ chức khoa học và công nghệ. | Nghiên cứu thêm để quy định phù hợp, nhất là đối với tổ chức KH&CN công lập. |
| **Bộ Giao thông vận tải** | Đối với nội dung “Bổ sung quyền được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học” cần nghiên cứu cụ thể hơn về giải pháp này. Hiện nay, trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước, thay vì quyền được miễn trừ trách nhiệm dân sự đã đưa ra các quy định về cơ chế phòng ngừa, quản lý rủi ro. Do đó, đối với nội dung này, đề nghị nghiên cứu tìm ra các giải pháp hợp lý hơn hoặc đưa ra các giới hạn cụ thể cho việc miễn trừ rủi ro, để đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ, không ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước và vẫn đảm bảo quyền được bảo vệ của các chủ thể dân sự khác có liên quan trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.  Trường hợp vẫn giữ nguyên chính sách này đề nghị có đánh giá tác động kỹ lưỡng đến các chủ thể: người dân, doanh nghiệp, các tác động của chính sách đến kinh tế - xã hội (hiện nay, nội dung này trong tác động chính sách chưa được đề cập kỹ); đồng thời đề nghị rà soát các quy định của pháp luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ. | Bảo lưu vì KH&CN là hoạt động đặc thù có tính sáng tạo, có tính rủi ro  Tiếp thu, làm rõ nội dung này trong Báo cáo Đánh giá tác động chính sách |
| **Bộ Công Thương** | Đề nghị nghiên cứu để đưa ra những chính sách đặc thủ, riêng có đối với các tổ chức KH&CN công lập. Hiện đây chính là điểm chưa rõ trong chính sách hiện có của Luật KH&CN. Theo quy định hiện hành, quyền của các tổ chức KH&CN được quy định tại Điều 13 của Luật (bao gồm 09 khoản), về cơ bản không bị giới hạn đối với các tổ chức khác, không phải là tổ chức KH&CN. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để mọi cá nhân, tổ chức tham gia, đầu tư cho phát triển KH&CN. Các chính sách ưu đãi hiện hành (chính sách thuế và chính sách tín dụng được quy định tại Điều 64 và Điều 65 của Luật KH&CN) được áp dụng theo các loại hình hoạt động KH&CN, thay vì tiếp cận theo đối tượng thực hiện hoạt động KH&CN. | Tiếp thu. Bổ sung các cơ chế đặc thù cho tổ chức KH&CN công lập là được tự chủ toàn diện, chứ không chỉ tự chủ về tài chính> |
|  | Điều 19. Nghĩa vụ của tổ chức KH&CN | **Bộ Y tế** | Đề nghị bổ sung cụm từ “và các quy định của pháp luật có liên quan” vào cuối đoạn “Quy định các vấn đề mang tính nguyên tắc chung về đạo đức trong nghiên cứu và giao về cho các tổ chức KH&CN tự quy định theo hướng dẫn của Bộ KH&CN”.  Lý do: Hiện nay vấn đề đạo đức trong nghiên cứu y sinh học đã được quy định tại Luật Dược năm 2016 và Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và trong các Nghị định, Thông tư hướng dẫn 02 Luật này | Tiếp thu |
| **Bộ Công Thương** | Đề nghị rà soát và cân nhắc sự cần thiết của quy định "Bổ sung quy định tổ chức KH&CN phải ghi chính xác tên cơ quan chủ quản trên giấy tờ giao dịch, biển hiệu vì trên thực tế có những tổ chức ghi trên biển quảng cáo gây hiểu lầm về cơ quan chủ quản nhưng chưa có quy định để xử lý. Theo đó, cần xem xét trong hệ thống pháp luật hiện tại quy định chung liên quan tới việc xử lý tình huống này. Trong trường hợp chưa có, tình huống nêu ra không đặc thù riêng đối với đối tượng là tổ chức KH&CN, vì vậy nên kiến nghị sửa đổi, bổ sung ở các quy định pháp luật có liên quan khác. | Tiếp thu |
| Đối với nội dung "Quy định các vẫn để mang tính nguyên tắc chung về đạo đức trong nghiên cứu và giao về cho các tổ chức KH&CN tự quy định theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghề, đề nghị nghiên cứu để đưa thành quy định chung đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động KH&CN, không quy định riêng cho đối tượng là tổ chức KH&CN. | Tiếp thu |
| **Đồng Nai** | Tại gạch đầu hàng thứ ba Điều 19: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung cụm từ “con dấu” sau cụm từ “giấy tờ giao dịch, biển hiệu" | Bảo lưu |
| **Hà Nội** | Để quy định “tổ chức KH&CN phải ghi chính xác tên cơ quan chủ quản trên giấy tờ giao dịch, biển hiệu” có tính khả thi thì cần định nghĩa thế nào là “cơ quan chủ quản” hoặc viện dẫn quy định pháp luật đã có. Ngoài ra, cần tính đến trường hợp tổ chức KH&CN không có cơ quan chủ quản như tổ chức KH&CN do cá nhân thành lập. | Tiếp thu |
|  | Điều 20. Trách nhiệm tổ chức KH&CN của cơ quan, tổ chức thành lập tổ chức KH&CN | **Cần Thơ**  **Nghệ An** | Điều chỉnh thành “Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thành lập tổ chức KH&CN” để rõ ràng hơn. | Tiếp thu |
| **Hà Nội** | Xem lại tên điều cho phù hợp (đang thừa 1 cụm từ “tổ chức KH&CN”). | Tiếp thu |
|  | Điều 22 Văn phòng đại diện, chi nhánh tại nước ngoài của tổ chức KH&CN Việt Nam | **Cần Thơ**  **Nghệ An** | Bổ sung nội dung dự kiến. | Tiếp thu |
|  | Điều 23. Tổ chức thúc đẩy ĐMST | **Bộ Công Thương** | Đề nghị bổ sung rõ nội dung tại Điều 23 do đây là quy định có tính chất quan trọng, làm căn cứ để hình thành các quy định, chính sách có liên quan khác. Đặc biệt, cần làm rõ mối quan hệ của loại tổ chức này với tổ chức KH&CN. | Tiếp thu |
|  | CHƯƠNG III NHÂN LỰC TRONG LĨNH VỰC KH,CN&ĐMST | **Tập đoàn Dầu khí** | Cần làm rõ quy định về tổ chức KH&CN thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty để có cơ chế quản lý phù hợp. | Tiếp thu. |
| Cần có quy định rõ ràng về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các vườn ươm doanh nghiệp, các tổ chức thúc đẩy kinh doanh,... để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các tổ chức này hoạt động. | Nội dung này sẽ được quy định tại văn bản hướng dẫn Luật |
| Xem xét bổ sung quy định về các trung tâm nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp. | Nghiên cứu tiếp thu trong chương về hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp |
| **Bộ KH&ĐT** | - Tại Chương 3 (trang 6), đề nghị xem xét bổ sung mã định dạng các chức danh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo cho phù hợp với xu thế chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay. | Nội dung này cần tiếp tục nghiên cứu để phù hơp với quy định của pháp luật về công chức, viên chức và Luật Căn cước mới được ban hành |
|  |  | **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** | Chương III về nhân lực trong lĩnh vực KHCN&ĐMST: đề nghị thống nhất cách hiểu, nội hàm và việc sử dụng các thuật ngữ “Nhân lực trong lĩnh vực KH,CN&DMST, nhân lực nghiên cứu, cá nhân hoạt động KH,CN&ĐMST, nhân lực hoạt động KHCN&ĐMST, nhân lực trong các tổ chức KH&CN"... | Tiếp thu |
|  | Điều 26. Chức danh cho hoạt động KH,CN&ĐMST | **Bộ Tài chính** | Ưu đãi thuế quy định tại Luật thuế và thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Luật thuế TNCN (Điều 5) chỉ quy định giảm thuế TNCN trong trường hợp *“Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.”.*  Hiện nay, triển khai thực hiện các Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 và nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19- KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tài chính đang tiến hành rà soát, đánh giá Luật thuế TNCN để báo cáo Chính phủ, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung theo Chương trình xây dựng văn bản luật, pháp lệnh của Quốc hội, trong đó có nghiên cứu bổ sung quy định nhằm khuyến khích cá nhân là nhân lực trình độ cao, phù hợp với thông lệ quốc tế và bối cảnh kinh tế - xã hội của Việt Nam.  Để đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật cũng như kế hoạch xây dựng pháp luật, đề nghị bỏ nội dung này. | Tiếp thu, Luật KH&CN tập trung làm rõ nội dung để các đối tượng được hưởng các ưu đãi đã có trong các luật thuế. Đồng thời, đề xuất một số nội dung mang tính nguyên tắc để đề xuất trong Luật thuế. |
| **Bộ Giáo dục và Đào tạo** | Điều 26. Chức danh cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: nhất trí bổ sung “quy định đặc biệt cho các nhóm nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng: bổ sung các nội dung xác định rõ tiêu chí và các chính sách ưu đãi, trọng dụng: điều kiện làm việc, việc sử dụng cơ sở vật chất, huy động nhân lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST”. Quy định về các chính sách ưu đãi đối với nhóm nghiên cứu mạnh cần tham chiếu các quy định tại Điều 10 Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định về hoạt động KH&CN trong cơ sở giáo dục đại học (Nghị định 109/2022/NĐ-CP) | Nhất trí. |
| **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** | Đề nghị luận giải rõ căn cử bổ sung nhóm “nghiên cứu sinh tiến sĩ và học viên cao học" vào lực lượng KH&CN, quyền và nghĩa vụ của nhóm này. | Tiếp thu. |
| **Đắk Lắk** | Tại khoản 1 cần bổ sung đối với hoạt động nghiên cứu khoa học đây là hoạt động đặc thù có thể xem xét miễn thuế thu nhập đối với Nhà khoa học và người làm quản lý khoa học. | Tiếp thu |
| **Hà Nội** | Điều 26 đang bỏ sót, liệt kê thiếu một nhóm nhân lực KH&CN quan trọng, cần được bổ sung (6) Nhân lực hoạt động KH&CN trong các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Liên hiệp các hội KH&KT và các hội thành viên, các hội trí thức khác | Nhóm nhân lực này đã nằm trong nhóm nhân lực hoạt động độc lập và trong các tổ chức khác |
|  | Điều 27. Quyền của cá nhân hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo | **Bình Dương** | Điều 27, 30, 32 trùng lặp nhau về “quy định được cử cá nhân từ viện nghiên cứu sang làm việc ở doanh nghiệp”, đề nghị đưa ra quy định chung về nội dung này để tránh trùng lặp. | Tiếp thu rà soát |
| **Hà Nội** | Quyền của cá nhân hoạt động KHCN và ĐMST: Đề quy định “được cử sang làm việc ở doanh nghiệp nhưng vẫn giữ nguyên lương, vẫn đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được đảm bảo về chế độ thi đua, khen thưởng; Được cử sang làm việc định kỳ tại doanh nghiệp… ” có tính khả thì cần rà soát quy định tại Luật Viên chức và có đề xuất điều chỉnh tương ứng tại Luật Viên chức. | Tiếp thu để đề xuất sửa đổi tại Luật Viên chức |
| **Đồng Nai** | Tại gạch đầu hàng thứ hai Điều 27: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung cụm từ “triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu" trước ý “giúp doanh nghiệp đào tạo kỹ năng nghiên cứu cho kỹ sư, kỹ thuật viên trong doanh nghiệp" | Tiếp thu |
| **Tiền Giang** | Tại Điều 27 Đề cương Luật KH&CN (sửa đổi) “Quyền của cá nhân hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo” có bổ sung nội dung “Bổ sung quy định được cử cá nhân từ viện nghiên cứu, trường đại học sang làm việc ở doanh nghiệp nhưng vẫn giữ nguyên lương, vẫn được đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được bảo đảm chế độ về thi đua, khen thưởng…” đề nghị xem xét, điều chỉnh thành “Bổ sung quy định được cử cá nhân từ viện nghiên cứu, trường đại học sang làm việc ở doanh nghiệp nhà nước nhưng vẫn đảm bảo mức lương không thấp hơn mức lương hiện hưởng, vẫn được đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được bảo đảm chế độ về thi đua, khen thưởng…”. | Bảo lưu vì mục tiêu tăng cường kết nối doanh nghiệp nên cần mở rộng loại hình doanh nghiệp áp dụng quy định này |
|  | Điều 29. Nhân lực trong hệ thống quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo | **Đồng Nai** | Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung cụm từ “và đổi mới sáng tạo" sau "cán bộ quản lý KH&CN" | Nghiên cứu, tiếp thu |
|  | Điều 30. Nhân lực trong các tổ chức KH&CN | **Trà Vinh** | Đề nghị bổ sung cụm từ:… tổ chức KH&CN công lập. Lý do: để thống nhất với định nghĩa, khái niệm tại Điều 13. | Tiếp thu |
| **Đồng Nai** | Tại gạch dầu hàng thứ hai Điều 30: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh cụm từ “viện nghiên cứu” thành “tổ chức khoa học và công nghệ" | Nghiên cứu rà soát trong tổng thể Luật |
| **Bộ Tài nguyên và Môi trường** | trùng với Khoản 3, Điều 27; | Tiếp thu rà soát |
| **Bộ KH&ĐT** | - Tại Điều 30 (Nhân lực trong các tổ chức khoa học và công nghệ), đề nghị bổ sung quy định xây dựng tiêu chí có thể lượng hóa được một cách rõ ràng, minh bạch để định kỳ đánh giá kết quả, hiệu quả làm việc của nhân lực khoa học, công nghệ gắn với chế độ đãi ngộ, tôn vinh nhân lực, cán bộ KH&CN có các hoạt động sáng tạo và cống hiến thực tế. | Nội dung này cần tiếp tục nghiên cứu để quy định phù hợp với các lĩnh vực khác. |
| **Hà Nội** | Quy định tại gạch đầu dòng thứ 2 “được cử sang làm việc ở doanh nghiệp nhưng vẫn giữ nguyên lương, vẫn đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được đảm bảo về chế độ thi đua, khen thưởng;Được cử sang làm việc định kỳ tại doanh nghiệp…” bị trùng lặp với Điều 27. Cần rà soát và chỉ thể hiện quy định này tại một điều (Điều 27 hoặc điều 30). | Tiếp thu rà soát |
|  | Điều 31. Nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp | **Hà Nội** | Nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp Cần có đánh giá về nhân lực hoạt động KH,CN&ĐNMT trong doanh nghiệp trong 10 năm triển khai Luật trước khi bổ sung quy định. Cần diễn đạt lại nội hàm tại Điều 31 cho dễ hiểu hơn. | Nghiên cứu tiếp thu trong Báo cáo đánh giá tác động chính sách. |
| Đồng Nai | Tại Điều 31: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung nguồn kinh phí (Quỹ Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp) để phục vụ cho hoạt động này | Nội dung góp ý chưa rõ. |
|  | Điều 32. Nhân lực hoạt động KHCN&ĐMST trong trường đại học | **Hà Nội** | Để quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 “được cử sang làm việc ở doanh nghiệp định kỳ nhưng vẫn giữ nguyên lương, vẫn đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được đảm bảo về chế độ thi đua, khen thưởng” có tính khả thì cần rà soát quy định tại Luật Viên chức và đề xuất điều chỉnh tương ứng tại Luật Viên chức. | Tiếp thu để đề xuất sửa đổi tại Luật Viên chức |
| **Bộ Giáo dục và Đào tạo** | Nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo nguồn nhân lực, nhất là chất lượng cao là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hiện nay. Trong thời gian qua, việc thực 3 hiện cơ chế hỗ trợ người học thông qua nhiệm vụ KH&CN chưa được quan tâm đúng mức, trong khi đó đối tượng người học, đặc biệt là nghiên cứu sinh, nghiên cứu sau tiến sĩ là lực lượng chủ yếu, có vai trò quan trọng trong phát triển KH&CN. Tại Điều 32 và 36 của Dự thảo Đề cương, nhóm đối tượng Nghiên cứu sinh đã được quan tâm bởi quy định mới “chương trình học bổng cấp cho NCS từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN” đây là điểm mới, quan trọng có tính chất thúc đẩy đào tạo nhân lực khoa học trình độ cao. | Tiếp thu |
|  | Điều 33. Nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST độc lập và các tổ chức khác | **Hà Nội** | Tên của điều có 2 nhóm đối tượng gồm nhân lực độc lập và nhân lực hoạt động trong tổ chức khác. Tuy nhiên nội hàm mới đề cập tới nhân lực độc lập. Cần bổ sung quy định với nhân lực hoạt động trong tổ chức khác. Đề nghị bổ sung 1 điều về nhân lực hoạt động KH&CN trong các tổ chức chính trị-xã hội đặc thù, Liên hiệp các hội KH&KT, các tổ chức xã hội-nghề nghiệp và các hội trí thức khác và các chức danh công nghệ, chức danh nghề nghiệp trong tổ chức chính trị-xã hội đặc thù (Liên hiệp các hội KH&KT) làm cơ sở xây dựng đề án vị trí việc làm. | Tiếp thu |
|  | CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH KH,CN&ĐMST | **Tập đoàn Dầu khí** | Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý tài chính cho hoạt động KH&CN để phù hợp với các quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các luật về thuế. | Tiếp thu |
| Bổ sung chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích các nhà khoa học, nhà sáng chế chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ. | Đã có quy định về việc cho vay, bảo lãnh vốn vay của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia  Có quy định hỗ trợ các tổ chức thúc đẩy ĐMST qua đó khuyến khích kết nối giữa viện trường và doanh nghiệp |
| Bổ sung quy định khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm. | Đã có quy định tại Luật Công nghệ cao |
| Cần nghiên cứu để có quy định phù hợp về việc mua sắm trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm... phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. | Nghiên cứu tiếp thu |
| **Bộ Công Thương** | a) Đề nghị nghiên cứu để có phương án sửa đổi quy định về cơ cấu và tỷ lệ chỉ ngân sách nhà nước cho các hoạt động KH&CN. Đây là chỉ tiêu quan trọng, thể hiện định hướng ưu tiên của quốc gia trong từng giai đoạn; góp phần định hướng cho hoạt động KH&CN sử dụng ngân sách nói riêng và các nguồn lực của xã hội nói chung.  - Để đảm bảo tính thống nhất và định hướng hoạt động KH&CN bám sát ưu tiên của quốc gia trong từng giai đoạn, cần nghiên cứu, bổ sung trong Luật KH&CN các quy định về cơ cấu, tỉ lệ chi ngân sách nhà nước cho KH&CN như: cơ cấu giữa ngân sách TW với địa phương, giữa nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp địa phương; giữa nhiệm vụ thường xuyên và đầu tư phát triển, giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ...  - Ngoài ra, để đầu tư của nhà nước phù hợp với nhu cầu thực tiễn, cần xem xét tới quy mô, đóng góp của các ngành, lĩnh vực (đối với các nhiệm vụ cấp bộ, ngành) và địa phương (với các nhiệm vụ cấp địa phương) để xác định cơ cấu và tỷ lệ phân bổ ngân sách nhà nước cho từng năm và giai đoạn. Quá trình xây dựng, phê duyệt phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN cần phải được thực hiện đồng thời trên cơ sở cơ cầu, tỷ lệ được giao và kết quả, đề xuất sử dụng ngân sách đã được phân bố | Nội dung này sẽ được nghiên cứu và làm việc với Bộ Tài chính để đánh giá. |
|  | Điều 35*.* Ngân sách nhà nước cho KH,CN&ĐMST | **Bộ Giao thông vận tải** | Đề nghị rà soát nội dung quy định *“kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ”* nêu tại Khoản 3, cần xác định khoảng thời gian cụ thể (từ - đến). | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Điều 36. Mục đích chi ngân sách nhà nước cho KH, CN&ĐMST | **Hà Nội** | Ngoài dự án ĐMST, đề tài NCKH&PTCN cần bổ sung “dự án sản xuất thử nghiệm” bởi thông qua dự án SXTN thì kết quả của đề tài NCKH và PTCN mới tiếp cận được thị trường và tiến tới thương mại hóa được. | Dự án SXTN là một loại hình của dự án ĐMST |
|  | Điều 37 Xây dựng kế hoạch, xây dựng dự toán và quản lý việc sử dụng ngân sách nhà nước cho KH,CN&ĐMST | **Bộ Công an** | Đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý theo hướng cải cách, rút gọn thủ tục hành chính theo tỉnh thần của Chính phủ. | Tiếp thu |
| **Bộ Tài chính** | “*4. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm cấp phát kinh phí KH&CN đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ kế hoạch KH&CN; đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí KH&CN đúng mục đích, hiệu quả”:*  Quy định này chồng lấn với quy định của pháp luật về tài chính – NSNN, đề nghị không quy định nội dung trên vào dự thảo Luật KH&CN sửa đổi. Theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, việc tổ chức chi NSNN nói chung và chi NSNN cho lĩnh vực KH&CN nói riêng thực hiện theo hình thức rút dự toán (trừ một số trường hợp cá biệt thực hiện theo hình thức cấp bằng lệnh chi tiền), Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thanh toán đầy đủ, kịp thời theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán chi NSNN được giao. Mặt khác trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả trước hết thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý ngành/lĩnh vực KH&CN, đơn vị cấp 1 và đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách. | Tiếp thu, bỏ Khoản 4 Điều 51 Luật KH&CN 2013. |
| **Bộ KH&ĐT** | Đề nghị bỏ khoản 2 Điều 37 "Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập dự toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, dự toán sự nghiệp khoa học và công nghệ trên cơ sở đề xuất dự toản/ ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ" vì việc lập dự toán chỉ đầu tư phát triển, chỉ sự nghiệp được thực hiện theo các quy định tại Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước. | Bảo lưu để có thể nắm thông tin về tổng NSNN dành cho KH&CN. |
| **Đồng Nai** | Tại Điều 37: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét  - Tại Khoản 1: Quy định rõ "theo quy định của pháp luật” là theo Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ, | Tiếp thu |
| - Tại Khoản 4: Có thể thay thế cụm từ "đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dự án ĐMST" thành "nhiệm vụ khoa học và công nghệ". | Tiếp thu |
| **Cần Thơ** | Điều chỉnh nội dung “Bổ sung quy định về phân cấp, phân quyền trong phê duyệt kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ,…” thành “*Bổ sung quy định về phân cấp, phân quyền trong phê duyệt kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, dự án phát triển công nghệ*,…” hoặc có điều chỉnh phù hợp để bao quát các nhiệm vụ KH&CN gồm có đề tài và dự án. | Rà soát để hoàn thiện |
| **Quảng Ngãi** | Đề nghị điều chỉnh khoản 4 thành *“Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm tham mưu bố trí kinh phí KH&CN đầy đủ, kịp thời…hiệu quả”.* | Bảo lưu rà soát để phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước |
| **Quảng Ninh** | Đề nghị xem lại việc quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước cho KH&CN”. Theo điểm c khoản 1 Điều 39 Luật NSNN và điểm c khoản 1 Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP đã quy định ngân sách cấp huyện, cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu KH&CN, được chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ | Nghiên cứu thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước |
| **Lâm Đồng** | Thống nhất như dự thảo; tuy nhiên, đề nghị các cơ quan liên quan cần phải đánh giá kết quả thực hiện Luật KH&CN từ 2013 đến nay, trong đó cần lý giải được tại sao không bố trí đủ 2% GDP ngân sách nhà nước hàng năm cho nhiệm vụ KH&CN. | Tiếp thu bổ sung nội dung về bố trí ngân sách nhà nước cho KH&CN |
| **Thanh Hóa** | Đề nghị xem xét, bổ sung quy định về phân cấp, phân quyền trong phê duyệt mua sắm tài sản của các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN (thuộc quản lý cơ quan trung ương và thuộc quản lý của địa phương). | Nội dung này được quy định trong pháp luật về đấu thầu |
|  | Điều 38. Khoán chi | **Vĩnh Long** | Cơ chế khoán chi quy định tại Điều 52 Luật KH&CN năm 2013 chưa áp dụng được, lý do: không thể định lượng được, Luật KH&CN (sửa đổi) cần quy định cụ thể hơn tại Điều 38 | Tiếp thu |
| **Quảng Ninh** | Đề nghị xem lại Điều này:  - Điểm a khoản 1 Điều 52 Luật KH&CN chỉ khoán chi đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kĩ thuật và công nghệ. Do vậy, đề nghị bổ sung hai hình thức là khoa học nông nghiệp và khoa học y dược  - Ghi rõ hai hình thức khoán chi: khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và khoán chi từng phần | Nội dung này sẽ được nghiên cứu để quy định rõ hơn trong văn bản hướng dẫn Luật  Theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN **ban hành một số bảng phân loại thống kê KH&CN quy định có 6 lĩnh vực KH&CN. Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đề nghị sửa đổi, bổ sung tại** Điểm a khoản 1 Điều 52 Luật KH&CN nội dung ngắn gọn và bao quát đầy đủ các lĩnh vực đã được quy định, cụ thể *“…khoán chi được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mục tiêu, nội dung, yêu cầu về sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí* |
| **EVN** | Đề nghị bổ sung việc khoán chi một phần cho nhiệm vụ khoa học công nghệ đặc biệt phần chi phí nhân công trực tiếp để tránh tình trạng phải chấm công khi thanh quyết toán. | Nội dung này đã được hướng dẫn trong thông tư 03/2023/TT-BTC và 02/2023/TT-BKHCN |
|  | Điều 39 Cấp, sử dụng, quản lý kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu và phát triển, dự án đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước | **Bộ Tài chính** | Dự thảo Luật KH&CN (sửa đổi): *Bổ sung quy định về thời điểm lập dự toán NSNN về KH&CN trên cơ sở Danh mục nhiệm vụ KH&CN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và dự kiến tổng mức kinh phí; bổ sung quy định việc lập dự toán tổng mức kinh phí dự kiến trong một giai đoạn cho Chương trình KH&CN cấp quốc gia, dự kiến kinh phí phân bổ trong một năm cho Chương trình KH&CN cấp quốc gia trên cơ sở danh mục nhiệm vụ KH&CN đưa vào xác định, tuyển chọn nhiệm vụ.*  Bộ Tài chính có ý kiến như sau:  Luật NSNN (điểm c khoản 1 Điều 42) quy định về yêu cầu lập dự toán NSNN hằng năm: *Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định*. Như vậy, theo quy định của Luật việc lập dự toán phải đáp ứng đồng thời các điều kiện (i) có nhiệm vụ được giao, (ii) nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, (iii) nhiệm vụ được xây dựng trên cơ sở chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định.  Do vậy, đề nghị nghiên cứu nội dung quy định tại dự thảo đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN.  Ngoài ra, khái niệm “dự kiến tổng mức kinh phí” là rất mơ hồ và không có giá trị pháp lý, vì mới chỉ là ước tính trên cơ sở tham chiếu các nhiệm vụ có quy mô, tính chất tương tự đã hoặc đang thực hiện nhưng chưa được tính toán cụ thể theo quy định đối với từng hạng mục chi phí cấu thành (chi phí nguyên nhiên vật liệu, tiền công, tiền thưởng, tiền thuê chuyên gia, chi phí tư vấn, chi phí quản lý,...); dự kiến tổng mức kinh phí thường có khoảng cách rất xa so với tổng mức đầu tư/dự toán nhiệm vụ (ở giai đoạn tính tổng mức đầu tư hoặc dự toán, các hạng mục chi phí cấu thành được tính toán theo các quy định về tiêu chuẩn, định mức, phương pháp,... do cơ quan có thẩm quyền ban hành, phù hợp với kế hoạch triển khai được phê duyệt). Vì vậy, nếu chỉ căn cứ vào “dự kiến tổng mức kinh phí” để thảo luận, bố trí dự toán sẽ không có điểm chung vững chắc về mặt pháp lý, tạo cơ chế xin cho. | Bộ Khoa học và Công nghệ bảo lưu quan điểm cần lập dự toán tổng mức kinh phí dự kiến trong một giai đoạn cho Chương trình KH&CN. Đây cũng chính là ý kiến mà Bộ TC và Kiểm toán Nhà nước đã đề cập trong một số công văn và kết luận kiểm toán. Căn cứ trên dự toán tổng mức kinh phí dự kiến của Chương trình trong một giai đoạn, sẽ xác định được dự kiến tổng mức kinh phí cho Chương trình trong 1 năm vào thời điểm gửi kế hoạch sang Bộ TC tổng hợp vào thời điểm 20/7 hằng năm. Việc giao dự toán thực hiện cho các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình KH&CN vào thời điểm trước 31/12 hằng năm sẽ được thực hiện trên cơ sở các Quyết định phê duyệt nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật NSNN và Luật KHCN. Ngoài ra đặc thù của hoạt động KH&CN là có thể phải hình thành các nhiệm vụ nghiên cứu đột xuất khi có yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc khi phát sinh tình huống mới, khẩn cấp (VD: bão lũ, thiên tai, dịch bệnh, công nghệ mới nổi,…) nên cần có dự toán NSNN nguồn sự nghiệp KH&CN chưa có địa chỉ phân bổ kinh phí vào thời điểm Quốc hội phê duyệt ngân sách cho năm kế tiếp. |
| Đối với quy định: *Bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, thất bại trong nghiên cứu khoa học để hiện thực hóa các chủ trương về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, quy định tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng.*  Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ: *“Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật KH&CN (Luật KH&CN, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công,...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu KH,CN&ĐMST theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch.”*  Việc Bộ KH&CN đề xuất cơ chế nêu trên là có cơ sở, tuy nhiên cần nghiên cứu quy định cụ thể, rõ ràng, không mang định tính, dễ hiểu sai trong tổ chức thực hiện sau này dẫn đến lợi dụng chính sách, gây thất thoát, lãng phí NSNN. Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng liên quan sẽ có ý kiến tham gia sau khi Bộ KH&CN có báo cáo cụ thể nội dung này. | Tiếp thu, làm rõ trong các văn bản hướng dẫn. Bổ sung thêm điều kiện để làm rõ hơn trường hợp áp dụng. |
| Dự thảo Luật KH&CN (sửa đổi) quy định: *“2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp thông qua quỹ phát triển KH&CN của Nhà nước hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại Kho bạc Nhà nước. Kinh phí dự phòng cho nhiệm vụ KH&CN, dự án ĐMST đột xuất, cấp thiết”.*  Bộ Tài chính có ý kiến như sau:  Luật NSNN (khoản 2 Điều 42) quy định: *Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và khoản 8 Điều 44 quy định trước ngày 31 tháng 12, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, UBND các cấp phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và UBND cấp dưới*. Với quy định này:  + Trường hợp dự phòng tại đơn vị dự toán: Cơ quan tài chính khi tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán hằng năm cho đơn vị dự toán chỉ cân đối kinh phí cho các nhiệm vụ đã được phê duyệt, đã có dự toán chi tiết cho nhiệm vụ đó, không cân đối kinh phí để dành nguồn cho những nhiệm vụ chưa đủ điều kiện nên quy định dự phòng chưa phân bổ tại đơn vị dự toán cấp 1 và các đơn vị dự toán trực thuộc để dành nguồn xử lý cho các nhiệm vụ chi đột xuất, cấp thiết chưa được xác định là trái với quy định của Luật NSNN. Mặt khác, việc để dự phòng chưa phân bổ tại đơn vị dự toán dễ tạo cơ chế xin - cho trong quá trình sử dụng, thoát ly quy trình NSNN (nhiệm vụ được bố trí NSNN nhưng không báo cáo Chính phủ, báo cáo Quốc hội).  + Trường hợp dự phòng lĩnh vực chi NSNN cho KH&CN: Luật NSNN không quy định nội dung này nhưng đây là vấn đề thực tế đang xảy ra do trình độ lập kế hoạch, mức độ tuân thủ quy định pháp luật ở các cấp của Việt Nam vẫn còn hạn chế chưa thể khắc phục được trong trung hạn. Bản chất khoản dự phòng này là dành nguồn cho những nội dung, nhiệm vụ mà tại thời điểm xây dựng dự toán đã có danh mục nhiệm vụ cụ thể nhưng còn thiếu một số hồ sơ, thủ tục theo quy định nên chưa đủ cơ sở để tổng hợp, bố trí trong dự toán chi NSNN đầu năm của các bộ, cơ quan trung ương. Ủy ban Kiểm tra Trung ương khi kiểm tra các nội dung về tài chính - NSNN tại Bộ Tài chính cũng khuyến nghị xem xét lại.  Trên cơ sở đó, đề nghị bỏ nội dung đề xuất này của Bộ KH&CN cho cả 02 trường hợp (dự phòng tại đơn vị dự toán và dự phòng lĩnh vực chi KH&CN). | Bảo lưu vì trong thực tiễn đã xuất hiện trường hợp thiên tai, dịch bệnh cần có nguồn kinh phí để triển khai.  Đồng thời, trong Luật NSNN cũng có quy định về dự phòng NSNN (Điều 10). Do vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn thiện nội dung này phù hợp với quy định tại Luật NSNN. |
| **Đồng Nai** | tại Điều 39: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét  - Ở tên Điều: Điều chỉnh cụm từ “đề tài nghiên cứu và phát triển, dự án đổi mới sáng tạo” thành “nhiệm vụ khoa học và công nghệ". | Tiếp thu |
| - Tại Khoản 4: Bổ sung cụm từ “tuyển chọn" sau "đặt hàng". | Tiếp thu |
| **Long An** | Đề nghị xem xét đối với quy định tại khoản 4 và đoạn thứ 2 khoản 5, vì sẽ không có sự ràng buộc đối với tổ chức và cá nhân chủ nhiệm đề tài, điều này sẽ tạo sự chủ quan cho chủ nhiệm đề tài không đảm bảo tạo ra sản phẩm đạt yêu cầu theo thuyết minh được duyệt | Rà soát để quy định chặt chẽ hơn |
| **Bộ Công Thương** | Đề nghị làm rõ quy định về việc yêu cầu lập tổng dự toán kinh phí theo giai đoạn chỉ áp dụng đối với các Chương trình KH&CN cấp quốc gia; quy định này sẽ áp dụng với các Chương trình KH&CN cấp bộ, địa phương như thế nào?  Đề nghị nghiên cứu tính khoa học, thực tiễn và khả thi của quy định về việc xác định mức trần kinh phí dự kiến cho từng nhiệm vụ KH&CN dựa trên Danh mục nhiệm vụ được phê duyệt. | Tiếp thu |
| **Ninh Bình** | "- Quy định đối với đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, Nhà nước xác định mức trần kinh phí của đề tài và tuyển chọn ý tưởng tốt nhất. Khi trúng tuyển, tổ chức chủ trì có thể huy động thêm kinh phí bên ngoài để triển khai nghiên cứu".  Đối với quy định này, đề nghị Ban soạn thảo làm rõ thẩm quyền xác định mức trần kinh phí …. do tổ chức, cá nhân nào được quy định mức này. | Tiếp thu |
| **Quảng Ngãi** | *“Nhiệm vụ KH&CN (đề tài nghiên cứu & phát triển) sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai đã thực hiện đúng các quy định, nội dung thuyết minh nhưng không đi đến kết quả theo đặt hàng thì không phải trả lại kinh phí đã sử dụng”* | Tiếp thu |
| **Cần Thơ** | Điều chỉnh để bao quát các nhiệm vụ KH&CN gồm có đề tài và dự án, không chỉ đề tài nghiên cứu và phát triển. | Tiếp thu |
| **Quảng Ninh** | Đề nghị xem xét bổ sung quy định thời điểm lập dự toán NSNN về KH&CN trên cơ sở danh mục nhiệm vụ KH&CN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và dự kiến tổng mức kinh phí.  Lý do: UBND cấp tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm của Bộ KH&CN. Căn cứ hướng dẫn của Bộ KH&CN, Sở KH&CN thông báo gửi đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN, tổng hợp và tổ chức các cuộc họp Hội đồng tư vấn làm cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục. Như vậy, thời gian để thời gian sẽ mất ít nhất 06 tháng, thời điểm danh mục nhiệm vụ KH&CN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và dự kiến tổng mức kinh phí trước 30.6 hằng năm lập dự toán NSNN về Bộ KH&CN là khó khả thi. | Tiếp thu |
| **Thanh Hóa** | Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 3, Điều 53 như sau: “Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN được tiến hành thông qua hệ thống quỹ phát triển KH&CN các cấp hoặc các đơn vị dự toán các cấp theo quy định pháp luật. Việc cấp kinh phí vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN tại Kho bạc Nhà nước được thực hiện căn cứ theo tiến độ giải ngân và quyết toán kinh phí theo niên độ NSNN hằng năm theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn có liên quan”. | Nghiên cứu để phù hợp với quy định của Luật NSNN. |
| **Thái Bình** | "- Quy định đối với đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, Nhà nước xác định mức trần kinh phí của đề tài và tuyển chọn ý tưởng tốt nhất. Khi trúng tuyển, tổ chức chủ trì có thể huy động thêm kinh phí bên ngoài để triển khai nghiên cứu".  Đối với quy định này, đề nghị Ban soạn thảo làm rõ thẩm quyền xác định mức trần kinh phí… do tổ chức, cá nhân nào được quy định mức này? | Tiếp thu, bổ sung vào văn bản hướng dẫn |
| **CTCP Mỹ Lan** | Quy định tại khoản 4 Điều 39: Cần xem xét bổ sung điều kiện/cơ chế giám sát việc tổ chức khảo sát, đánh giá tính khả thi từ ban đầu đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN và việc triển khai thực hiện phải đảm bảo tuân thủ các quy định, nội dung thuyết minh trong quá trình thực hiện, dù không đi đến kết quả mong đợi so với đặt hàng nhưng tối ưu hóa việc sử dụng kinh phí từ NSNN hiệu quả, tránh lãng phí | Tiếp thu |
| **EVN** | Đề nghị xem xét có thêm các nội dung về hoàn trả kinh phí đối với các hoạt động ĐMST khi dự án không thành công. | Nghiên cứu tiếp thu |
|  | Điều 40. Đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN | **Bộ Tài chính** | Theo bảng giải trình tiếp thu ý kiến các bộ, ngành và địa phương, Bộ KH&CN tiếp thu hoàn thiện ý kiến của Bộ Giao thông vận tải về hạ tầng KH&CN (trang 14) như sau: *“Bổ sung quy định về đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, nhất là các phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất cho các tổ chức KH&CN công lập”*.  Đề nghị định nghĩa cụ thể khái niệm “tiềm lực KH&CN” khi xây dựng quy định nội dung trên và đề nghị làm rõ “tiềm lực khoa học” có phải là “hạ tầng KH&CN” hay không, từ đó xác định được đối tượng cụ thể của hoạt động “đầu tư phát triển” để có dẫn chiếu chuẩn xác tới các quy định về tài chính của pháp luật hiện hành. | Tiếp thu |
| **Nghệ An** | Bổ sung nội dung dự kiến. | Tiếp thu |
| **Hà Nội** | Bổ sung định hướng | Tiếp thu |
|  | Điều 43. Đầu tư của doanh nghiệp cho KH&CN và ĐMST | **EVN** | Bổ sung cơ chế, tạo điều kiện cho Doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp ĐMST để thể chế hóa Nghị quyết 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị. | Tiếp thu |
|  | Điều 44. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ | **Lâm Đồng** | Thống nhất kế thừa quy định tại Điều 57. Tuy nhiên cần làm rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để đổi mới; đề nghị bổ sung: doanh nghiệp phải có báo cáo hàng năm với cơ quan có thẩm quyền về kết quả ứng dụng. | Bảo lưu đây là chính sách khuyến khích chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc |
|  | Điều 45. Chính sách ưu đãi đối với hoạt động KH,CN&ĐMST | **Đắk Lắk** | Cần bổ sung chính sách ưu đãi đối với Tổ chức KH&CN để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu của tổ chức | Nghiên cứu tiếp thu |
| **Hà Nội** | Bổ sung định hướng | Tiếp thu |
|  | Điều 46. Quy định về đấu thầu, quản lý sử dụng tài sản công đối với hoạt động KH,CN&ĐMST | **Bộ Tài chính** | Việc bổ sung quy định về đấu thầu, quản lý sử dụng tài sản công đối với hoạt động KH,CN&ĐMST cần phải đảm bảo sự thống nhất với các quy định về đấu thầu được quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024, tránh việc chồng chéo trong quy định tại văn bản quy định pháp luật. | Tiếp thu, tham khảo Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để quy định cho phù hợp |
| **Lâm Đồng** | Đề nghị chỉnh sửa lại thành “Làm rõ nội hàm tài sản hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN là sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng” để phù hợp với Luật SHTT sửa đổi năm 2022 và Điều 85 của của dự thảo Luật này. | Bỏ quy định này |
|  | Điều 49. Quỹ phát triển KH&CN quốc gia | **Bộ Tài chính** | Đề nghị xem lại sự cần thiết tiếp tục duy trì Quỹ phát triển KH&CN. Trường hợp việc thành lập và hoạt động của Quỹ này vẫn chủ yếu phụ thuộc vào nguồn NSNN, có nhiệm vụ chi trùng với nhiệm vụ chi từ NSNN, thì đề nghị nghiên cứu sửa đổi quy định tại Điều 60 đảm bảo phù hợp quy định của Luật NSNN. | - Bộ KH&CN đề nghị tiếp tục duy trì Quỹ phát triển KH&CN vì hiệu quả hoạt động của Quỹ đã được chứng minh là tốt sau 15 năm hoạt động;  - Tiếp thu ý kiến sửa đổi quy định tại Điều 60 đảm bảo sự thống nhất với các quy định pháp luật đồng thời phù hợp với đặc thù hoạt động nghiên cứu KH&CN. |
| Đối với quy định: *Bổ sung Kinh phí hoạt động của quỹ phát triển KH&CN quốc gia được cấp hằng năm dựa trên kinh phí tài trợ, hỗ trợ của quỹ*: Đề nghị bỏ quy định này. Lý do: Quỹ là đơn vị sự nghiệp công lập, kinh phí hoạt động của quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. | Tiếp thu, quy định này sẽ được quy định ở văn bản dưới Luật. |
| **Bộ KH&ĐT** | - Đề nghị rà soát quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 49 về Quỹ phát triển KH&CN quốc gia và Điều 53 về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia đảm bảo phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công. | Bộ Khoa học và Công nghệ đã rà soát và đề xuất giữ nguyên như trong hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi) |
| **Bộ Công Thương** | Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo làm rõ sự cần thiết phải duy trì Quỹ phát triển KH&CN quốc gia. Theo dự thảo, Quỹ bỏ các chức năng về cho vay, bảo lãnh vốn; Quỹ chỉ sử dụng với mục tiêu tài trợ, cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cho một số loại hoạt động KH&CN. Tuy nhiên, giải trình của đơn vị chủ trì về tính đặc thù của Quỹ là chưa phù hợp và có tỉnh thuyết phục. Cụ thể:  (1) Quỹ chỉ cấp kinh phí cho các nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng trong khi cơ chế cấp kinh phí thông qua ngân sách hiện tại cũng cấp kinh phí cho các nhiệm vụ loại này.  (2) Đối với các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách: hiện nay theo dự thảo Luật, Điều 39, đã xem xét để bổ sung quy định về việc bố trí kinh phí ngân sách nhà nước dự phòng để kịp thời triển khai những nhiệm vụ đột xuất, ngoài kế hoạch đã giải quyết được nội dung này. | Tiếp thu |
| **Quảng Ngãi** | Tại khoản 1 Điều 49 của dự thảo Luật, đề nghị xem xét giữ nguyên nội dung *“…; cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi để thực hiện việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống; bảo lãnh vốn vay đối với một số nhiệm vụ KH&CN chuyên biệt;…”* để tương đồng với nội dung tại khoản b Điều 53 của dự thảo Luật, đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 41 Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 2010. | Hoạt động này do Quỹ NATIF thực hiện theo quy định hiện hành |
|  | Điều 50. Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | **Bộ Công an** | nhất trí chọn Phương án 1 về bỏ quy định Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương để giải quyết thực trạng hoạt động không hiệu quả của các quỹ này trên thực tế |  |
| **Bộ GDĐT** | Ủng hộ phương án 1: Bỏ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương với các luận giải đưa ra của đơn vị soạn thảo là “Giải quyết được sự tồn tại không hiệu quả của các Quỹ hiện nay”. Ngoài ra, cần quy định cụ thể những nhóm lĩnh vực nào được thành lập quỹ phát triển KHCN. |  |
| **Bộ Tài nguyên và Môi trường** | Đề nghị lựa chọn Phương án 2: Giữ quy định về Quỹ triển KH&CN của bộ, ngành, địa phương. Bổ sung các quy định về vị trí pháp lý, loại hình |  |
| **Bộ Công Thương** | Đề xuất lựa chọn Phương án 1 |  |
| **Bộ KH&ĐT** | Tại Điều 50 của dự thảo Đề cương Luật đề xuất 02 phương án (1) bỏ quy định về quỹ phát triển KH&CN của bộ, ngành, địa phương; (ii) giữ lại các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên tại dự thảo Tờ trình đề xuất phương án (í) bỏ quy định về quỹ phát triển KH&CN của bộ, ngành, địa phương; (ii) sửa đổi theo hướng mở để các bộ, ngành, địa phương tuỷ tỉnh hình thực tiễn có thể thành lập hoặc không thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Do vậy, đề nghị rà soát để đảm bảo tính thống nhất. Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xuất theo phương án sửa đổi theo hướng mở để các bộ, ngành và địa phương quyết định việc thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ. | Tiếp thu, Bộ Khoa học và Công nghệ đã làm rõ hơn lý do đề xuất và đưa phương án 2 vào hồ sơ Luật. |
| **Bộ Giao thông vận tải** | Đề nghị nghiên cứu lựa chọn Phương án 1 *“Bỏ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương”*. Lý do: theo báo cáo tại tờ trình đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa 2 đổi) *“thời gian qua rất ít bộ, ngành, địa phương thành lập quỹ. Đối với những quỹ đã thành lập thì tiếp tục xin dừng hoạt động do gặp khó khăn về biên chế, nhân sự có chuyên môn quản lý và nguồn kinh phí bố trí cho quỹ rất hạn chế dẫn đến quỹ hoạt động không hiệu quả”*. |  |
| **Bộ Tài chính** | - Tại Tờ trình số 5019/TTr-BKHCN ngày 28/12/2023 của Bộ KH&CN trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN có nêu:  + Trong thực tiễn những năm qua, Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hầu như chưa được triển khai do mô hình tổ chức, biên chế và nguồn vốn đầu tư chưa phù hợp. Chỉ có Bộ Xây dựng thành lập Quỹ phát triển KH&CN nhưng hoạt động gặp nhiều khó khăn.  + Đến nay có 36/63 tỉnh, thành phố đã thành lập Quỹ phát triển KH&CN, trong đó có 06 tỉnh, thành phố đã giải thể hoặc chuẩn bị giải thể Quỹ. Đa số Quỹ phát triển KH&CN các tỉnh, thành phố hoạt động không hiệu quả, chỉ có 14/36 Quỹ có hoạt động giải ngân kinh phí.  Theo đó, Bộ KH&CN đề xuất bỏ quy định tại Điều 61 Luật KH&CN quy định Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để bảo đảm không phát sinh bộ máy, tồn đọng kinh phí. Quỹ sẽ tiến hành giải thể như đối với đơn vị sự nghiệp công lập.  - Đến nay, tại Công văn số 1026/BKHCN-PC, Bộ KH&CN đề xuất 02 phương án; tuy vậy chưa nêu rõ quan điểm chọn phương án nào. Vì vậy, đề nghị Bộ KH&CN báo cáo xây dựng đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu Chính phủ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:  *- Chỉ đạo các địa phương khẩn trương thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý và xem xét, sáp nhập để giảm đầu mối*  *- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương chấn chỉnh các sai phạm và khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế thời gian qua và xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xảy ra vi phạm thất thoát, sử dụng kém hiệu quả nguồn lực nhà nước tại các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước.* | Tiếp thu, đề xuất 02 phương án quy định với Quỹ Phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương.  Phương án 1: bỏ quy định về quỹ do thời gian qua rất ít bộ, ngành, địa phương thành lập quỹ. Những quỹ đã thành lập thì tiếp tục xin dừng hoạt động do gặp khó khăn về biên chế, nhân sự có chuyên môn quản lý và nguồn kinh phí bố trí cho quỹ rất hạn chế dẫn đến quỹ hoạt động không hiệu quả.  Phương án 2: sửa đổi quy định theo hướng mở để các bộ, ngành, địa phương tùy tình hình thực tiễn có thể thành lập hoặc không thành lập quỹ phát triển KH&CN.  Đối với nội dung này, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được 25 ý kiến góp ý cho nội dung Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó: 13 ý kiến chọn Phương án 1, bỏ quy định Quỹ Phát triển KH&CN của bộ, ngành, địa phương; 08 ý kiến chọn Phương án 2, giữ quy định Quỹ Phát triển KH&CN của bộ, ngành, địa phương và đề nghị sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn. 04 ý kiến khác của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Lạng Sơn, UBND tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân Tối cao đề nghị nghiên cứu, khảo sát thực tiễn để chọn phương án phù hợp nhất.  Trên cơ sở tổng kết tình hình thực tiễn, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất lựa chọn Phương án 2 để các bộ, ngành, địa phương có thể lựa chọn thành lập quỹ hoặc không phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn. Đối với các quỹ đã thành lập mà các bộ, ngành, địa phương không muốn duy trì hoạt động, tại Nghị định của Chính phủ sẽ quy định về việc giải thể quỹ. |
| **Đồng Nai** | Đề nghị chọn phương án 1 |  |
| **Bình Định** | Đề nghị chọn phương án 2: Giữ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương vì:  Để Quỹ Phát triển KH&CN hoạt động hiệu quả Bộ KH&CN cần xây dựng lại Thông tư Ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thay thế Thông tư số 03/2015/TT- BKHCN ngày 09/3/2015, trong đó tại Điểm e, Khoản 1, Điều 14 bỏ phần: “Cho vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ đối với các dự án đổi mới công nghệ” thay bằng “Lãi suất cho vay của Quỹ trong từng thời kỳ được xác định theo nguyên tắc đảm bảo Quỹ có nguồn thu để tự chủ về tài chính, bảo đảm an toàn vốn và phát triển vốn. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ công bố mức lãi suất cho vay Quỹ”. |  |
| **Lâm Đồng** | Thống nhất lựa chọn phương án 2: giữ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương, tuy nhiên đề nghị Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Tài chính ban hành các hướng dẫn về cơ chế tài chính phù hợp với vị trí pháp lý để Quỹ hoạt động có hiệu quả hơn. |  |
| **Đắk Lắk** | thống nhất với phương án 2 Giữ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương. Cần sửa đổi các quy định để quỹ hoạt động hiệu quả hơn. |  |
| **Yên Bái** | Sở KH&CN Yên Bái nhất trí với Phương án 1 mà dự thảo đưa ra: Bỏ quy định về Quỹ phát triển KH&CN của bộ, ngành, địa phương, để giải quyết sự tồn tại không hiệu quả của các Quỹ hiện nay đã được đề cập đến trong Báo cáo đánh giá tác động chính sách đã đưa ra. |  |
| **Lạng Sơn** | trong thời gian qua, quỹ phát triển KH&CN của các địa phương bộc lộ nhiều hạn chế như khó khăn trong công tác trích lập quỹ, khó khăn về biên chế, nhân sự có chuyên môn quản lý... Đề nghị xem xét sửa đổi quy định này theo hướng để các địa phương căn cứ tình hình thực tiễn có thể thành lập hoặc không thành lập Quỹ phát triển KH&CN. |  |
| **Long An** | Đề nghị xem xét chọn phương án 1 “Bỏ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương”; Ưu điểm: Giải quyết được sự tồn tại không hiệu quả của các Quỹ hiện nay. |  |
| **Ninh Bình** | Có 2 ý kiến (Sở Công thương và Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình) đề nghị lựa chọn Phương án 2: Giữ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách (trang 33): Đa số Quỹ phát triển KH&CN các tỉnh, thành phố hoạt động không hiệu quả, chỉ có 14/36 Quỹ có hoạt động giải ngân kinh phí (bộ máy điều hành và quản lý vẫn chưa được kiện toàn, lực lượng cán bộ đều kiêm nhiệm, thiếu chuyên môn về nghiệp vụ tài chính; nguồn vốn hoạt động hạn chế, vốn cấp ban đầu ít trong khi chưa vận động được đóng góp từ tổ chức, cá nhân khác ngoài Nhà nước. Việc huy động vốn ngoài NSNN để bổ sung vốn cho Quỹ không khả thi). Do đó đề nghị Ban soạn thảo xem xét tổng hợp các ý kiến của các cơ quan, đơn vị để xem xét lựa chọn phương án 1. Bỏ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương |  |
| **Vĩnh Long** | Thống nhất PA 1, Điều 50, bỏ các quy định về Quỹ KHCN bộ ngành, địa phương vì thực tiễn việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ còn chưa thống nhất trên toàn quốc |  |
| **Sóc Trăng** | Chọn Phương án 1: Bỏ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương. Do hiện nay nhiều địa phương chưa có thành lập Quỹ KH&CN, các địa phương đã thành lập Quỹ này nhưng hoạt động không hiệu quả. |  |
| **Thái Bình** | Sở KH&CN tỉnh Thái Bình lựa chọn Phương án 2. Giữ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương, Tuy nhiên, cần phải sửa đổi các quy định để các quỹ hoạt động hiệu quả hơn (xác định rõ hơn vị trí pháp lý, loại hình,...). |  |
| **Hà Nội** | Nên cân nhắc chọn Phương án 1 (Bỏ quy định về Quỹ) |  |
| **Tiền Giang** | đề xuất thực hiện theo Phương án 1 |  |
| **Bình Dương** | Cơ quan soạn thảo xem xét, đánh giá tác động, hiệu quả cụ thể để lựa chọn (nếu có) phương án 1 |  |
| **Thanh Hóa** | Đề nghị khảo sát, đánh giá toàn diện về tình hình hoạt động của các quỹ phát triển KH&CN tại các địa phương để lựa chọn phương án tối ưu nhất, phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu, phương hướng “Giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lắp; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức” đã được đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 15/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. |  |
| **Trà Vinh** | Chọn phương án 1: Bỏ quy định về Quỹ KH&CN của địa phương, vì Quỹ KH&CN của tỉnh hoạt động không có hiệu quả và đã giải thể |  |
| **Thừa Thiên Huế** | Đề xuất Phương án 2: Giữ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương và sửa đổi các quy định để các Quỹ hoạt động hiệu quả hơn (xác định rõ hơn vị trí pháp lý, loại hình...) |  |
| **CTCP Mỹ Lan** | Đề xuất chọn phương án 2. Tuy nhiên cần sửa đổi quy định để quỹ hoạt động hiệu quả hơn, có cơ chế rõ ràng hơn về đối tượng, đánh giá tính khả thi, điều kiện để được hưởng hỗ trợ và các giấy tờ liên quan kèm theo để nâng cao hiệu quả, sự tối ưu đối với nguồn chi từ Quỹ này |  |
|  | Điều 51. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân | **Bộ Giáo dục và Đào tạo** | Đề nghị bổ sung quy định đặc thù đối với Quỹ phát triển KH&CN của các cơ sở giáo dục đại học tham chiếu quy định tại Điều 22 của Nghị định 109/2022/NĐ-CP. Ngoài ra, cần quy định rõ ràng hơn, hướng dẫn chi tiết hơn để có thể thực hiện được trong thực tế | Luật KH&CN có quy định chung về tổ chức, cá nhân có quyền thành lập quỹ phát triển KH&CN tại Điều 62. |
|  | Điều 52. Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp | **Bộ Tài chính** | Theo dự thảo Đề cương Luật sửa đổi Luật KH&CN kèm theo công văn số 1026/BKHCN-PC, định hướng sửa đổi liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp *“bỏ quy định mức tối thiểu trích Quỹ của doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích thành lập Quỹ của doanh nghiệp không phân biệt loại hình doanh nghiệp”*. Tuy nhiên, quy định sửa đổi cụ thể tại dự thảo Luật này là *“2. Doanh nghiệp nhà nước phải trích thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp”* cho thấy vẫn bắt buộc doanh nghiệp nhà nước phải trích Quỹ và có sự phân biệt giữa các loại hình doanh nghiệp. Do đó, đề nghị Bộ KH&CN nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh để đảm bảo thống nhất với quan điểm, định hướng sửa đổi Luật đã nêu. | Tiếp thu, hoàn thiện lại nội dung này cho logic |
| **Bộ Công Thương** | Đề nghị đơn vị chủ trì có những nghiên cứu kỹ để đề xuất việc sửa đổi một cách phù hợp, tạo đột phá trong cơ chế tài chính thúc đẩy hoạt động KH&CN tại các doanh nghiệp. Quy định về Quỹ phát triển KH&CN của DN mặc dù được coi là một trong những điểm mới của Luật KH&CN năm 2013, tuy nhiên, triển khai thực tế không được như kỳ vọng (số lượng đăng ký ít, mức độ giải ngân thấp, nhiều doanh nghiệp có mức trích lập lớn nhưng không thể chỉ tiêu). Điều này chủ yếu do tỉnh hấp dẫn của sử dụng Quỹ KH&CN với các nguồn tài chính khác không cao. Ngoài ra, vướng mắc nằm ở sự thiếu phủ hợp của quy định nội dung chỉ từ nguồn Quỹ với nhu cầu thực tế trong hoạt động KH&CN trong doanh nghiệp, khó khăn trong việc tách bạch giữa chỉ cho KH&CN với chỉ đầu tư phát triển của doanh nghiệp. Do đó, đơn vị chủ trì cần rà soát, đánh giá kỹ hiện trạng, khó khăn vướng mắc để kiến nghị các điều chỉnh, bổ sung, ngoài những tháo gỡ nói trên, cần tiếp cận theo hướng giảm sự can thiệp của Nhà nước tới hoạt động nội tại trong doanh nghiệp. | Tiếp thu |
| **Bộ Giáo dục và Đào tạo** | Đề nghị bổ sung quy định rõ hơn về chính sách ưu đãi, cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp khi hợp tác, đầu tư cho hoạt động KH&CN của cơ sở GDĐH, đặc biệt là chi đầu tư cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm | Hiện nay mới ở giai đoạn xây dựng chính sach. Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định trong quá trình xây dựng Luật. |
| **Vĩnh Long** | “hoặc đóng góp vào Quỹ phát triển KH&CN của ngành, địa phương và được hưởng quyền lợi theo quy định của Quỹ” để phù hợp với chọn phương án 1 Điều 50. | Trường hợp bỏ Quỹ phát triển KH&CN địa phương thì sẽ bỏ quy định tại khoản 1 Điều 52 để thống nhất với Điều 50 |
| **Lâm Đồng** | - Đề xuất vẫn giữ nguyên quy định mức tối thiểu trích lập quỹ của doanh nghiệp nhà nước, vì đây là một nguồn vốn góp không nhỏ cho Quỹ phát triển KH&CN địa phương, góp phần tăng vốn điều lệ, giảm gánh nặng cho ngân sách địa phương. | Nghiên cứu giữ lại mức tối thiểu trích lập quỹ của doanh nghiệp nhà nước để đầu tư cho hoạt động KH&CN của doanh nghiệp |
| - Thống nhất bổ sung nội dung: bổ sung hành lang cho các quỹ tài trợ, hỗ trợ KH&CN ngoài ngân sách vì giúp Doanh nghiệp tăng khả năng sử dụng được Quỹ phát triển KH&CN Doanh nghiệp đã trích. | Tiếp thu |
|  | Điều 53. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia | **Bộ Tài chính** | - Đề nghị Bộ KH&CN bỏ quy định nêu trên tại dự thảo Luật. Lý do:  - Quy định nêu trên đã được quy định cụ thể tại Luật chuyển giao công nghệ năm 2017 (Điều 38) và Thủ tướng Chính phủ[[1]](#footnote-1) đã ban hành 02 Quyết định số: 1342/QĐ-TTg ngày 5/8/2011 về việc thành lập Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và Quyết định số 04/2021/NĐ-CP ngày 29/01/2021 về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia[[2]](#footnote-2)); theo đó, các văn bản trên đã quy định đầy đủ, chi tiết việc thành lập, hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.  - Bên cạnh đó, tại dự thảo Luật (Điều…Các quỹ hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo kế thừa quy định tại Điều 59 dự thảo Luật) cũng đã quy định theo hướng dẫn chiếu như sau: Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia được thành lập theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ là đầy đủ, đồng bộ, phù hợp. Do đó, nếu quy định như dự thảo Luật sẽ gây trùng lắp, chồng chéo về chính sách.  - Ngoài ra, tương tự như Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, đề nghị rà soát về căn cứ pháp lý, thực tiễn, sự cần thiết để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 11 Điều 8 Luật NSNN về việc hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. | Bảo lưu vì các lý do sau:  - Điều 38 của Luật chuyển giao công nghệ và các Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 5/8/2011; Quyết định số 04/2021/NĐ-CP ngày 29/01/2021 đã có các quy định đẩy đủ tổ chức, hoạt động về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tuy nhiên hiện nay Quỹ đang hoạt động theo mô hình hỗn hợp vừa là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ KHCN (theo Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 16/01/2018) vừa hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên nắm giữ 100% vốn điều lệ. Do chưa có quy định chung để thống nhất việc quản lý các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách dẫn đến tình trạng khung pháp lý thiếu đồng bộ, không đáp ứng triệt để được yêu cầu và thực tiễn hoạt động của Quỹ. Vì vậy, trong quá trình triển khai hoạt động Quỹ gặp nhiều khó khăn về tổ chức, nguồn vốn…Do vậy cần phải thay thế Điều 38 trong Luật chuyển giao công nghệ thành Điều 53 của Luật Khoa học và công nghệ sửa đổi để đảm bảo đồng bộ về quản lý nhà nước đối với hoạt động khoa học và công nghệ và Chính phủ cần quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia. Vì Điều 53 của Luật Khoa học và công nghệ sửa đổi thay thế cho Điều 38 trong Luật chuyển giao công nghệ nên không bị trùng lắp, chồng chéo về chính sách.  - Theo Điều 34 tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021, hoạt động cho vay ưu đãi của Quỹ sử dụng nguồn vốn điều lệ, còn hoạt động hỗ trợ vốn từ kinh phí hỗ trợ vốn cho các Chương trình Khoa học và công nghệ do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ KHCN giao thực hiện và các nguồn vốn hợp pháp khác được giao. Do vậy hoạt động của Quỹ vẫn đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 11 Điều 8 Luật NSNN về việc hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. |
|  | Điều 54*.* Chính sách thuế đối với hoạt động KH&CN và ĐMST | **Bộ Tài chính** | Các Luật thuế hiện hành quy định ưu đãi đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ, công nghệ cao, chuyển giao công nghệ ở mức cao nhất trong khuôn khổ pháp luật về thuế, trong đó đã có các nội dung ưu đãi thuế tại Luật KHCN (phụ lục kèm theo).  Tại điểm b khoản 1 Mục I Điều 1 Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 quy định: *Các chính sách thuế, phí và lệ phí (gọi chung là thuế) chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan*.  Hiện nay thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tài chính đang thực hiện nghiên cứu, rà soát, đánh giá tổng thể các Luật thuế để báo cáo Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế và tính thống nhất của hệ thống chính sách thuế.  Để đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật cũng như kế hoạch xây dựng pháp luật, đề nghị rà soát, bỏ các nội dung về thuế và không bổ sung thêm các ưu đãi thuế mới tại Luật KH&CN (sửa đổi). Đề nghị Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình sửa đổi, bổ sung các luật thuế để báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. | Tiếp thu, chỉ quy định một số nội dung chính về đối tượng, hoạt động để được xem xét ưu đãi thuế |
|  | CHƯƠNG VI: HẠ TẦNG KH,CN&ĐMST | **Tập đoàn Dầu khí** | Bổ sung quy định về việc khuyến khích đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, phòng thí nghiệm trọng điểm ngành, lĩnh vực, địa phương, phòng thí nghiệm của tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, v.v... | Tiếp thu |
|  | CHƯƠNG VII: THÔNG TIN KH,CN&ĐMST | **Tập đoàn Dầu khí** | Bổ sung các quy định về xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu KH,CN&ĐMST của bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân để kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu; về khoa học mở, về cơ sở dữ liệu mở (Open data) trong KH,CN&ĐMST. | Tiếp thu và đề nghị bổ sung 01 quy định về vấn đề này trong Luật KH&CN để làm căn cứ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định bảo đảm phù hợp với các các quy định hiện hành và thực tiễn triển khai.  Tuy nhiên, liên quan đến các quy định về xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu KH,CN&ĐMST của bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân để kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu; về khoa học mở, về cơ sở dữ liệu mở (Open data) trong KH,CN&ĐMST, ngoài việc thực hiện theo các văn bản liên quan của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, nội dung này đã được cụ thể hóa tại các văn bản sau:  - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN.  - Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển CSDL quốc gia về KH&CN.  - Thông tư số 05/2021/TT-BKHCN ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào của CSDL quốc gia về KH&CN.  - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28/6/2017 quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển CSDL quốc gia về KH&CN |
|  | Chương VIII. CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ | **Cần Thơ** | Xem xét việc điều chỉnh các nhiệm vụ KH&CN chỉ có đề tài KH&CN và dự án đổi mới sáng tạo, không có dự án khoa học công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm. | Tiếp thu, chỉnh lý khái niệm để bao quát hết các loại hình nhiệm vụ |
| **Phú Yên** | - Tại các điều của Mục 1 Chương VIII: đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất tên gọi “đề tài KH&CN” hoặc “nhiệm vụ KH&CN”. | Tiếp thu, chỉnh lý khái niệm để bao quát hết các loại hình nhiệm vụ |
| **Hưng Yên**  **Nghệ An** | - Đề nghị chuyển Mục 2 (Chương trình KH&CN) lên trước Mục 1 (Đề tài KH&CN) để phù hợp với tên Chương.  - Đề nghị sửa lại tên của Mục: “Đề tài KH&CN”, thành: “Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.  - Tại Mục 1 Chương VIII (Đề tài KH&CN):  Trong mục này, đang sử dụng 03 thuật ngữ: (1) “đề tài KH&CN”, (2) nhiệm vụ KH&CN, (3) đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đề nghị chỉnh sửa, sử dụng thống nhất hoặc xem xét phương án có để thuật ngữ “nhiệm vụ KH&CN” hay không? | Tiếp thu, rà soát |
| **Bộ Công Thương** | Đề nghị bổ sung quy định về tiêu chí phân loại nhiệm vụ KH&CN, chương trình KH&CN (cấp quốc gia, bộ, địa phương) trong Luật KH&CN sửa đối, gắn với thay đổi trong phân công, trách nhiệm thực hiện của các đơn vị quản lý quản lý nhà nước đối với hoạt động KH&CN để phù hợp với thực tiễn.  Về tiêu chí phân loại: + Luật KH&CN năm 2013 quy định nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở, đồng thời gắn với trách nhiệm quản lý của các cấp khác nhau, cụ thể: Bộ KH&CN quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, Bộ, ngành quản lý nhiệm vụ cấp Bộ, các địa phương quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp địa phương. Luật KH&CN năm 2013 không quy định tiêu chỉ phân loại nhiệm vụ KH&CN các cấp mà hướng dẫn tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, các tiêu chí này không rõ ràng và thực tiễn triên khai cho thấy những điểm bất cập. Cụ thể:  i) Đối với tiêu chỉ thứ nhất (điểm a): Khoản 13 Điều 3 Luật KH&CN định nghĩa "Nhiệm vụ KH&CN là những vấn đề KH&CN cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh phát triển KH&CN". Như vậy, bản chất mỗi nhiệm vụ KH&CN đã có "tầm quan trọng" nhất định đối với “phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh", và có vai trò “năng cao tiềm lực KH&CN quốc gia". Khi nói đến "ngành, lĩnh vực” thì phạm vi đề cập cũng là trong cả nước. Do đó, tiêu chí này không thể hiện được sự khác biệt giữa nhiệm cấp quốc gia và cấp Bộ.  ii) Đối với điểm thứ hai (điểm b), cụm từ “liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên vùng" cũng chưa rõ ràng: liên quan giữa các ngành trong cùng một Bộ quản lý có được coi là “liên ngành" không? Hay phải liên quan giữa các ngành thuộc quản lý của nhiều Bộ. Mặt khác, nếu hiểu theo nghĩa rộng, các nhiệm vụ KH&CN (theo định nghĩa nêu trên) đều có tỉnh "liên ngành" nhất định.  iii) Điểm thứ ba (điểm c) không phù hợp do tất cả các nhiệm vụ này đều là các nhiệm vụ sử dụng NSNN.  Từ sự phân định chưa rõ ràng dẫn đến một số nhiệm vụ, chương trình KH&CN được huy động nguồn lực cấp quốc gia, nhưng thực chất có thể coi như chương trình cáp Bộ; và ngược lại, nhiều chương trình KH&CN cấp Bộ có ý nghĩa, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước thì thiều nguồn lực do cơ cấu phân bỏ ngân sách hiện nay tập trung vào các chương trình KH&CN cấp quốc gia. Vì dụ như một số chương trình KH&CN cấp quốc gia do Bộ KH&CN quản lý và tổ chức thực hiện nhưng thực chất có thể coi như chương trình KH&CN cấp Bộ: "Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng" chỉ tập trung vào ngành năng lượng - thuộc quản lý của Bộ Công Thương; "Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cơ khí và tự động hóa" tập trung vào lĩnh vực cơ khí, cũng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương v.v... Bên cạnh đó, một số chương trình, đề án hiện do Bộ Công Thương triển khai ở phạm vi cấp Bộ có ý nghĩa rất lớn trong phát triển kinh tế của quốc gia: Đề án ứng dụng KH&CN trong quá trình tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình KH&CN nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa ngành công nghiệp giai đoạn 2021-2030.v.v... Tuy nhiên, các nhiệm vụ này chỉ được huy động từ nguồn ngân sách cấp Bộ nên không đảm bảo nguồn lực để triển khai.  Về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về KH&CN trong thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.  Phân công trách nhiệm thực hiện Luật KH&CN được quy định tại Điều 74, 75, và 76; trong đó, theo ngành, lĩnh vực gần với quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, theo lãnh thổ gần với quản lý của các địa phương; đồng thời, thực hiện phân cấp hoạt động quản lý thành quốc gia, cấp bộ và địa phương tương ứng với phân loại các nhiệm vụ KH&CN. Việc tổ chức quản lý như mô hình hiện tại có điểm thuận lợi do gần với phân công của Chính phủ trong chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, ngành, địa phương, tuy nhiên, thực tiễn đang cho thấy những bất cập trong tổ chức triển khai, không còn phù hợp xu hướng và phát triển của lĩnh vực KH&CN, do đó cần có nghiên cứu, bổ sung làm rõ trong Luật để đảm bảo việc tổ chức triển khai chính sách pháp luật về KH&CN đạt hiệu quả. Cụ thể  - Xem xét từ khía cạnh các hoạt động kinh tế - xã hội:  (1) Mỗi hoạt động kinh tế - xã hội diễn ra đều ở trong phạm vi của một ngành, lĩnh vực vực cụ thể và tại một địa bàn nhất định, do đó luôn có sự đan xen giữa quản lý theo ngánh, lĩnh vực và quản lý  (2) Sự phát triển của từng ngành, lĩnh vực đều có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở phạm vi quốc gia cũng như với từng địa phương. Do đó, nếu lấy "tầm quan trọng" hoặc "phạm vi giải quyết vấn để làm căn cứ phân loại nhiệm vụ KH&CN từ đó phân cấp quản lý có thể dẫn tôi sự chồng chéo trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong Luật. Ngoài ra, theo phân công của Chính phủ, nhiều bộ, ngành có phạm vị quản lý ngành rộng, đa ngành, đa lĩnh vực như: Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, v.v... Do đó, quản lý của những đơn vị này bản thân đã là quản lý liên ngành, liên lĩnh vực.  - Xem xét từ đặc trưng của hoạt động KH&CN và sự phát triển của KH&CN trong thực tiễn hoạt động sản xuất - kinh doanh: theo lãnh thổ (bao gồm các cấp quốc gia và địa phương);  (1) Hoạt động KH&CN thường rất đa dạng và phong phú do trình độ và năng lực hấp thụ công nghệ khác nhau ở mỗi đối tượng (doanh nghiệp)". Với sự đa dạng của hoạt động KH&CN, nếu xem xét tác động từ sự hỗ trợ của nhà nước cho thấy, sẽ cần có các tác động trực tiếp gắn với doanh nghiệp và các tác động gián tiếp (không gắn trực tiếp với doanh nghiệp) nhưng tạo nền tảng cho các hoạt động phát triển nghiên cứu KH&CN chung của quốc gia.  (2) Sự phát triển và ứng dụng công nghệ trải qua nhiều giai đoạn ở các trình độ khác nhau. Ở trình độ thấp, các công nghệ thường đơn giản và ứng dụng ở phạm vi hẹp, gắn với từng ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội. Ở trình độ cao, với sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ hiện đại đã có phép mở rộng phạm vi ứng dụng cho nhiều ngành như: công nghệ tự động hóa, công nghệ sinh học, công nghệ số v.v... Với các công nghệ này, việc chỉ tiếp cận theo đặc thù quản lý ngành, lĩnh vực và lãnh thổ sẽ không còn phù hợp.  Với thực tiễn ở trên, Bộ Công Thương đề nghị:  - Luật KH&CN sửa đổi bổ sung quy định về phân loại nhiệm vụ KH&CN các cấp (quốc gia, bộ, địa phương), việc phân loại cần tỉnh đến đặc thù, tỉnh đa dạng của hoạt động KH&CN và đặc trưng trong phát triển, ứng dụng cũng như các loại hình hoạt động nghiên cứu  (nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng v.v...). Ngoài ra, việc phân định nên cân nhắc tới hiệu quả tác động tới doanh nghiệp, trong đó, tác động trực tiếp sẽ ở phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương, tác động gián tiếp, với vai trò quan trọng trong việc hình thành nền tảng và năng lực KH&CN ở cấp quốc gia sẽ là vai trò quản lý và thực hiện ở phạm vi quốc gia. Cụ thể, Bộ Công Thương để nghị điều chỉnh theo hướng, các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia tập trung vào các chương trình nghiên cứu cơ bản, phát triển các công nghệ lõi, công nghệ có định hưởng ứng dụng, các vấn đề mới (như đã đề cập tại Điều 76); các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ gần với hoạt động triển khai, ứng dụng tại doanh nghiệp.  Căn cứ quy định này, việc quy định giao Bộ KH&CN trình phê duyệt, quân lý các chương trình KH&CN cấp quốc gia và giao một phần các nội dung liên quan tới các Bộ ngành là không cần thiết.  - Cùng với việc rà soát, điều chỉnh quy định về phân loại nhiệm vụ KH&CN, Bộ Công Thương đề nghị có quy định cụ thể về cơ cấu chỉ ngân sách cho các nhóm/loại nhiệm vụ KH&CN như đã được nêu tại điểm a, khoản 6.8 ở trên để đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp. | Tiếp thu và làm rõ trong quá trình xây dựng Luật |
| **Tập đoàn Dầu khí** | Cần rà soát lại quy định về nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở để có quy định phù hợp, tránh chồng chéo với quy định của luật chuyên ngành, gây khó khăn cho các cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu. | Tiếp thu |
|  | Điều 61. Đề tài KH&CN | **Hưng Yên**  **Nghệ An** | Tại gạch đầu dòng thứ 02 có quy định về cụm dự án quy mô lớn, trong khi đó tiêu đề của điều luật là “Đề tài KH&CN”, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp. | Tiếp thu |
| **Bộ Giáo dục và Đào tạo** | Quy định về hình thành, triển khai các cụm đề tài, cụm dự án quy mô lớn, có tính liên kết giao cho một tổ chức chủ trì thực hiện trong nhiều năm, chia thành nhiều giai đoạn, được đánh giá theo từng giai đoạn với mục tiêu hình thành các sản phẩm chủ lực, các kết quả có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội”. Đề nghị xem xét, bổ sung ưu tiên đặt hàng các nhóm nghiên cứu mạnh chủ trì thực hiện các cụm đề tài, cụm dự án quy mô lớn cấp quốc gia, có tính liên thông theo giai đoạn để ra sản phẩm cuối cùng ứng dụng vào thực tiễn. | Tiếp thu và quy định cụ thể khi xây dựng Luật |
|  | Điều 62 về quy định việc đặt hàng nhiêm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh | **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** | Đề nghị nghiên cứu việc kế thừa các nội dung tại điều 25, 26, 27 đã được thực tiễn chứng minh là phù hợp Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ | Nghiên cứu để sửa đổi tổng thể phù hợp với việc phân cấp, phân quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN |
|  | Điều 63. Thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN | **Bộ Tài chính** | - Nội dung dự thảo chưa làm rõ nội hàm “một số chương trình cấp quốc gia sẽ giao các bộ ngành chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ” sẽ dẫn đến thực hiện không thống nhất. Trường hợp không làm rõ được các nội dung giao, đề nghị giữ nguyên quy định như hiện nay: *“Bộ KH&CN ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia”*. | Bảo lưu, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ bổ sung nội dung chi tiết khi triển khai xây dựng Luật. |
| - Theo quy định của pháp luật NSNN căn cứ dự toán được Chính phủ giao, đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ và giao dự toán NSNN cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc (tức là dự toán NSNN giao trực tiếp cho cơ quan, đơn vị trực tiếp làm nhiệm vụ). Do vậy, sau khi làm rõ được các nội dung về thẩm quyền trình phê duyệt và quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, đề nghị Bộ KH&CN lưu ý sửa đổi quy định tại Luật KH&CN đảm bảo phù hợp Luật NSNN (Điều 27, Điều 51). | Tiếp thu. |
| **Bộ Công Thương** | Đề nghị xem lại quy định về mức trần kinh phí do Nhà nước đầu tư tại Điều 62 như đã đề cập ở trên | Tiếp thu |
| **Lạng Sơn** | xem xét đưa các nội dung liên quan đến Chương trình KH&CN tại Điều 63 sang Mục 2. Chương trình KH&CN của Chương VIII để bố cục văn bản khoa học, mạch lạc | Tiếp thu |
| **Lạng Sơn** | sử dụng thống nhất "đề tài KH&CN" và "nhiệm vụ KH&CN" trong văn bản để đảm bảo tính đồng nhất, minh bạch | Tiếp thu |
|  | Điều 64. Phương thức giao đề tài KH&CN | **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** | Quy định cụ thể các phương thức của từng hình thức giao. | Tiếp thu và quy định cụ thể khi xây dựng Luật. |
|  | Điều 65. Tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện đề tài KH&CN | **Thừa Thiên Huế** | đề nghị gộp gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ ba thành “Bổ sung quy định giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp, cấp thiết và áp dụng quy trình rút gọn đối với loại hình nhiệm vụ này để nhanh chóng đưa kết quả vào hoàn thiện, ứng dụng trên thực tiễn, góp phần bảo vệ tính mạng, sức khỏe nhân dân và giải quyết các vấn đề cấp thiết (thiên tai, bão lụt...)”; | Tiếp thu |
| **Bộ Công Thương** | Nghiên cứu bổ sung giải thích từ ngữ đối với "nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ quản lý nhà nước" được đề cập tại Điều 65. | Tiếp thu và tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện |
|  | Điều 67. Đề tài KH&CN liên kết | **Hà Nội** | Đề quy định “các đề tài KH&CN thực hiện theo hình thức nhà nước tài trợ sau khi có đặt hàng và tài trợ của doanh nghiệp đối với các tổ chức (viện, trường, doanh nghiệp)” thì cần làm rõ định hướng về quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả đề tài của doanh nghiệp và các điều chỉnh điều khoản tương ứng trong Luật Quản lý và sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành. | Tiếp thu |
|  | Điều 68. Phân loại hợp đồng KH&CN | **Hà Nội** | Cần làm rõ định hướng đối với đề tài KH&CN liên kết thì bên A ký hợp đồng là đại diện nhà nước hay cả doanh nghiệp và đại diện nhà nước cùng là bên A | Nội dung này sẽ được quy định tại văn bản hướng dẫn Luật |
|  | Điều 69. Quyền và nghĩa vụ của bên đặt hàng/tài trợ | **Hà Nội** | Dự thảo dự kiến kế thừa quy định tại Điều 34 Luật KH&CN năm 2013. Theo đó “Bên đặt hàng theo Hợp đồng NCKH&PTCN có quyền sở hữu kết quả NCKH&PTCN, nếu không có thỏa thuận khác trong Hợp đồng”. Như vậy, với đề tài KH&CN liên kết thì nhà nước và doanh nghiệp là đồng sở hữu kết quả KH&CN. Cần rà soát để đảm bảo tính thống nhất với Luật Quản lý và sử dụng tài sản công. | Tiếp thu để rà soát phù hợp với Luật Quản lý và sử dụng tài sản công.  Rà soát các quy định liên quan đến trách nhiệm giao và ứng dụng kết quả |
|  | Điều 73. Đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN | **Bộ Tài nguyên và Môi trường** | Bổ sung các quy định về giao tài sản là kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; | Nội dung này không được quy định tại Điều này.  Đối với một số tài sản sẽ được quản lý theo Luật Quản lý và sử dụng tài sản công. |
|  | Điều 74. Trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN | **Bộ Tài nguyên và Môi trường** | Bổ sung thêm đối tượng không phải báo cáo là các nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sau khi văn bản pháp luật đã ban hành. | Bảo lưu |
| **Hà Nội** | Dự thảo đang theo hướng kế thừa quy định tại Điều 40. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 40 Luật KH&CN năm 2013 chỉ quy định trách nhiệm đối với nhiệm vụ KH&CN “do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng”, trong khi điều 61 dự thảo Luật KH&CN (sửa đổi) lại quy định có 2 hình thức nhiệm vụ: do Nhà nước đặt hàng hoặc do nhà nước tài trợ.  Đề nghị bổ sung trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng đối với đề tài do Nhà nước tài trợ. | Tiếp thu, rà soát, sửa đổi cho phù hợp.  Sửa các thuật ngữ để làm rõ các trường hợp được ứng dụng. |
|  | Điều 76. Quản lý Chương trình KH&CN |  |  |  |
|  | Chương IX. Dự án ĐMST | **Bộ Tài chính** | Đề nghị không quy định cơ chế hỗ trợ NSNN cho doanh nghiệp triển khai các dự án đổi mới sáng tạo do pháp luật hiện hành không quy định sử dụng NSNN để hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp | Hiện tại,đối với việc triển khai Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia đến năm 2025 (Đề án 844), Cục PTTT là đơn vị quản lý chuyên môn, được thực hiện theo quy định quản lý tài chính là Thông tư số 45/2019/TT-BTC, trong đó, có quy định nội dung và mức chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Điều 10. |
| **Cần Thơ** | Xem xét việc điều chỉnh các nhiệm vụ KH&CN chỉ có đề tài KH&CN và dự án đổi mới sáng tạo, không có dự án khoa học công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm. | Tiếp thu |
| **Thanh Hóa** | Chương IX. Thúc đẩy thương mại hóa kết quả KH&CN và Phát triển thị trường công nghệ: Đề nghị xem xét quy định rõ các hình thức thương mại hóa kết quả nghiên cứu KH&CN | Nghiên cứu |
| **Tập đoàn Dầu khí** | Cần bổ sung quy định về việc xây dựng các chương trình, dự án nhằm hỗ trợ đưa sản phẩm ĐMST ra thị trường. | Nghiên cứu |
|  | Điều 77. Dự án ĐMST | **Trà Vinh** | Đề nghị xem xét bổ sung nội dung là: Hỗ trợ bảo hộ SHTT (nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp,….), sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật. Lý do: các dự án ĐMST thường có nhu cầu hỗ trợ để sản xuất thử nghiệm và bảo hộ SHTT để đảm bảo cơ sở thương mại hóa sau này. | Nghiên cứu tham khảo chương trình 68 |
| **Bộ KH&ĐT** | - Tại Điều 77, đề nghị làm rõ nội hàm và cơ sở đề xuất các quy định về dự án ĐMST. | Tiếp thu |
|  | Điều 78. Quản lý dự án ĐMST | **Hưng Yên**  **Nghệ An** | Đề nghị bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định quản lý Dự án ĐMST; có thể giao cho bộ, ngành địa phương ban hành các quy định quản lý dự án ĐMST thuộc thẩm quyền. | Nghiên cứu rà soát để đồng bộ với nhiệm vụ KH&CN các cấp |
| **Phú Yên** | - Tại Điều 78 Quản lý dự án ĐMST, bổ sung Quy định giao cho Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết trình tự, thủ tục quản lý dự án. | Nghiên cứu rà soát để đồng bộ với nhiệm vụ KH&CN các cấp |
|  | Chương X. CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KH,CN&ĐMST TRONG DOANH NGHIỆP | **Tập đoàn Dầu khí** | Xem xét bổ sung quy định về việc khuyến khích thành lập các tổ chức trung gian, tổ chức dịch vụ KH&CN tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin KH&CN, tư vấn về KH&CN, chuyển giao công nghệ, v.v... | Việc thành lập phải theo quy định hiện hành về quản lý các loại hình khu này |
| **Bộ Công Thương** | Đề nghị đơn vị chủ trì cân nhắc các quy định liên quan tới hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp do khả năng bị cáo buộc và điều tra trong các vụ việc chống trợ cấp đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam theo quy định của WTO và thông lệ quốc tế. | Tiếp thu |
|  | Điều 80 Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo | **Bộ Tài chính** | Các cơ chế, chính sách của Nhà nước hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân nói chung và doanh nghiệp nói riêng hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường KH&CN, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo,… đã được quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ (Điều 3). Văn bản Luật này do Bộ KH&CN là cơ quan chủ trì xây dựng, trình cấp thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện. Vì vậy, đề nghị Bộ KH&CN căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình triển khai để đánh giá kết quả thực hiện các chính sách. Trên cơ sở đó, làm rõ sự cần thiết, tính khả thi của đề xuất bổ sung quy định *“Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo”* vào dự thảo Luật KH&CN sửa đổi, đảm bảo tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực và có thể gây vướng mắc khi thực hiện. | Tiếp thu nghiên cứu sửa đổi bổ sung nội dung này trong Luật Chuyển giao công nghệ |
| **Bắc Ninh** | Tại khoản 1, Điều 80, đề nghị làm rõ nội dung: “Hỗ trợ một phần hoặc toàn phần cho các doanh nghiệp....”. | Tiếp thu |
|  | Điều 81 Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa | **Cần Thơ** | Bổ sung nội dung “*Hỗ trợ các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng*”. | Tiếp thu, rà soát chương trình năng suất chất lượng |
| **Bộ KH&ĐT** | Dự thảo Đề cương đang dự kiến quy định hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Điều 81), hỗ trợ phát triển tài sản trí 7 tuệ (Điều 82), Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo công nghệ (Điều 96),.... Hiện nay tại Luật hỗ trợ DNNVV và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chỉ tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV về cơ bản đã bao gồm đầy đủ các nội dung về hỗ trợ DNNVV, bao gồm các nội dung như hỗ trợ công nghệ cho DNNVV, hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo... Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát theo hướng không quy định lại các chính sách đã có ở các văn bản pháp luật chuyên ngành, chỉ quy định các chính sách mới thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Khoa học và Công nghệ để tránh trùng lắp, chồng chéo. | Bộ Khoa học và Công nghệ nghiện cứu để xây dựng chính sách tổng thể và sẽ nghiên cứu phương án quy định phù hợp khi xây dưng Luật. |
| **Bộ Công Thương** | Đề nghị xem lại sự cần thiết của các nội dung quy định tại Điều 81 | Tiếp thu |
|  | Điều 82 Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ | **Cần Thơ** | Bổ sung nội dung “Hỗ trợ đăng ký bảo hộ và phát triển nhãn hiệu, hỗ trợ phát triển sáng chế, kiểu dáng công nghiệp” | Tiếp thu, rà soát chương trình 68 |
| **CPCP Mỹ Lan** | Đề nghị được quy định cụ thể ở Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn để doanh nghiệp rõ hơn về điều kiện và yêu cầu, hồ sơ, quy trình thực hiện | Tiếp thu |
|  | Điều 83 Khuyến khích công nghệ trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên | **Bộ Giao thông vận tải** | Đề nghị rà soát lỗi biên tập *“Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2023)”* | Tiếp thu |
| **Bộ Công Thương** | Tại Điều 83, cần rà soát để thống nhất đảm bảo tập trung vào phát triển công nghệ trong các ngành ưu tiên. 6.11 Về Chính sách về phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (Chương XII): đề nghị bổ sung giải thích các từ ngữ: Tổ chức hỗ trợ, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hoạt động khởi nghiệp sáng tạo công nghệ. | Tiếp thu, bổ sung vào Điều 3 Giải thích từ ngữ |
|  | Chương XI. THÚC ĐẨY THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ KH&CN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÔNG NGHỆ | **Tập đoàn Dầu khí** | Cần bổ sung quy định về cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển sàn giao dịch công nghệ, chợ công nghệ và thiết bị,... | Tiếp thu |
|  | Điều 85. Quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ | **Bình Phước** | Tại Điều 85 dự thảo Luật (Kế thừa quy định tại Điều 41 Luật KH&CN năm 2013):  - Cần sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 41 Luật KH&CN năm 2013 như sau: “ *Đại diện chủ sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này có quyền xét giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN và tổ chức, đơn vị khác có nhu cầu hoặc tổ chức, đơn vị mà chủ sở hữu thấy cần thiết phải giao để triển khai, ứng dụng*”. Thực tế nhiều đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực xã hội và nhân văn do các viện nghiên cứu, trường đại học là đơn vị chủ trì nhưng không ở tại địa phương nên không có nhu cầu ứng dụng hoặc có nhưng không phải toàn bộ phần kết quả nghiên cứu, trong khi đó các đơn vị tại địa phương lại có nhu cầu nhưng không được giao để ứng dụng vào thực tiễn tại địa phương, hoặc có những cơ quan, đơn vị theo chức năng cần phải sử dụng kết quả nhưng không chủ động nộp hồ sơ đề nghị giao sản phẩm để ứng dụng.  - Theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Luật KH&CN năm 2013, “*Trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN không thể sử dụng được kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì đại diện chủ sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao quyền sử dụng đó cho tổ chức khác có khả năng sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ*”.  Như vậy chỉ có khi nào đơn vị chủ trì không có nhu cầu sử dụng thì mới giao được cho đơn vị khác không phải là đơn vị chủ trì. Trong thực tế nhiều địa phương đặt hàng các viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện các nhiệm vụ KHCN để giải quyết các vấn đề tại địa phương, nhưng theo quy định này chỉ khi nào đơn vị chủ trì không nhận kết quả thì mới giao cho đơn vị khác. Nếu thực tế đơn vị chủ trì nhận sử dụng kết quả thì địa phương lại không được sử dụng kết quả do chính mình đặt hàng để giải quyết vấn đề của địa phương. Vì vậy đề nghị bỏ khoản này. | Nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Quản lý và sử dụng tài sản công  Tiếp thu rà soát sửa đổi quy định khoản 1 Điều 40 và khoản 3 Điều 41, trong đó giao kết quả cho tổ chức chủ trì hoặc tổ chức, cá nhân khác.  Sửa lại quy định theo hướng thực bảo đảm sử dụng kết quả |
| **Hà Nội** | Dự thảo đang theo hướng kế thừa Điều 41 Luật KH&CN năm 2013. Tuy nhiên, Điều 41 chưa tính đến nhiệm vụ KH&CN liên kết (Nhà nước và doanh nghiệp cùng đầu tư kinh phí). Vì vậy, cần bổ sung quy định về quyển sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN liên kết, do Nhà nước và doanh nghiệp cùng đầu tư tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật cho thực hiện nhiệm vụ. | Nhiệm vụ liên kết quy định tại Điều 32 Luật KH&CN |
| **Lâm Đồng** | - Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2022 đã có quy định về giao quyền đăng ký, xác lập quyền đối với kết quả KH&CN trong trường hợp là sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng một cách tự động và không bồi hoàn. Luật KH&CN (sửa đổi) cần nghiên cứu, bổ sung quy định giao quyền sở hữu, sử dụng, khai thác, xử lý đối với các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; các tài sản không đạt tiêu chuẩn là tài sản cố định; các kết quả của nhiệm vụ KH&CN là các báo cáo khoa học, bài báo, quy trình kỹ thuật, vật mẫu, vật nuôi, cây trồng, cây giống... | - Tiếp thu và phối hợp với Bộ Tài chính bổ sung quy định tại Nghị định sửa đổi Nghị định 70.  Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu về giao quyền sử dụng các đối tượng đăng ký bảo hộ quyền SHTT cho tổ chức chủ trì để thúc đẩy thương mại hóa. |
|  | Điều 86. Quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ | **Bình Phước** | Tại Điều 86 dự thảo Luật (Kế thừa quy định tại Điều 42 và hoàn thiện quy định để bảo đảm lợi ích của tác giả kết quả). Quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đề nghị sửa thành *“Chủ nhiệm và thành viên thực hiện nhiệm vụ là tác giả của kết quả nghiên cứu”*. | Điều 12a của Luật SHTT quy định như sau:  Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì các lý do sau: *“1. Tác giả là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm. Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh thì những người đó là các đồng tác giả.*  *2. Người hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo tác phẩm không phải là tác giả, đồng tác giả. ”*  Điều 122 của Luật SHTT quy định:  “Tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là người trực tiếp sáng tạo ra đối tượng sở hữu công nghiệp; trong trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp sáng tạo ra đối tượng sở hữu công nghiệp thì họ là đồng tác giả”.  Theo đó, trường hợp chủ nhiệm đề tài hoặc thành viên của Đề tài có thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (như góp ý kiến, hoặc hỗ trợ…) nhưng không trực tiếp thực hiện nghiên cứu khoa học để tạo ra kết quả nghiên cứu là các báo cáo khoa học hoặc sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là các đối tượng của quyền SHTT, thì theo quy định của Luật SHTT sẽ không phải là tác giả. Do đó, quy định như đề xuất sẽ dẫn đến hệ quả là không bảo đảm được sự thống nhất của hệ thống pháp luật. |
|  | Điều 88. Công nhận các đề tài KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước | **Bộ Y tế** | Đề nghị bổ sung đoạn “Bổ sung quy định xét duyệt các đề tài KH&CN không sử dụng NSNN tương đương nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh”  Lý do: Tăng thêm cơ hội để các đề tài KH&CN không sử dụng NSNN được xét tương đương nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh ngay từ khi xét duyệt đầu vào; không chỉ được công nhận khi đã có kết quả nghiên cứu nhằm khuyến khích, tăng cường huy động nguồn lực ngoài NSNN phát triển KH&CN. | Nghiên cứu tiếp thu |
| **Hà Nội** | Rà soát để đảm bảo thống nhất với quy định đã có trong Luật Chuyển giao công nghệ. | Tiếp thu |
| **CTCP Mỹ Lan** | Đề nghị được quy định và hướng dẫn cụ thể về điều kiện, yêu cầu về hồ sơ  Đồng thời doanh nghiệp có đề tài KH&CN không sử dụng NSNN tương đương nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh nên được hưởng hỗ trợ liên quan khi đáp ứng điều kiện | - Tiếp thu  - Nội dung này sẽ được đưa vào các chương trình KH&CN cụ thể |
|  | Điều 89. Trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ | **Hưng Yên**  **Ninh Bình**  **Thái Bình** | "- Giao quyền sử dụng kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cho tổ chức chủ trì để phối hợp với doanh nghiệp hoàn thiện ý tưởng, thương mại hóa kết quả".  Quy định này có thể phù hợp đối với đề tài do Nhà nước tài trợ kinh phí, nhưng chưa thực sự phù hợp đối với đề tài do nhà nước đặt hàng, đặc biệt đối với đề tài do các viện nghiên cứu, các trường đại học ngoài phạm vi quản lý của địa phương (đề tài do tỉnh ngoài thực hiện). | Tiếp thu rà soát sửa đổi quy định khoản 1 Điều 40 và khoản 3 Điều 41, trong đó giao kết quả cho tổ chức chủ trì hoặc tổ chức, cá nhân khác.  Sửa lại quy định theo hướng thực bảo đảm sử dụng kết quả |
| **Hà Nội** | Để quy định triển khai ứng dụng có tính khả thi cần phân biệt triển khai ứng dụng trong quá trình thực hiện đề tài (theo hợp đồng) và triển khai ứng dụng sau khi nghiệm thu đề tài; hình thức và nguồn kinh phí. | Tiếp tục nghiên cứu nội dung này |
| **Sóc Trăng** | Đề nghị bổ sung nội dung quy định về “Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được giao quyền sử dụng, tổ chức ứng dụng kết quả của nhiệm vụ KH&CN”. | Tiếp thu và sửa trong văn bản hướng dẫn L |
|  | Điều 92. Thị trường công nghệ | **Hà Nội** | Điều 92. Thị trường công nghệ & Điều 93. Thúc đẩy thị trường công nghệ: Rà soát khái niệm (thị trường công nghệ) cho thống nhất với Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 (thị trưởng KH&CN) | Tiếp thu |
|  | CHƯƠNG XII. CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO | **Tập đoàn Dầu khí** | Cần bổ sung quy định về chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực KH&CN, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các quỹ đầu tư mạo hiểm, các nhà đầu tư thiên thần,... | Tiếp thu |
|  | Điều 95. Tổ chức hỗ trợ, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo | **Hà Nội** | Cần bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ và định hướng của loại tổ chức này: là doanh nghiệp (đăng ký và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp), đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức có hoạt động KH&CN (nếu không cần đăng ký hoạt động KH&CN như quy định tại Điều 13 thì sẽ đăng ký hoạt động theo quy định của Luật nào) hay tổ chức KH&CN. | Tiếp thu |
|  | Điều 96. Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo công nghệ | **Thừa Thiên Huế** | đề nghị bổ sung quy định mức hỗ trợ là bao nhiêu phần trăm kinh phí (Dự thảo đang ghi “Hỗ trợ một phần kinh phí” là chưa rõ ràng, cụ thể. | Tiếp tục nghiên cứu |
|  | CHƯƠNG XIII. ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC KH&CN, CHƯƠNG TRÌNH KH&CN | **Tập đoàn Dầu khí** | Bổ sung quy định về đánh giá tổ chức thúc đẩy ĐMST để các tổ chức nhìn rõ được các điểm còn hạn chế, bất cập và có giải pháp điều chỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động. | Bảo lưu vì hoạt động của tổ chức loại này quá rộng, có tính đa ngành đa lĩnh vực |
| Bổ sung quy định các tổ chức KH&CN công lập, các chương trình KH&CN sử dụng NSNN phải tự đánh giá hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ gửi về Bộ KH&CN thông qua hệ thống công nghệ thông tin. | Tiếp thu |
| Bổ sung nội dung kinh phí liên quan đến đánh giá | Tiếp thu |
|  | Điều 104. Kinh phí đánh giá | **Tiền Giang** | Tại Điều 104 Đề cương Luật KH&CN (sửa đổi): “Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn khác” đề nghị xem xét, điều chỉnh thành ”Nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN, nguồn vốn khác”. | Tiếp thu |
|  | Điều 117. Khoa học mở | **Hà Nội** | Bổ sung giới hạn đối với việc chia sẻ thông tin, kết quả nghiên cứu thuộc loại bí mật nhà nước. | Tiếp thu |
|  | CHƯƠNG XIV. PHỔ BIẾN, LAN TỎA TRI THỨC KH,CN&ĐMST | **Tập đoàn Dầu khí** | Bổ sung quy định về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN phải phổ biến kết quả nghiên cứu sau khi kết thúc và được nghiệm thu. | Tiếp tục nghiên cứu cho phù hợp |
| Bổ sung quy định về Ngày Đổi mới sáng tạo quốc gia. | Bảo lưu |
|  | Điều 119. Khen thưởng, Giải thưởng về KH, CN & ĐMST | **Hà Nội** | Xem lại thuật ngữ “nhà khoa học có giá trị cao về khoa học” | Tiếp thu |
|  | Điều 120. Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước về KHCN | **Hà Nội** | Điều 120 chỉ liên quan đến Giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về KH&CN. Vì vậy, ý ở gạch đầu dòng thứ 2 “Chính phủ quy định chi tiết về đặt và tặng giải thưởng của tổ chức và cá nhân về KH&CN” đặt tại Điều 120 là không phù hợp. | Tiếp thu |
| **Bình Dương** | Theo khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, “Văn bản quy phạm pháp luật không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”. Đề nghị xem xét không cần thiết phải đưa nội dung này vào dự thảo Luật. | Tiếp thu |
| Tại Điều 120 quy định “Chính phủ quy định chi tiết việc đặt và tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân về KH&CN”. Cần phải xem xét lại thẩm quyền tổ chức xét tặng đã được quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 18/2024/NĐ-CP | Tiếp thu |
| **Thái Bình** | Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, thống nhất quy định Tại điều 120. Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước về KHCN và Điều 121. Giải thưởng KHCN&ĐMST của Bộ, ngành, địa phương. Xem xét để thống nhất là KHCN&ĐMST hay để KHCN. | Tiếp thu |
|  | Điều 121. Giải thưởng KHCN&ĐMST của Bộ ngành, địa phương | **Hà Nội** | Không nên quy định cứng “công bố và trao giải thưởng vào dịp kỷ niệm ngày KH&CN Việt Nam”. Ví dụ: Hà Nội trao giải vào ngày 10/10 cũng có lý do phù hợp. | Tiếp thu |
| **Ninh Bình** | Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, thống nhất quy định tại Điều 121. Giải thưởng KHCN&ĐMST của Bộ, ngành, địa phương. Với việc đổi tên Luật để mở rộng phạm vi điều chỉnh sang hoạt động Đổi mới sáng tạo, do đó cần xem xét để thống nhất là KHCN&ĐMST hay KH&CN. | Tiếp thu |
|  | Chương XV. HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KH,CN&ĐMST | **Hưng Yên**  **Nghệ An** | Chương gồm 03 điều (Điều 123, Điều 124, Điều 125), tên Chương có hoạt động hợp tác và hội nhập, tuy nhiên cả 03 điều luật chỉ mới điều chỉnh nội dung hội nhập, không quy định về nội dung hợp tác. Kính đề nghị chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp. | Tiếp thu |
| **Tập đoàn Dầu khí** | Cần làm rõ hơn các chính sách thu hút nguồn lực, chuyên gia nước ngoài tham gia vào hoạt động KHCN & ĐMST ở Việt Nam. | Tiếp thu |
| Xem xét bổ sung quy định về cơ chế, chính sách thúc đẩy hợp tác song phương, đa phương về KHCN & ĐMST giữa các địa phương của Việt Nam với các địa phương của nước ngoài. | Tiếp thu |
|  | CHƯƠNG XVI. TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN | **Nghệ An** | Đề nghị sửa tên Chương thành: “TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH,CN&ĐMST”. | Tiếp thu |
| **Hà Nội** | Nên đổi tên chương là Trách nhiệm quản lý nhà nước về KHCN&ĐMST và nghiên cứu hoàn thiện quy định tại các Điều 127, 128 do hiện đang có sự chồng chéo nhất định giữa ngành KH&CN và kế hoạch và đầu tư. | Tiếp thu |
|  | Điều 126. Trách nhiệm của Chính phủ | **Bắc Ninh** | Về trách nhiệm quản lý nhà nước về KH&CN giữ nguyên theo Luật KH&CN năm 2013 là chưa phù hợp. Lý do, trong đề cương Luật sửa đổi có bổ sung tổ chức KH&CN ngoài công lập (Điều 13) và nội dung về đổi mới sáng tạo (ĐMST) với nhiều chính sách hỗ trợ đề thúc đẩy phát triển KHCN và ĐMST trong doanh nghiệp (Chương X), vì vậy cần sửa đổi các Điều 73, 74, 75, 76 Luật KH&CN năm 2013 cho phù hợp với các nội dung trên. | Tiếp thu |
|  | Điều 128. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ | **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** | Để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, đồng thời giúp các Bộ, ngành chủ động tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ trong lĩnh vực được giao, sát với yêu cầu thực tiễn của Bộ, ngành, đề nghị bổ sung tại đề cương dự thảo Luật quy định về giao cho Bộ trưởng ban hành loại văn bản để quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ, ngành. | Tiếp thu |
|  | Điều 129. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | **Lâm Đồng** | Thống nhất kế thừa quy định tại Điều 76 (Luật KH&CN năm 2013); tuy nhiên, cần quy định cụ thể trách nhiệm của địa phương trong việc chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học cho các tổ chức và cá nhân và tổ chức có nhu cầu ứng dụng. | Tiếp thu. Nội dung này đã có quy định tại điều liên quan của dự thảo |
|  | CHƯƠNG XVII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | **Hà Nội** | Luật KH&CN sửa đổi không chỉ liên quan đến Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công mà còn liên quan đến nhiều Luật khác. Vì vậy, chương XVII cần bổ sung một số điều liên quan đến sửa đổi, bổ sung các điều, khoản có liên quan của các Luật khác. | Tiếp thu |
|  | Điều 130. Sửa đổi, bổ sung Điều ...của Luật Chuyển giao công nghệ |  |  |  |

1. Trên cơ sở Luật chuyển giao công nghệ, Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ (Điều 34): Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tại Điều 1 Quyết định số 04/2021/NĐ-CP quy định: (i) Điều 1 quy định Quỹ NATIF là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận và (ii) Điều 35 quy định vốn điều lệ phải được phát triển, bảo đảm an toàn vốn. [↑](#footnote-ref-2)